

5077
D215
924+

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Văn Đường

QUỐC TẾC HÀ N



tuổi ngọc

99

LUYEN, SAIGON 1973



CHỦ NHIỆM CHỦ BÚT : **VŨ MỘNG LONG**
QUẢN LÝ : **ĐẶNG XUÂN CÔN**
THƯ KÝ : **ĐÌNH TIẾN LUYỆN**
PHÁI VIÊN : **PHẠM ĐÌNH THỐNG**

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ NĂM

Tòa soạn, trị sự : 286 Công Lý, Sài Gòn III
Nhà in, địa chỉ liên lạc : 9B/15 Thánh Mẫu, Chí Hòa
Hộp thư : 1146 Điện thoại : 40822

VĂN

quê hương trong trí nhớ
thương nhớ tháng tư
hà nội của chàng trai vừa lớn
sắn đuôi kỷ ức
quyên
tưởng nhớ một thời
những người xa hà nội
giậu bìm bìm cũ
mong một ngày về
người yêu hà nội
chuyện cô bé tên hà nội
mùa trăng, giấc mơ và hà nội
hà nội, hẹn một ngày về

MAI THẢO
VŨ BẰNG
DUYÊN ANH
THANH TÂM TUYỀN
THANH NAM
TRẦN LÊ
NGUYỄN MAI
DUY NGUYỄN
KIỀU GIANG
AN CHÂU LAN
NGUYỄN THIẾU NHẪN
PHẠM NGUYỄN NHƯỢNG
P. AN

T H Ơ

nguyên tất nhiên. nguyên như mây. trần văn nghĩa. nguyên như
ngàn. bửu khánh hồ. phạm chu sa.

TRUYỆN DÀI

một chút mưa thơm
anh chi yêu dấu

MUỖNG MÁN
ĐÌNH TIẾN LUYỆN

MINH HỌA

ly. hoàng đăng. hồ đắc ngọc. lê vĩnh ngọc

BIÊN LAI SỐ 597/ĐTTINBC NGÀY 24-4-1971

tuần lễ từ 26-4-73
đến ngày 03-5-73

số 89

năm
thứ
hai

giá 80đ.

DUYÊN ANH



HÀ NỘI CỦA CHÀNG TRAI VỪA LỚN

Thuở nhỏ, ở một phố vắng tĩnh ly buổi trưa, tôi thường được nghe
người vú em ru con chủ nhà hàng xóm bằng những câu :

Con cô đồ cọc cầu ao

Ăn sung sung chát ăn đào đào chua

Ngày ngày ra đứng cổng chùa

Trông lên Hà Nội thấy vua đức tiền

Hà Nội, nơi thăm thẳm ngàn trùng của thằng bé con, nơi chẳng bao giờ
nó cần biết tới, nghĩ tới, không ngờ lại có mối liên hệ mật thiết với những
đồng trinh, đồng xu, đồng hào rủng rỉnh trong túi áo nó. Những đồng tiền
đánh đáo. Vua đã đức tiền ở Hà Nội cho nó đánh đáo. Vua nào đức tiền nhỉ?
Đây đồng trinh Khải Định. Nọ đồng xu đồng, đồng kẽm Bảo Đại. Vua đã đức
tiền ở Hà Nội. Và khi thằng bé con thua đến đồng xèng cuối cùng thì nó
bắt đầu mơ ước có đôi cánh của con cò. Để bay lên Hà Nội. Đến chỗ vua
đức tiền. Lượm một túi đem về đánh đáo thả cửa. Hà Nội, tôi bắt đầu dẹt
giấc mơ đặt chân lên miền đất vua như những người theo đạo Thiên Chúa
nghèo khổ hoài mong có lần tới thánh địa Jérusalem.

Giàu xù quê không bằng ngồi lê Hà Nội.

Hà Nội càng ngày càng quyen rũ tôi. Cơ hồ viên kẹo ngậm mãi không tan mà chỉ thấy tăng thêm chất ngon tuyệt lạ. Ngồi lê Hà Nội sướng hơn giàu nứt đổ đổ vách ở xứ quê, tôi có quyền nghĩ rằng xách bị đi ăn mày ở Hà Nội, trở về nơi chôn rau cắt rốn của mình vẫn cứ là hoàng tử. Rồi Hà Nội thâm nhập vào hồn tôi bằng sự tích Thăng Long đời Lý, bằng huyền thoại rùa thần trả gươm vua Lê.

Hà Nội ba mươi sáu phố phường

Hàng Mật hàng Đường hàng Muối trắng tinh

Từ ngày ta phải lòng mình

Bác mẹ đi rình đã biết mấy phen

Hà Nội, bây giờ, là vùng đất của tình yêu, của chàng trai « phải lòng » cô gái. Những ba mươi sáu phố hèn hò, lẫn trốn, bác mẹ rình mãi cũng khó bắt gặp. Hà Nội lý tưởng ghê. Nơi ấy, vẫn xa cách tôi dù tôi yêu nó thiết tha, yêu nó qua những câu thơ gọi tên nó của Nguyễn Bính :

Sáng nay sau một cơn mưa lớn

Hà Nội bừng lên những nắng vàng

Tôi thấy quanh tôi và tất cả

Châu thành Hà Nội chít khăn đỏ

Hôm qua có chuyến tàu xuôi

Định về Hà Nội lại thôi không về

Hà Nội ba mươi sáu phố phường

Lòng chàng trót để một tơ vương

Đó là những câu thơ trong thi phẩm *Lỡ bước sang ngang* mà tôi cho là những câu thơ hay nhất. Vì có Hà Nội. Ôi, Hà Nội tuyệt vời, Hà Nội tôi chưa biết, Hà Nội trong giấc mơ xanh. Hà Nội, một nhạc sĩ vẽ ra giùm tôi :

Đây hồ Gươm, Hồng Hà, hồ Tây

Đây lăng hồn núi sông ngàn năm

Đây Thăng Long

Đây Đông Đô

Đây Hà Nội

Hà Nội mến yêu

Hà Nội đẹp sao ôi nước hồ Gươm xanh thăm lòng

Bóng Tháp Rùa thân mật êm ấm lòng

Hồng Hà tràn đầy Hồng Hà cuốn tràn đầy sóng ngàn lời dăng

Hà Nội vui sao những cửa đầu Ô tiu tit gánh gồng

Đây ở Chợ Dừa kia ở Cầu Rền tà áo xanh mơ

Hà Nội phơi phơi sống vui phố hè

Bồi hồi chàng trai những đôi mắt nào

Xen quanh rộn ràng Đồng Xuân

Xanh tươi bát ngát Tây hồ

Hàng Đào riu rít hàng Đường hàng Bạc hàng Gai...

Những Hà Nội ấy đã cháy. Lửa kiêu hùng đã đốt cháy Hà Nội. Lửa của những tấm lòng trai Hà Nội noi gương Hoàng Diệu. Hà Nội cháy khi tôi chưa kịp tới. Hà Nội thấp sáng một trời quê hương kháng chiến. Và tôi nghe Hà Nội âm vang :

Tiếng hô xung phong

Cầm hồn sôi

Gầm nồng súng

Bụi đường réo

Cuốn khô xác thù

Từng thịt máu tung

Từng bờ tường mái hiên

Từng mô đất từng căn gác

Từng khu phố từng khe cống

Hà Nội vùng đứng lên

Sóng Hồng reo

Hà Nội vùng đứng lên...

Hà Nội cháy. Và Hà Nội bỗng gần tôi gang tấc. Người Hà Nội rời Hà Nội mang theo Hà Nội « đi tìm chân trời nơi miền quê ». Tôi được hít hà hương thơm Hà Nội. Nghe nụ cười ngạo nghễ của Đinh Hùng :

Ta cười lên gọi Thăng Long

Lửa thiêu tâm sự máu hồng chiêm bao

Ngày về chuyển bước trăng sao

Đã nghe mạch đất dạt dào núi sông...

Như cùng hẹn về chiếm lại Hà Nội trong tay thù với Chính Hữu :

Rách tả tôi rồi đôi giày vạn dặm

Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa

Mái đầu xanh hẹn mãi tới khi già

Phơi nắng gió và hoa ngàn cỏ dại

Theo tiếng gọi của những người Hà Nội

Trở về. Trở về chiếm lại quê hương...

Và tưởng mình đang ở thác lũ kéo quân về :

Năm cửa ỏ đón mừng đoàn quân tiến về

...

Chúng ta thơm lại hoa

Sắc hương phai ngày qua

Ở phố phường Hà Nội xưa yêu dấu...

Hà Nội, thành ra, là một lớp khói lửng lơ trong hồn đào thơ ấu của tôi. Tôi nhớ thủ đô hơn người thủ đô. Tôi mong trở về thủ đô hơn người thủ đô. Và tôi đã đặt chân lên miền đất vua như một giáo dân nghèo khổ đặt chân lên đất Chùa. Năm ấy, tôi mười bảy tuổi.

Rộn ràng cơ hồ đưa con nít nhà quê lần đầu tiên đi chợ phiên. Đó là tôi mười bảy tuổi lần đầu tiên biết mặt Hà Nội. Cảnh phồn hoa làm chói mắt

tôi, làm choáng váng hồn tôi. Tôi nhìn cái gì cũng mới lạ. Từ cây kem đậu xanh Cầm Bình ở Duy Tân đến tách cà phê Giảng ở Cầu Gỗ. Hà Nội đẹp. Hà Nội sang. Hơn cái tỉnh lỵ nhỏ bé, cái tỉnh lỵ đồng chua nước mặn của tôi. Tôi đi tìm những Hà Nội trong thơ, trong nhạc đã quyến rũ tôi, đã tạo dựng giữa trái tim tôi một lâu đài thêm khát. Tôi đã hoài công. Chẳng có gì ghê gớm như tôi đã vọng tưởng. Hà Nội, chắc chắn, chỉ còn tuyệt vời ở sự *trống lên* ngày ngày của con cò thuở nhỏ. Một thành phố ta đã đến là một phố ta sẽ chán. Người ta thích nói tới hồ Hoàn Kiếm, tới đền Ngọc Sơn, tới cầu Thê Húc. Người ta rắc sương mờ lên hàng liễu bên hồ. Người ta thả mộng kin mặt hồ Tây.

Người ta tiêu thuyết hóa bụi mưa, khói thuốc. Nói chung, cái thường tình của con người là chỉ thấy « chỗ quê hương là đẹp hơn cả » khi rời xa, khi quê hương đã trở thành nơi vĩnh biệt. Kỷ niệm không tự nó bốc khói. Phải đợi nhóm lửa. Kỷ niệm về một thành phố, Hà Nội chẳng hạn, phải chờ có dịp, đúng lúc nó mới tỏa những đợt khói nhớ nhung, tưởng tiếc. Và nhờ nhung và tưởng tiếc nào chả ru hồn người ? Hãy nghe một nhà văn tưởng tiếc tiếng chuông tàu điện sáng sớm mùa đông tự ngoại ô Bạch Mai bỏ vào thành phố. Hãy đọc một nhà văn nhớ nhung ông tàu già bán lạc rang bên hồ Gươm và cùng ông ta nhai những viên lạc ron tan, bụi ngậy, nóng hổi giữa chiều cuối thu. Hà Nội đã tuyệt vời như thế. Chỉ tuyệt vời như thế khi ta chưa biết gì về nó. Và ta sẽ thả hồn ta lang du cùng Trần Quang Dũng « Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm ».

Đọc mấy giò trên, người ta có thể nghĩ tôi không yêu mến Hà Nội. Không yêu Hà Nội làm sao tôi đã chứa trong óc biết bao câu thơ, lời nhạc có hai tiếng Hà Nội ? Bởi quá yêu Hà Nội nên tôi đã thất vọng vì Hà Nội. Quả thật, Hà Nội đã không tuyệt vời đúng với ý tôi. Giả đừng bao giờ tôi biết Hà Nội ? Tôi trách tôi như thi sĩ Nguyễn Bính trách người yêu :

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*

Hương đồng gió nội của tôi là tấm lòng yêu mê mệt một thành phố tôi đã cùng con cò đứng trước cổng chùa *trống lên Hà Nội thấy vua dục tiền*. Hương đồng gió nội ấy bay đi thật nhiều. Một người Hà Nội chính cống sẽ miệt thị tôi : Nó biết gì về Hà Nội mà viết về Hà Nội. Viết về Hà Nội như thế nào ? Kề lẽ một thời thơ ấu hơi thuyền ở hồ Tây, nó đùa ở Nghi Tam, Quảng Bá, ăn bánh tằm ở Cồ Ngự, uống cà phê ở Tùng, Giảng, ăn phở ở Hàng Than dạo phố ở Hàng Đào, câu cá ở Thuyền Công, hẹn hò ở Láng... Hà Nội không lẽ chỉ có « tóc thề thả gió lè thề », không lẽ chỉ có áo màu tung bay. Và, không lẽ chỉ có trường Trưng Vương nổi tiếng em nào cũng đẹp ? Người ta đang đua nhau tưởng tiếc những thứ đó, những thứ mà tôi nghĩ không phải là linh hồn Hà Nội. Theo tôi, linh hồn Hà Nội phải là những đêm « sống cho Hà Nội, chết cho Hà Nội » của những chàng trai Hà Nội kiêu

hùng một thuở. Người ta đích thực có kỷ niệm về một thành phố lịch sử khi người ta trở thành sự cần thiết cho thành phố lịch sử ấy. Và đó mới là kỷ niệm đáng phơi bày. Ngoài ra là những kỷ niệm bình thường. Như ta tưởng tiếc bất cứ một nơi chốn bình thường nào khác.

Tôi không ở trong số những người cần thiết, những người làm đẹp Hà Nội nên không muốn tưởng tiếc cái bề nổi của Hà Nội, dù tôi đã có vài năm làm học trò lêu lổng khắp chốn Hà Nội. Với tôi Sài Gòn đáng ngợi ca hơn Hà Nội. Sài Gòn đang cho tôi hơi thở, đang cho tôi sự sống. Ta nên dành cho dĩ vãng đồ nát một tiếng thở dài. Là đủ. Hà Nội đã đồ nát. Đồ nát toàn diện. Thành phố ấy đã đòi đời. Một người đã nói giùm ta sự đòi đời cay đắng đó :

*Tạo hóa gây chi cuộc hi trường
Đến nay thấm thoát mấy canh sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương
Ngàn năm bóng cũ soi kim cổ
Cảnh đây người đây luống đoạn trường*

Viết thêm một triệu trang thương nhớ Hà Nội bằng thừa. Tám câu của Bà Huyện Thanh Quan đã đủ ngàn năm tưởng tiếc một thành phố văn vật « rầy đã lên đồng, nơi thì nhà cửa nơi trồng ngô khoai » !

DUYÊN ANH
(Tháng 3 - 1973)

*Sống Mới, 30b Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn II
vừa cho phát hành toàn quốc
truyện dài đánh dấu hè 1973*

THƯ TÌNH TRÊN CÁT DUYÊN ANH

- Một chuyện tình rực rỡ hơn bất cứ một chuyện tình rực rỡ nào.
- Đẹp như nước biển dưới nắng hạ. Nồng nàn như cát trưa hè. Kỳ ảo như khói sóng. Và lạ lùng như biển đêm.

HÀ NỘI BA MƯƠI SÁU PHỐ PHƯỜNG

□
NGUYỄN
BÍNH



Hà Nội ba mươi sáu phố phường
Lòng chàng có để một tơ vương
Chàng qua chiều ấy qua chiều khác
Góp lại đường đi vạn dặm đường

Nhà ấy hình như có mặt trời
Có rừng, có suối, có hoa tươi
Bao nhiêu chim lạ, bao nhiêu bướm ?
Không có gì đâu, có một người

Chân bước khoan thai lòng hồi hộp :
Có nên qua đây nữa hay không ?
Không nên qua đây ? Nên qua đây ?
Không, nhớ làm sao ! Qua, mất công ?

Có một chiều kia anh chàng si
Đến đầu phố ấy bỗng ngừng đi
Hai bên hàng phố hình như họ ...
Đi mãi, đi hoài có ích chi ?

Đem bao hy vọng lúc ra đi
Chuồn lầy buồn thương lúc trở về
Lòng mỗi lần đi, lòng bão táp
Mỗi lần là mỗi cuộc phân ly

Chàng đau đớn lắm, mỗi căn mỗi
Răng cắn vào răng lời ghen lời :
Hờ hững làm sao, mê mẩn quá
Trời ơi cửa vớt lấy hồn tôi

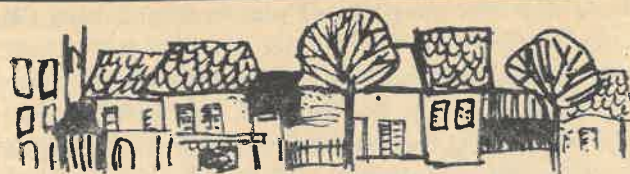
Chao ơi, yêu có ông trời cứu
Yêu có ông trời khóa được chân
Chàng lại đi về qua phố ấy
Mấy mươi lần nữa và vân vân

Chàng đi, đi mãi ; đi, đi mãi
Đến một chiều kia, đến một chiều
Phố ấy đỏ bừng lên xác pháo
Yêu là như thế ! Thế là yêu !

Hà Nội ba mươi sáu phố phường
Lòng chàng đã đứt một tơ vương
Chàng qua chiều ấy qua chiều khác
Ô ! một người đi giữa đám tang.

NGUYỄN BÌNH

THANH TÂM TUYỀN



SĂN ĐUỔI KÝ ỨC

Tôi sống ở Hà Nội chẳng bao lâu — so với những năm tháng trôi dạt đó đây — Nơi tôi lọt lòng mẹ không phải là Hà Nội, nhưng nếu kể đời một người chỉ thật sự sinh ra từ lúc nó có một trí nhớ riêng, ghi nhận và lưu giữ những ấn tượng đầu tiên về quanh mình thì có thể bảo tôi đã sinh ra tại Hà Nội.

Trí nhớ tôi đã mọc nhô lên từ những cảnh tượng của Hà Nội, trước những cảnh tượng ấy là sự trắng xóa (hay đen kịt) của đời sống ngo ngoe bất giác, của tiềm thức đó chăng (?), của đời sống thuộc vào trí nhớ kẻ khác.

Bắt đầu khi tôi thấy được tôi, tôi thấy tôi đi học võ lòng tại một lớp học tư trước chợ Hôm. Nhà tôi ở xóm Chùa Vua, phố Tám Gian, gần đền thờ Hai bà. Giới hạn của trí nhớ tôi là gian nhà ấy, đứng ra là tiền diện mấp mөр của gian nhà bên một con đường đất rộng, (rộng chắc là đối với con mắt của đứa bé vừa biết mở mắt thấy cho riêng mình), bên kia đường hình như không có gì ngoài một vệt cỏ. Rồi đến một ánh điện vàng yếu trong gian nhà. Kế tiếp là lớp học võ lòng giữa phố chợ Hôm, xế cửa chợ, có lối vào là một hành lang mờ tối—nhà này về sau giữa những năm chiến tranh mở rạp xi nê bình dân lấy bằng hiệu là «Ciné Hà nội». Đưa đón tôi đi học không phải là cha tôi hay mẹ tôi mà là một người cháu hoặc người em của ông bố nuôi tôi (sau này) đeo tôi trên xe «bình bịch».

Những ảnh tượng về cha về mẹ, nói chung ảnh tượng về người, đến sau những ảnh tượng về cảnh và đồ vật. Tôi không rõ đó là tính chung của ký ức thơ đại hay chỉ là tính riêng của ký ức tôi.

Tôi nhớ mỗi lần ra về, tôi đứng nép sát vào bên tường ở hành lang trong khi học trò túa chen trước mặt tôi — tôi nhỏ quá, đi học sớm hơn trẻ khác và tôi không khoẻ mạnh mấy — và người đi đón cao lớn rẽ đám học trò để đến gần tôi. Thời ấy có nhữ từ «bon point» phát sau mỗi buổi học và mỗi một từ «bon point» tôi đổi được một cái kẹo «gôm» hoặc một cái kẹo «phim». (Những đứa lớn hơn kẹp mẫu phim «xi-nê» giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ của bàn tay trái và dùng bốn ngón tay phải gảy kêu lách tách ròn tan).

Gian nhà thứ hai tôi thấy ở Hà Nội là ở phố cửa Nam, nằm giữa cổng xe

hỏa và phố Cẩm Chỉ, trông sang nhà ANPO và đầu đường Hàng Đầy với bến tàu điện đổ trước khi rẽ vào Hàng Bông. Chỗ tàu điện ngừng là những mảng tường hồng thuộc dãy nhà quay mặt về phía cuối phố hàng Bông đi xuống chợ Cửa Nam. Chỗ ấy, trong trí nhớ của tôi, lại có một lối khoét tối—có thể là một gian nhà nhỏ hẹp của phố Hàng Đầy—tôi cứ nhìn thấy có một cái cầu thang gỗ ọp ẹp dẫn lên một gian gác nhỏ, hẹp, thấp, trổ một cái cửa sổ song gỗ, cánh gỗ nhìn xuống trạm xe điện, như một cái chuồng chim. — đến đây trí nhớ đã không còn đơn thuần là của tôi nữa, ánh sáng chiếu rọi đã được tạo do sự giao thoa với các nguồn sáng khác, trí nhớ khác, và tôi lui nhập nhaoang trong một quầng lẫn lộn trước sau; cây trí nhớ đã mọc chia nhiều nhánh ngành, lá thấy ở cảnh dưới có thể là của cảnh trên.

Như một cái chuồng chim là trí nhớ của mẹ tôi đem vào tôi sau này, mỗi khi bà nhắc thời khốn cực khi bà từ chối lời cầu hôn của ông bố nuôi tôi sau này, của một người bạn thiết nữa của cả cha tôi lẫn ông bố nuôi và bất chấp sự can ngăn của gia đình lấy người đàn ông là cha tôi. Trông cái bộ ba khảng khít—và tiếp tục còn giữ được sau quyết định của người thiếu nữ bướng bỉnh nhiều nam tính—cha tôi là người thua kém nhất: mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống với bà mẹ nuôi ác nghiệt, học hành dở dang, lù ù ít nói, chỉ tùm tùm cười, gần như nhu nhược không thể tự quyết định việc gì... Hai người thanh niên kia đầy tương lai: ông bố nuôi đang học trường Thuốc, về sau bỏ học kỹ sư và người thứ hai học Thuốc đến nơi đến chốn. Mẹ tôi đã giạt cha tôi ra khỏi tay bà mẹ nuôi độc đoán, khắc nghiệt—vì cô độc, cô quả—cùng cha tôi trở về Vinh, nơi gia đình bên ngoại tôi lập nghiệp đã lâu đời, nơi mẹ tôi đã phải bỏ đi năm mười sáu, mười bảy tuổi sau vụ Sô Viết Nghệ An. (Cô Cẩm, con gái út của một gia đình Tàu Phúc Kiến không con trai, phải nuôi con trai nuôi, trước khi nhà đưa ra Hà Nội trốn, còn thất hai giải bím và là đứa con trai biến tướng trong bốn chị em, tham gia biểu tình chính trị Cộng Sản...) tôi được để ra ở Vinh thời cha tôi dạy học tại trường Khuất Như Khôi. Nhưng mẹ tôi không hợp với gia đình nên sau khi sinh tôi ít lâu cha mẹ tôi lại trở ra Hà Nội. Đứa em trai duy nhất của tôi, sau tôi hai năm, được sinh tại Hà Nội. Trong thời gian nghèo túng chưa kiếm ra việc làm, hai người và tôi (tôi chưa ký ức) sống chui trên một căn gác xếp đầu phố Hàng Gai, ở nhờ nhà người quen, chật như một cái chuồng chim.

Cái chuồng của một đôi chim bồ câu, vì tâm trí còn chưa ngót thơ mộng, quanh quẩn bên nhau suốt ngày, mặc dầu ăn rau muống có khi hằng sáu tháng trường với một đứa con đau yếu kinh niên, mẹ tôi bảo thế. Tôi được đặt tên là Tâm cũng vì vậy. Chỉ hai năm sau thôi, em tôi sinh ra đã là đối cực của tôi, tên nó biểu hiệu mối lo toan hãi sợ trước đời sống khốn đốn phải trải đã xâm nhập đầu óc hai vợ chồng: Tâm đã qua, bây giờ là Chất.

Khu cửa Nam, trước ANPO, mở vào khu vực sang trọng của Hà Nội. Chỉ cần vượt qua đường xe hỏa là gặp các biệt thự, kỳ đài còn dấu dạn đại bác lúc Tây hạ thành, vườn hoa Canh Nông, con đường đôi thông

suốt từ cửa Bắc đến Hàng Đầy rợp bóng cây, vườn hoa con Cóc, dinh Toàn Quyền, chùa Một Cột, vườn Bách Thảo với các làng Ngọc Hà, Quận Ngựa, làng Thụy Khê, Hồ Tây, Trúc Bạch... ôm vòng hai bên và sau lưng... Là một điều đến đây tôi vẫn chưa thấy xuất hiện bóng dáng của cha mẹ tôi. Trí nhớ của tôi vẫn chỉ ghi toàn là cảnh tượng và đồ vật thêm một vài âm thanh. Nhà hàng ANPO nằm như một cái mũi tàu, cửa ra vào mở ở đầu mũi, phình ra hai bên—một về phía Hàng Đầy, một về phía phố tôi ở—với những mặt kính lớn, trong suốt. Đứng bên này hè trông qua đó là cả một thế giới xa vời. Vĩa hè chạy trước nhà thật rộng nơi có những đứa lớn hơn tôi, hoặc con Tây, trượt Patin, đi Scooter (chiếc xe cho trẻ con chơi có tay cầm cao như xe đạp, hai bánh nhỏ đặt dưới một chiếc bàn dài để chân. Đặt một chân trên bàn đứng, hai tay giữ tay lái, còn một chân đạp trên đất cho xe chạy khi đã có đà thì thu cả hai chân lên). Những âm thanh đầu tiên của tôi là tiếng còi tàu xe hỏa hú vang liên hồi từ mãi phía Công Đức, Đường Thành báo trước xuống phố, tiếng đoàn tàu xinh xịch chuyển động chạy ngang bên trong cây rào cản sơn đỏ trắng với người gác cổng cầm cây cờ đỏ phát làm hiệu trước khi hạ cây cản và xách cái biển đỏ hình tròn cấm ra giữa đường: tiếng chuông tàu điện, tiếng bánh sắt nghiêng rít khi chạy trên đoạn đường vòng giữa Hàng Bông—Hàng Đầy, tiếng còi điện chạm giây toé lửa xanh chỗ hai đường tàu Yên Phụ—Kim Liên và Hà Nội—Hà Đông—sau một quãng trùng trùng ngắn bắt đầu từ góc Đường Thành đến đây—tách đôi.

Ở đây tôi thấy tôi được mặc quần ống «gôn» hoặc quần áo lính thủy, được cha tôi (nhưng không thấy hiện bóng dáng người) cho đi ăn bánh bao tại hiệu Tàu ở phố hàng Bông—hình như ở quầng gần Ngõ Trăm, xế xế đường Lý Quốc Sư xuống Nhà Thờ—phía trước có một cây sấu thật già. Ở đây tôi nhận những hình phạt đầu tiên trong đời của cha tôi: tôi chưa bị đòn mồi chỉ bị dọa bắt nhện dơi hoặc mang nhốt vào trong nhà xí.

Và cũng ở đây chợt hiện ra hai bóng người—không phải cha mẹ tôi—thoáng đến thoáng đi. Đó là một người cậu tôi—anh con bác của mẹ tôi—và một bà vợ của ông. Ông ở Vinh, ông ở cho mãi đến năm sắp di cư mới ra Hà Nội, chắc lần ấy ra chơi, không hiểu ông ở nhà tôi bao nhiêu lâu. Tôi chỉ biết là tôi trông thấy và nghe thấy ông đấm lưng vợ ông thùm thụp sau đó (hay lúc khác) ông quàng ngang hông bà ngồi thủ thủ đồ dành trong khi bà khóc thút thít và rồi bất chợt ông lại đấm bà thùm thụp, nắm tóc dim đầu, la ó giận dữ. Sau này, lớn lên, gặp lại ông khi ông ra Hà Nội, tôi được ông nói cho biết ông đã từng bông bế tôi, ru tôi ngủ bằng những bước «nhảy dầm» và những bài hát Tây thời cha mẹ tôi ở Vinh.

Gia đình tôi ở cửa Nam chắc không lâu, vì tôi không thấy tôi đi học. Rồi khỏi nơi đây trí nhớ của tôi bỗng bừng sáng rõ khiến chính tôi cũng kinh ngạc, khiếp hãi nhiều lúc nó theo sát nhịp nhàng cùng với chân tôi biết chạy nhảy, mắt tôi biết nhìn ngắm, tai tôi biết nghe ngóng, óc tôi chấp chứng hoạt động và trên tất cả cùng với tim tôi đập những tiếng thăm thẳm.

Tôi trông thấy cha tôi, mẹ tôi, những ngày chúng tôi đã sống với ta chỉ tiết của một vài ngày đáng kể trong ngôi nhà ở góc chân dốc phố Trần Hưng Đạo, con phố đã lởm chởm từ trên phía nhà in IDEO xuống thẳng khu Ngũ Xã sau khi vượt qua một cây cầu đá ngắn, trông sang Hồ Trúc Bạch nhìn thấy được mờ mờ hàng phượng trên đường Cổ Ngự.

Tôi trông thấy tôi, lên năm lên sáu tuổi, đi học, chơi đùa với lũ trẻ trong phố, với bạn học trong trường, gần gũi với cha mẹ và tôi còn trông thấy cả tôi những lúc lủi thủi trong nhà, ngoài đường, buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối, không cần đến cứ bất ai.

Một buổi trưa tan học chưa thấy cha tôi đón, tôi đã theo một đứa bạn cùng lớp về nhà ở Ngõ Huyện chơi và ăn cơm ở đấy. Một buổi trưa khác tôi đã đi bộ một mình tha thẩn từ trường về nhà. Tôi học trường Gia Long ở phố Julien Blanc. Cha tôi làm việc ở tòa báo Tin Mới đặt tại tòa nhà ASIA, cũng trên đường ấy, cách trường vài bước. Tôi đi hết phố Julien Blanc, qua rạp Olympia, chợ Hàng Da, vào phố Cống Đức, đến Vườn Hoa Hàng Đậu, sang Quan Thánh, rẽ xuống Hàng Than đến chùa Châu Long, đi vào con đường đất men bên hồ Trúc Bạch và về tới nhà...

Đó là lần đầu tiên tôi đi một mình trong thành phố Hà Nội, thư thái, chậm chạp không bận sợ một nỗi gì, không hay biết một mối nguy hiểm nào. Và tôi đã mê mải ngắm cái cầu đá xe hỏa chạy ở trên dài suốt phố Cống Đức. Những vòm đá dưới chân cầu tôi đã nhìn vào, đều đặn, chập chùng, sâu tối trong đôi mắt nhỏ bé của tôi. Màu xám của đá, vẻ cao lớn vợi vợi của cây cầu không người đi, những vòm tối hun hút là những ấn tượng tự tôi thâu đoạt được về Hà Nội, cùng mặt hồ Trúc Bạch ngay trước nhà rộng ngát và quanh hiu hiu hiện trong những ngày êm ả cuối cùng của tuổi thơ, chung đúc lại ở trí tưởng tôi một cảnh tượng riêng về Hà Nội.

Trong ký ức tôi, khi đã rời xa, khi trở lại sống ở đây những năm trước đi cư, Hà Nội là một thành phố mùa đông.

THANH TÂM TUYỀN

ĐÓN ĐỌC SỐ BÁO KHỞI SẮC, VÙNG DẬY

tuổi ngọc 100

RỰC RỠ, NÁO ĐỘNG, BẤT NGỜ VÀ RẤT DỄ THƯƠNG

tuổi ngọc 100

THAY ĐỔI TOÀN DIỆN ĐỂ LỘT XÁC CHỜ NGÀY
THẮP NẾN ĂN MỪNG ĐỀ NHỊ CHU NIÊN



QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ

MAI THẢO

Cách đây bốn năm, đặt bước chân của người tỵ nạn xuống phi trường Tân Sơn Nhất, tâm hồn thể xác quắt héo lại như một thân cây đứt rễ, còi lờng thì là cái bể đựng nước mắt Hà Nội và tôi chỉ muốn về giỗ những xót thương ấy xuống phố phường Hà Nội. Mỗi tinh cảm là một Hà Nội. Mỗi ý nghĩ là một Hà Nội. Mỗi phút giây là một phút giây Hà Nội. Mỗi bước đi là đi vào cái Hà Nội vô hình nhưng phủ kín và đè nặng xuống. Hà Nội ngự trị trọn vẹn trong tôi. Hết thấy đều là Hà Nội. Hơi thở, không khí, âm thanh và sắc màu, nhịp tim đập vào nhịp máu chảy. Vì bởi Hà Nội ở xa, tâm sự tỵ nạn là tâm sự của một người đã chết. Tôi nhớ tất cả, nhớ từ ngọn cỏ đường nhớ đi. Cái gốc cây phượng vĩ nghiêng xuống mặt đường Quan Thánh chỗ xé chùa Trần Quốc, tiếng chuông tàu điện leng keng qua vườn hoa Hàng Đậu, giọt mưa thu đầu mùa bay nghiêng trên ngã tư Hàng Quạt, ánh lửa hàng rong chập chờn dưới vòm cửa ô Quan Chưởng, cái ngõ Gia Ngư nhiều kỷ niệm, khu xóm Hạ Hồi nhiều yên tĩnh, màn sương trắng đục từ Giá Nứa chiều chiều phủ kín chân cầu Long Biên, cái mặt đồng hồ lớn trên nóc ga Hàng Cỏ. Tôi tưởng tôi đứng ở Gia Lâm nhìn sang Hà Nội. Những những mái nhà chập chùng. Tôi tưởng tôi đứng ở Yên Phụ nhìn xuống, Hà Nội khởi đầu bằng những nét cây xanh. Từ Cầu Giấy nhìn về, Hà Nội mang theo cái không khí làng xóm Ngọc Hà.

Tôi nhớ, tôi nhớ. Thành phố quê hương đứng bàn thạch trong trí nhớ bèn nhón đầu xót cái hình ảnh huyền hoặc thần thánh. Mỗi hình ảnh gợi lên chỉ chạm nhẹ vào hồn đã là một mũi dao một vết thương. Hồn tôi nức nở xuôi dòng cuốn về Hà Nội. Chỉ nguyên hai chữ Hà Nội đọc lên đã nghe như một bản nhạc buồn. Và Hà Nội không nhìn thấy thì không nhìn gì nữa. Và Hà Nội đã ở xa thì mang cái tâm trạng đi đây. Và Hà Nội mất rồi thì mình cũng mất.

Tình cảm chỉ là những cái nảo nuốt óng chuốt của những sợi chỉ lụa thương nhớ. Ban đêm tôi đi khỏi Saigon, dọc theo con đường số một để có cảm tưởng về gần, dù chỉ một quãng đường, với Hà Nội. Nhìn lên vòm trời

Saigon, kiếm một ánh sao Hà Nội. Đón giữa những ngày nắng lớn một ngum gió mát để tạo thành cái mùa thu tưởng tượng của Hà Nội. Tôi mang cái tâm trạng của dòng sông Hồng Hà cạn dòng, cái khô, cái chết từ những bờ bãi thẳm lẳng xuống tận đáy. Và Hà Nội đã ở bên kia vĩ tuyến rồi thì tôi cũng chôn xuống quanh hồn tôi những hàng rào giấy thép gai, đặt nó thành tháp ngà, thành biên giới cấm địa.

Trong thương nhớ và tưởng vọng quá độ, thành phố trở nên một thế giới, một thứ thiên đường mất, cái kho tàng đã chìm xuống đáy biển tôi mỗi công mò tìm không thấy, những cái đẹp đầu tiên và cuối cùng cộng lại đã thành khối thành sương. Lâu dần quê hương trong trí nhớ đóng kết lại như cái ung cái nhọt, vững chắc cái vững chắc vô hình của một thứ mặc cảm. Những ngày đầu, có thể nói tôi bị ám ảnh dày vò bởi Hà Nội. Sức nặng đến choáng váng đến mệt mỏi đến tuyệt vọng. Như khi yêu mà không được yêu. Như khi người ta thất tình.

Cơn khủng hoảng trầm trọng đó chấm dứt lúc nào? Cuộc sống mất thăng bằng ấy tìm lại được cái thế quân bình mới lúc nào? Bao giờ cái cây đứt rễ cách đây bốn năm ngã đổ xuống phi trường Tân Sơn Nhất bắt được cái rễ mới vào đất đai sự sống? Không nhớ được. Chỉ biết một ngày nào đó, cái sức nặng của hàng nghìn mái nhà Hà Nội cộng với cái sức nặng của kỷ ức bỗng nhẹ dần đi, cơn sốt rét cũng nguôi và cái hình dáng ngọt ngào của Hà Nội tối tăm sừng sững trước mắt cũng tránh dần về một phía. Cái tri tuệ, cái bất động của tâm hồn như một bánh xe bấy lâu ngừng quay lại lần những vòng vui.

Một ý niệm mới về quê hương đã có. Hà Nội còn đó với những cái đẹp không thể tìm thấy ở một đô thị nào khác, nhưng nó đã hết thành một thứ độc quyền chiếm cứ trọn vẹn xúc cảm tư tưởng người. Sự tiến triển biến chứng của tình cảm tôi một đầu cực đoan nào đó đã từ cái trạng thái cực đoan ấy trở nên thuần tự, trở nên điều hòa bỏ đi cái đỉnh thương nhớ ngời ngời bằng tuyết giá nổt, con người Hà Nội trong tôi tìm xuống với đồng bằng.

Tôi có phụ bạc có phản bội Hà Nội? Tưởng rằng không. Vì nếu Hà Nội chỉ là đối tượng của những giọt lệ và cái tâm sự thổ thán nức nở thì người Hà Nội vô hình chung mới phụ bạc phản bội Hà Nội. Yêu thương cái lối yêu thương gục đầu nhắm mắt là yêu thương của cái xác chết. Mà chết trong đời sống còn nghìn vạn lần chết hơn kẻ đã nằm yên dưới mộ. Tôi không muốn thế. Tôi đã có một ý niệm mới về quê hương. Anh yêu em vô cùng, anh yêu quê hương vô cùng. Giọng chữ cuối thư của Tâm trong Bếp Lửa tôi muốn hiểu nó biểu tỏ tình yêu vẫn gửi lại cho những cái gì đã để lại, đã có, vì những lượng yêu thương mới cũng vừa được nhen lên. Cái lượng yêu thương mới ấy nuôi dưỡng cho tình thương yêu quê hương nếu khởi đầu hãy cứ tạm cho quê hương là một khoảng đất một vùng trời với những tình cảm có từ dĩ vãng, hoặc là những liên hệ máu mủ ruột thịt. Bởi vì tôi dám chắc không có những lượng yêu thương mới ở một nơi nào ngoài

Hà Nội, một ngày không xa tôi sẽ quên dứt Hà Nội, cho dầu lòng mình bây giờ còn như lửa đỏ. Tôi dám chắc tất cả những người Hà Nội, kỷ ức rồi cũng phai nhòa dần dần hình ảnh Hà Nội, nếu trên cái nền sống chỉ có những hình ảnh Hà Nội in lên. Cái vốn tình cảm nào không hao mòn dần nếu không có những tình cảm mới để con người vẫn là cái nguồn vô tận của rung động. Để có thể yêu thương cả hiện tại cả dĩ vãng, gửi được cả tình yêu ấy về với tương lai.

Tôi không lý thuyết. Đây là một nhận định trên kinh nghiệm. Một khoảng thời gian kéo dài không biết bao lâu ở đây, đã mất Hà Nội, tôi lại không chịu sống với Saigon, tôi đã ngã vào cái trạng thái mù lòa của một người cứ chăm chú nhìn mãi vào một chỗ, đến nỗi hoa mắt lên, trí nhớ mờ yếu cho đến khi chỉ còn là cái bông bênh của một biển khơi nghi ngút làm nhòe chìm tất cả những hình bóng Hà Nội. Hoặc là có một mảng trời, ít nhiều góc phố được gọi lại thì khó nhọc và cũng quê cũt lỏng lỏng, không một chút sinh khí. Tôi khi tôi mới bắt đầu thấy mến yêu Saigon, tưởng rằng Hà Nội sẽ mất hẳn, ai ngờ lớp sương mù đã tan đi và Hà Nội lại đậm thắm hiện ra. Thì ra sống thực với cái gần, cái xa cũng tới. Bây giờ tôi nhìn thấy Hà Nội rõ lắm. Kỷ niệm đi theo sự sống về gần. Sống chân thật mãnh liệt thì dĩ vãng về hợp mặt cùng hiện tại như sự thu hút của đá nam châm.

Ý niệm về quê hương lại như một ngọn lửa trong tâm tưởng càng ngày càng hồng càng lớn khi tôi sống càng ngày càng tha thiết với hiện tại, với Saigon. Những lúc tôi vui tin vì đời sống ở đây thì cái lượng tưởng nhớ cũng chan chứa vui. Hà Nội gần, tưởng như sờ mó thấy. Gặp lúc bi quan sầu thảm, nhớ về Hà Nội với tâm trạng sầu hoài cũ, thì diu lòng xuống, tĩnh tâm đến chỉ thấy một Hà Nội gạch ngói, một Hà Nội tĩnh vật, một Hà Nội bức tranh, nó lững lờ nó cầm nín một cách hải hùng. Thì ra cái mạnh cái yếu của lòng người gửi cho quê hương tôi đã nhìn thấy nó lên nó xuống theo cái mạnh cái yếu đối với đời sống.

Bởi vậy quê hương không chỉ là vấn đề diện tích, địa điểm, cái nơi cái chốn sinh trưởng. Nó đã hết diện hình cho một hình ảnh cố định. Có mang chứa một ý niệm sinh động trừu tượng. Nó là phản ảnh uyển chuyển của một thái độ sống. Nó ở trong lòng người. Người đất Sở ngày nào mang cái tâm trạng kỳ quái cười khóc trước ngọn cỏ cái cây đất khách, đứng đứng trước ngọn cỏ cái cây quê nhà, chỉ vì thực ra y chẳng gần bó chẳng yêu thương một ngọn cỏ một cái cây nào hết. Người lữ hành xê dịch như một vì sao, thản nhiên nhìn từng sân ga từng bến tàu đi qua, mang cái tâm trạng thiếu quê hương, chẳng phải vì y chưa muốn đứng chân mà vì y không có một chút tình với một sân ga, một bến tàu nào hết. Đi để tự an ủi, tự đánh lừa cái nghèo nàn của tâm hồn chứ giá có dừng chân vĩnh viễn một nơi nào cũng chẳng bao giờ được thấy quê hương. Cho nên quê hương còn hay mất, ở gần hay ở xa, có hay không là thái độ cái ý niệm của người. Tôi tha thiết, tôi gần bó với đời sống, thì ở đâu và bao giờ tôi cũng có được cái cảm tưởng ấm áp nằm trong bàn tay dịu hiền của đất mẹ, nghe thấu được tiếng hát, lời ru xuất tự gốc nguồn. Trái lại có nằm ngay trên sào đất hương hỏa cũng là nằm trên một thước đất lạnh mà thôi.

Những người Hà Nội ở xa Hà Nội, những người Hưng Gia Lợi ở xa xứ sở Hưng Gia Lợi, những người Triều Tiên ở xa đất nước Triều, cuộc sống còn là bông hoa, còn là mặt trời, thì vẫn có thể nói : Chúng ta có quê hương chúng ta đi mang theo quê hương, không phải vì đã ghi tạc được sâu đậm trong xương tủy trí não những hình ảnh những kỷ niệm cũ, không phải vì đã cất dấu được một bức bản đồ thành phố, mang theo được một cục đất tượng trưng. mà cái sự sống dạt dào nó khiến cho con người ở đâu cũng không hề cảm thấy mình là cái cây đứt rễ, dòng nước mất nguồn. Từ một ý niệm mới về quê hương, hàng triệu con người đang di chuyển trên những ngã đường trái đất hôm nay, trong số có những người Hà Nội tự do chúng ta, bỏ một thôn xóm một thành phố cũ, vẫn cứ là những kẻ có quê hương, được quyền nói tới quê hương mà không bao giờ là những kẻ vong bản. Kẻ chiếm Hà Nội là chiếm cái Hà Nội thành phố, chứ còn cái Hà Nội quê hương nó chẳng chiếm được. Những người Hà Nội còn ở lại Hà Nội cũng là ở với cái Hà Nội thành phố nếu họ không thể yêu thương cái không khí cái nếp sinh hoạt bây giờ của Hà Nội.

Chúng ta nói chúng ta vẫn còn Hà Nội, một ngày nào chúng ta sẽ về khôi phục Hà Nội, chẳng phải vì đã chế tạo được khẩu đại bác bắn tới Hà Nội, cầm được ngọn cờ giải phóng lên mình Hà Nội, mà vì cái ý niệm mới về quê hương vẫn khiến cho chúng ta cùng với Hà Nội là một.

Hà Nội đập cùng nhịp máu, thở cùng nhịp thở. Cái phần tinh hoa, cái chỗ vĩnh cửu của Hà Nội là hình ảnh quê hương vĩnh cửu trong tâm hồn người, cái phần đó vẫn nằm tròn trong chúng ta với ý nghĩa một sức sống chỉ ở được với người mãnh liệt sống, một tình yêu chỉ ở được với người biết yêu.

Thành ra, đặt Hà Nội thành vấn đề, thì vẫn ở đây, chẳng phải ở ngoài đó. Chúng ta vẫn là kẻ chủ động, nắm giữ vận mệnh Hà Nội, định đoạt tương lai Hà Nội.

Đốt cháy trong hồn tôi lòng yêu mến yêu hương tôi đã tìm thấy ánh lửa ấy, trong ở một nơi nào khác. Ý niệm quê hương nhờ một độ sống mạnh mẽ nhập hẳn vào cái phần vĩnh viễn của bản thể. Tự đó lối nghĩ lối nhớ Hà Nội đã đổi khác. Nó nhẹ hơn cái phần Hà Nội thành phố, lại nặng hơn về cái phần đời sống Hà Nội, con người Hà Nội. Nếu cái không khí nhiễm độc của Hà Nội cần phải giải tỏa, nếu những người Hà Nội hiện đang sống trong Hà Nội mà như nằm trên gai trên lửa, chỉ muốn đập đổ tan tành Hà Nội tìm một lối thoát, chỉ muốn trốn chạy khỏi Hà Nội, nếu cái Hà Nội sa mạc. Hà Nội nghĩa địa phải được ném vào những ánh sáng những lượng sống mới — giải phóng, khôi phục Hà Nội phải hiểu theo ý đó — nếu như chúng ta trở về Hà Nội là để cởi bỏ bộ cái tâm trạng tủi hờn quê hương bấy giờ, đem về lối thương yêu một người thành yêu cả nhân loại, lối thương yêu một thước đất mà thành thương yêu cả trái đất, thì cuộc sống của những người Hà Nội chúng ta phải thật khỏe thật hùng vĩ, không thể chỉ là những sợi tơ lụa thương nhớ óng chuốt. Không thể chỉ là những giọt lệ. Phải là những trái núi.

MAI THẢO

VŨ BẢNG



THƯƠNG NHỚ THẮNG TƯ

Vào mùa này đây, hoa gạo bắt đầu nở đỏ chói ở ven hồ Hoàn Kiếm, rơi xuống nước xanh, rụng xuống cỏ xanh; ve sầu lột cánh đã kêu rền rền vào buổi trưa; và cứ chiều chiều dân Hà Nội kéo nhau đi dạo quanh hồ, trải chiếu lên cỏ hay dắt nhau đứng giữa cầu Thê Húc nhìn ra những phố Bến Be, Tràng Tiền hay Hàng Đào, Ngõ Hồ, Cầu Gỗ lập loè nghìn vạn con mắt điện sà sùng chói.

Tháng tư đầu mùa hạ
Tiết trời thật oi ả
Tiếng dế kêu thiết tha
Đàn muỗi bay toí tả
Nỗi ấy tỏ cùng ai
Tình này buồn cả dạ !

Mấy câu thơ ấy, học thuộc lòng khi còn nhỏ bé ở một ngôi trường trắng giữa phố Hàng Vôi—không biết có phải của cụ Bảng Mộng không nhỉ ? Chẳng hiểu tại sao đêm nay lại đến với tôi ? Mà tại sao có lúc tôi quên phứt mất rồi, mà đêm nay tự nhiên lại nhớ rành mạch, không quên một chữ ?

Nhớ đến như thế, tức là nhớ lại cả một thiếu thời lúc còn mặc cái áo ma-ga đi học, vừa đi vừa tung chiếc dây da Đức Mậu lên trời vì đi giày nóng chân quá, giẫm đất nó thanh thoi, mát mẻ hơn. Ồ «tiết trời thật oi ả» nhưng tại sao chỉ vì thấy «tiếng dế kêu thiết tha» và «đàn muỗi bay toí tả» mà cụ

Bảng «buồn cả dạ» và không biết «tổ nỗi ấy cùng ai»? Đến bây giờ nằm nghĩ lại một cách thông minh, thấu đáo, tôi thấy không vô lý gì hơn, vì nhớ đến «tháng tư đầu mùa hạ», tôi không thấy buồn chút nào.

Tháng tư của miền Bắc ngày xưa, tháng tư yêu dấu, có nóng, có oi, có để kêu, có muỗi đốt, nhưng tất cả những cái đó có thấm vào đâu với những buổi bình minh nạm vàng, mở mắt ra nhìn lên cao thấy mây bay thong thả như là trời khảm bằng sà cừ, gió hây hây mát, mở cửa đi ra đường thì cảm thấy ra trời đất trong như là pha lê mà cái thân mình nhẹ tênh tênh như là có cánh.

Anh có thể đi dạo như thế chừng nửa tiếng đồng hồ rồi mới về tắm rửa và làm công chuyện. Đời ngọt ngào, trầm lặng và thong thả. Chừng chín mười giờ, nắng hoe lên, trời bắt đầu nóng nóng, nhưng đời sống trầm lặng không làm anh đổ mồ hôi, sôi nước mắt. Vừa làm việc, anh vẫn có thì giờ pha một ấm nước trà tàu để nhấp giọng cho đỡ khát nước cả ngày. Anh có thì giờ trò chuyện tâm tình với các bạn quen và nếu anh mệt, tôi mời anh làm như tôi khi còn nhỏ, bắt một cái chông tre, tìm một chỗ mát nhất trong nhà, ngả mặt nhìn lên trời xem mây bay, ăn củ khoai lang vàng đầy nhựa rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết...

Em ái thay những giấc ngủ sáng tháng tư có gió mát đem lại cho ta những giấc mộng thiên thần. Cứ nghĩ rằng người ta ở đời chịu bao nhiêu khổ lụy, lo bao nhiêu thứ «bà rần», trải bao nhiêu nỗi buồn thương vô nghĩa, rồi rút cục lại làm nên thiên tử đỉnh chung, giàu thiên ức vạn tài, buông xuôi hai tay xuống cũng là hết, hết cả, không còn gì một anh nghèo rớt mồng tơi không có tấc đất cắm dùi, không có cả vợ cả con để chia lo sẽ buồn... thì mình lại càng thấy hưởng được phút nào nhân nhả, sống được phút nào thong thả với nội tâm mình, tức là được lắm.

Cái người đàn ông Bắc Việt lắm khi lạc hậu đến như thế đấy. Mà không những lạc hậu, lắm khi phải điên khùng: nằm đây mà mơ ước tận đâu đâu, ở thung lũng thì mơ trèo lên ngọn núi ngắt một bông hoa mà đương ở biển thì mong lên được rừng xanh, bẻ đôi cành, hái một quả sim chín vừa ăn vừa nghe tiếng chim kêu vượn hót.

Tôi cũng thế: nằm ở đây tôi nhớ tháng tư ở Bắc Việt xưa cũ không biết ngần nào và trong những giấc mộng thiên thần, đối ai tưởng tượng được lòng tôi bàng hoàng đến chừng nào khi thấy mình còn là đứa trẻ lên năm lên sáu, đi ra ven hồ, tìm đến các bãi cỏ, dưới các gốc cây để hái vào những cái lỗ con con bắt dế, vì mùa này là mùa dế sắp chui ra, leo lên cây để lột xác thành những con ve sầu. Có khi đi như thế một mình, có khi với vài chúng bạn. Cả mấy đứa mang theo một cái ống bơ, nếu hái vào lỗ mà chưa đủ cho dế phải ngọt mà bò lên thì chúng tôi lấy ống bơ ra nằm xuống bãi cỏ ở vệ hồ, thò tay xuống múc nước đổ vào lỗ dế. (1) Chừng mười hai giờ, trời bắt đầu nắng to. Mệt quá, tìm một cái bóng mát dưới một cây cao nào nằm khểnh, nhìn ra những bãi cỏ chung quanh xem những cái «búp đa» màu vàng ố rơi xuống cỏ rồi nhặt lấy thì nhau thổi, hoặc tìm những quả đa rụng, lấy tay khứa vỏ xanh ra đến cái thịt đỏ thì lấy con dao nhỏ khắc cái mắt, cái mũi thành những cái mặt nạ Quan Vân Trường, Lữ Bố hay Lưu Bị...

(1) : Ở Nam, kêu là con sùng ve

nguyễn mai NHỮNG NGƯỜI XA HÀ NỘI



Cửa sổ mở nhìn ra một khoảng trời sương mù dày kín che khuất những ngọn cây, những ngôi nhà, những màu hoa trước mặt. Qua lớp kính như bị xâm thực bởi sương, Châu quấn chiếc khăn đỏ quanh cổ, phủ ra ngoài áo len màu nâu, nàng nói với tôi:

— Anh kể cho Châu nghe về Hà Nội anh sẽ được sống lại trong thành phố đó, vậy anh kể cho Châu nghe đi.

Tôi đánh diêm nhìn lửa lóe xanh rồi ngả vàng bùng cháy, tay điều chỉnh ngọn lửa nhỏ đến với đầu điều thuốc, đốt hút. Tôi thở khói và vẫn ngồi im lặng. Tôi ngẩng lên cười với Châu khi nàng giục tôi kể cho nàng nghe về Hà Nội một lần nữa.

Tôi nói với Châu:

— Có lẽ anh không đủ tư cách để nói về Hà Nội, vì ngày ra đi anh mới là một đứa trẻ. Nhưng đứa trẻ ấy đã bị ám ảnh về cái thành phố nó chỉ được đi qua một lần. Em có thể tưởng tượng anh ngồi với mẹ trên một chiếc xe kéo qua những con đường hai bên trồng những cây sấu, có những quả sấu đã ngã vàng. Và hồ Hoàn Kiếm, anh nhìn thấy những người lặng lẽ thờ thần ở đó. Những gì về buổi chiều mưa đi ngang thành phố Hà Nội đó bây giờ mờ mờ giữa sương khói. Anh đi ngang, và khi đi ngang một nơi chốn nào, chúng ta chỉ thấy được hình ảnh, không thể thấy được hơi thở của nơi chốn đó.

Châu nhìn tôi với vẻ đồng ý. Tôi cười cười nói tiếp với nàng:

— Vì thế anh cảm thấy thiếu thốn ray rứt khi nói tới Hà Nội, nơi cha anh có tới sáu căn nhà ở phố Hàng Đào. Anh còn nhớ lần đi ngang thành phố ấy mẹ anh đã chỉ cho anh nhìn thấy những căn nhà đó. Bà đã khóc trước sự ngạc nhiên của anh. Ba anh là một phi công đã chết theo chiếc máy bay bốc cháy... Anh còn nhớ đó là một dãy nhà được kiến trúc rất hợp với mắt anh, dù ngay cả với bây giờ, khi đã lớn lên. Anh cố ý nghĩ khu phố đó giống với những bức tranh của Utrille. Mưa trong buổi chiều hôm đó làm anh rét lạnh khi nhìn thấy khuôn mặt đầy nước mắt của mẹ anh. Em biết không, lúc đó anh đội một cái mũ nỉ bằng dạ đen, trên đỉnh có một cái tai nhỏ, anh đã cắn đứt cái tai ấy mà không hay biết.

Tôi nhìn thấy cà phê đã thôi nhỏ xuống ly. Tôi nói cho Châu biết. Châu chia phần cà phê sánh đặc ra hai cái ly sạch. Tôi trả lời không khi Châu hỏi tôi anh có uống sữa? Châu đổ thêm nước sôi vào ly của tôi và đem đến bên tôi cùng một bầu đường trắng tinh. Nàng pha một ly riêng có sữa cho nàng. Vị đắng của cà phê bỏ ít đường làm tôi tỉnh lại. Châu mang ly của nàng tới, cầm ú trong hai tay, ngồi trước mặt tôi.

— Anh kể nữa cho Châu nghe đi.

— Rồi em thưởng cho anh những gì hôm nay?

— Bí mật. Khi ra khỏi Hà Nội rồi anh đi đâu?

— Về quê ngoại anh: tỉnh Sơn Tây.

— Có xa Hà Nội không anh?

— Không xa lắm. Tất cả cảnh vật trên con đường đó bây giờ như có sương mù ngăn lại với trí nhớ anh. Anh chỉ nhớ một bến sông, những con thuyền chở khách thuê hai người chèo, mặt sông dâng nước đục màu đất. Bây giờ đọc những bài thơ của Quang Dũng anh vẫn thấy lại khung cảnh của vùng quê ngoại.

Châu với vẻ mặt chờ nghe thêm, tôi cố hình dung đoạn đường còn lại của chuyến đi để kể lại với nàng.

Vùng quê ngoại có những ruộng lúa, những cánh đồng lúa bát ngát. Na hơn nữa là con đê của sông Hồng Hà, những đầm lầy, những bãi cát nổi tiếng có loài thùa lũng. Tôi cũng nói đến những rừng vải mùa hè, những trận gió khô, mùa đông rét mướt không dám nhúng tay vào nước lạnh. Tôi nói, cố nhớ lại và không ngớt tỏ ý tiếc nuối mình còn quá nhỏ cho sự ghi nhận về miền quê hương thân yêu ruột rà cũ. Từ điều này (không đủ sức ghi nhớ) tôi nói với Châu:

— Sự thiệt thòi bây giờ của anh là không có kỷ niệm rõ rệt nào về những nơi chốn mà anh muốn được nhớ, em muốn được nghe kể lại.

— Anh thấy như thế nào về Hà Nội và thành phố này?

— Thành phố này nhiều hoa, dày đặc sương mù, có những ngôi nhà đẹp. Hà Nội khác. Hà Nội có bốn mùa. Tâm hồn người ta thường chịu ảnh hưởng của thời tiết. Thời tiết ở Hà Nội tuyệt vời. Em có thể đọc trong những truyện ngắn, tiểu thuyết của những người bạn lớn tuổi của anh. Anh có một anh bạn bị ám ảnh bởi Hà Nội, một người khác đã nghĩ rằng tác phẩm lớn nhất của anh ấy chính là cái đời sống, cái hơi thở của Hà Nội. Hà Nội, thành phố trang nghiêm và cổ kính. Hà Nội, những ngày nước sông Hồng Hà dâng đầy tưởng như là một thành phố sắp bị chìm trong nước. Hà Nội, những màu áo len, những quả sấu chín vàng. Hà Nội, những ngày người dân bỏ đi và trở về trong một giai đoạn lịch sử đã là trái tim của đất nước. Đó là những điều anh được nghe, đọc thấy. Đó là kỷ niệm của những người khác, những người may mắn. Anh không có đủ kỷ niệm để so sánh. Tuy nhiên, anh vẫn nghĩ Hà Nội là một thành phố có cá tính, sử tính. Anh thích được nghe giọng nói của người Hà Nội. Anh thích những mối tình mà các nhà văn đã viết về thành phố đó, dĩ nhiên anh muốn nói đến những nhà văn tiến bộ, chữ nghĩa của họ có máu đỏ và hơi thở...

— Em hi vọng sẽ có một ngày...

— Chúng ta sẽ bỏ giày đi chân trần khắp thành phố đó.

— Thành phố đó, mù khơi quá hử anh. Tôi uống nốt phần cà phê còn lại trong tách.

Châu bước ra phía cửa sổ nhìn xuống khoảng sân trồng rất nhiều loại hoa phía dưới vì có tiếng kèn xe.

— Có lẽ Anh Thư tới rồi, Châu báo cho tôi biết, nàng nói «có lẽ» vì sương mù quá dày.

— Em pha chanh ấy một tách cà phê đi.

— Dạ.

Nàng nói và trở lại chỗ tôi để những gói trà, lọ cà phê, mấy hộp sữa, lọ đường.

Tôi mở cửa đón Thư. Sương mù tưởng như bay tràn vào căn phòng khi tôi mở cửa ra.

Thư lên tới, tươi cười với tôi. Hôm nay Thư mặc cái veste bằng nhung màu nâu, đã bạc màu.

— Vào uống cà phê.

Tôi nói và khép cửa. Căn phòng như lạnh hơn với đám sương vừa lùa vào. Bên ngoài cửa kính sương đục trắng. Châu và Thư chào nhau. Tôi nghe tiếng Châu hỏi người bạn:

— Chị Xuyên đâu anh Thư?

— Cô ấy ở bên Viện đại học. Châu cho tôi cà phê đen.

— Anh và anh Nguyễn có nhiều thói quen giống nhau quá.

— Bọn này là bạn thân mà.

— Vì Hà Nội?

— Vâng. Quả thật chúng ta đã biết cả những ngõ ngách của tâm hồn.

— Bọn này đang nói về Hà Nội.

— Vậy hử? Nguyễn đã nói gì với Châu?

— Anh ấy tiếc là có quá ít kỷ niệm về thành phố đó.

— Bởi vì Nguyễn chỉ đi qua một lần. Tôi thì được sinh hạ và đã sống ở đó đến ngày vào đây.

Tôi bảo Châu:

— Thư sắp cho in một quyển sách viết về Hà Nội đó Châu. Em sẽ thấy người Hà Nội yêu Hà Nội như thế nào qua cuốn sách mai mốt em sẽ được tặng một bản đặc biệt.

Châu mang tách cà phê tới trao cho Thư:

— Phần thưởng của riêng Châu đây.

Thư nhận ly cà phê:

— Cảm ơn Châu. Phần thưởng này vừa tinh thần vừa cụ thể. Cảm ơn Châu.

Thư hút thuốc đen. Hình ảnh khắc khổ của Thư đã cuốn hút tôi trước khi chúng tôi quen nhau. Sau đó giọng nói của anh, sự say đắm của anh khi nói về Hà Nội, đã kết chặt chúng tôi lại hơn nữa. Chúng tôi là những người yêu Hà Nội và bây giờ cả tôi cả Thư không ngớt chìm đắm trong tác phẩm của mình viết về thành phố đó. Với tôi là những bài thơ xé mãi vẫn không hài lòng; và Thư: muốn sửa lại những gì, tất cả những gì đã viết về Hà Nội. Thư nói với tôi chính Hà Nội đã khiến anh viết văn, Hà Nội đã tạo ra những tâm hồn hòa ái mà anh đã nhìn thấy. Ở đó cũng có cái xấu và cái tốt, nhưng hình như những điều đó không gay gắt, cực đoan bao giờ.

Hà Nội, Thư nói đến những cảnh đẹp người khác nói đến, và anh còn mở ra những ngõ ngách của thành phố, hơi thở của thành phố đó bằng những nhịp đập trong trái tim anh. Thư đã sống suốt một thời tuổi trẻ tươi đẹp và lãng mạn ở đó. Từ hình ảnh một đứa trẻ với mũ nôi và áo dạ đến thời mới lớn, tất cả không bao giờ là tro than, mà lúc nào cũng là lửa đỏ. Người con gái đầu tiên và mối tình đầu của Thư đã xảy ra và chấm dứt ở đó. Những thiếu nữ Hà Nội, theo ý Thư, họ tuyệt vời từ nhan sắc đến đức hạnh. Họ chính là, vẫn theo ý Thư, hình ảnh trong những bài thơ của Xuân Diệu, Huy Cận... và hàng trăm ngàn thi sĩ vô danh khác. Những thiếu nữ của Hà Nội, không phải họ chỉ có một đời sống dành cho tình yêu, họ còn là những Cô Giang, những liệt nữ.

— Nắng sắp lên rồi đó anh Nguyễn.

Tôi nhìn ra ngoài cửa kính, sương đục đang mờ đi. Thư khen cà phê tuyệt hảo. Tôi nói:

— Cà phê uống giữa sương mù luôn luôn ấm và ngọt. Những điều thuốc lá cũng rực đỏ và ấm cúng hơn. Tôi thích thành phố này.

— Minh cũng thế, Thư nói, nhưng thành phố này còn quá trẻ, nó chưa có một cái vẻ thâm trầm. Nhưng sao hôm nay ông bà lại nói nhiều đến Hà Nội như vậy?

— Lâu lâu Châu lại bắt tôi kể lại cho «bà ấy» nghe. Sáng nay thì vì tiếng hát A.N, chẳng hiểu vì lý do nào tôi đã không nói được gì cả. Bây giờ nhờ Thư đó.

— Ừ, anh Thư kể về cuốn truyện anh sắp cho in đi.

— Tôi viết về Hà Nội, từ dòng đầu tới chữ cuối tôi phải cố gắng giữ được bình tĩnh và không khí mà tôi đã ở trong đó. Chuyện này không có chuyện, thành phố này chính là nhân vật. Đời sống của thành phố đó... có lẽ tôi phải viết lại một lần khác nữa.

Châu vui vẻ:

— Anh sẽ nổi tiếng vì chỉ viết về Hà Nội.

— Tôi cũng mong như vậy. Tôi muốn gắn liền với hai tiếng Hà Nội.

Tôi lại nhìn thấy vẻ mặt say đắm của Thư. Bao giờ nói đến Hà Nội Thư cũng có vẻ thất lạc, chìm đắm.

Châu nhìn đồng hồ tay:

— Đến giờ rồi mình sang bên Viện đi. Thư đứng lên sau câu nói của Châu. Tôi đưa cho Châu cái túi vải, Thư mở cửa và tôi nghe hơi gió thổi vào lạnh buốt. Tôi khóa cửa phòng, đi phía sau xuống thang với Châu và Thư. Chiếc xe đậu trong sân đã nhìn rõ nhờ sương đang tan bớt.

— Ở những buổi sáng như hôm nay đẹp quá. Tiếng Châu nói ở bên cạnh Thư tôi nghe thấy từ phía sau lưng nàng.

Tôi hỏi Thư về xăng nhớt của chiếc xe. Thư cho tôi biết:

— Đầy đủ cho hôm nay. Minh lên xe đi.

Chúng tôi cùng ngồi ở bên cạnh Thư. Thư lái xe rất thành thạo, dù đây là chiếc xe của bà chị Thư mà thỉnh thoảng Thư mới đến mượn. Từ thành phố qua đến Viện Đại Học không xa hơn mười lăm phút xe chạy với tốc độ

(xem tiếp trang 42)



MONG MỘT NGÀY VỀ

KIỀU GIANG

«Tôi đứng bên này vĩ tuyến thương về năm cửa ô xưa...» Lời thơ Tạ Tỵ. Mèngh mang ngậm ngùi, và em đã nhiều lần rướm nước mắt khi nghe Thái Thanh hát. Em sinh ra trong thành phố Sài Gòn nắng lửa, ngay khi còn bé chào đời đã phải chấp nhận nỗi buồn du mục. Em thường bị châm chọc là chẳng biết tí gì về Hà Nội mà cũng đòi làm con gái Bắc. Vì những lời nói đau lòng đó, mỗi tối em vẫn nắn ni bóp chân cho bà nội, để được nghe bà kể chuyện ngày xưa ngoài Bắc. Biết bao nhiêu mảnh đời vụn vặt được chấp nối lại, bà nội em kể nhiều lắm. Nhưng dù sao em cũng chẳng hình dung rõ ràng thành phố mộng mơ với năm cửa ô ngao nghể.

Em vẫn hay khoe mình là dân Hà Đông với các bạn, rồi luôn bị chúng nó trêu càu «Hốt văn Hà Đông sư tử hống...» Em chả tức bực chút nào vì có khối người mong được làm «sư tử» mà chẳng được, như mấy nhỏ bạn cứ theo bảo em «Giang ơi, mi dạy ta nói tiếng Bắc với». Tỉnh lỵ Hà Đông hiền hòa có dòng sông Nhuệ, nơi bố em thời niên thiếu hay trốn bà nội đi tắm và lúc về bị đánh đòn. Có lúc bố em đã tiếc: «Giá ngày xưa đặt tên con Giang là Khuê Giang nhỉ. Để kỷ niệm». Mà em gặt đi «Tên ấy thầy đã đặt đấy chứ, nhưng khó đọc nên đổi lại». Dù sao thì cũng là sống nước với nhau. Ông nội em đặt tên anh Nguyễn là Hoài Nguyên, nhớ nguồn. Bây giờ thì ông đã mất, ôm tấm lòng hoài hương im nằm vĩnh viễn. Ông qua đời đã lâu, từ khi chưa hề ai nghe được một tin hòa bình, ngưng bắn nào để mắt già sáng lên niềm hi vọng.

Em ao ước một ngày theo chân bố về thăm ngôi nhà đầy kỷ niệm của ông nội và gia đình. Ở đó em sẽ có mùa xuân mặc áo nhung ngoan hiền im nghe chim hót. Có mùa hạ nóng nực vui đầu vào đồng cánh hoa sen dùng để ướp trà thiếp ngủ, một giấc ngủ đầy hương thơm mộng mị. Rồi mùa thu

em mặc áo lụa đi trong gió heo may phơn phớt. Có mùa đông giá rét em ngừng đầu cười với hoa đào. Rồi Tết đến, con bé hơn hỏ theo bà nội ra vườn cắt lá dong vào gói bánh chưng. Đêm khuya thức trông nồi bánh sôi sục, ánh lửa lập lòe soi khuôn mặt rạng rỡ. Cầu ao từng bình cảnh mỡ lợn mỡ gà. Rồi em mặc áo mới đi chúc Tết họ hàng. Em sẽ đến nhà bác Trức trước nhất vì bác rất thương em. Bố thường viết thư ra cho bác rằng: cháu Giang đã lớn, nó trông giống chị xưa kia lắm, im lặng, ít nói. Em sẽ đến ở chơi nhà bác ở ven hồ Gươm, buổi chiều mặc áo len, quàng khăn foulard chèo thuyền dạo chơi như tấm hình của bác mà bố giữ được. Trong không khí mơ màng em sẽ trầm tư tưởng lại chuyện Trương Chi My. Nương, một mối tình đẹp trong thiên đường cổ tích: *ngày xưa có anh Trương Chi, người thì thật xấu hát thì thật hay. My Nương vốn ở lầu tây, con quan Thừa Tướng ngày rày cấm cung.* Và em ao ước được về Hà Đông để được khoe với người rằng em cũng đã biết quê hương mình, để người khỏi phải ý là «người lớn» độc quyền kể chuyện miền Bắc dưới đôi mắt thêm thường của em.

Oi sao mà bao nhiêu mơ ước ngập tràn đề rồi em khóc uất ức khi nghe chuyện các sĩ quan V.N.C.H ra thăm Hà Nội, nói Hà Nội điêu tàn, Gia Lâm đồ nát. Còn Hà Đông của em thì sao? Chắc ngôi nhà kỷ niệm đã sập, chắc bao nhiêu bát đĩa cổ bà nội chôn dấu trước khi di cư đã vỡ vụn vì bom trút như mưa. Và ở đó chấp chùng hoa gấm mơ mộng những tưởng sẽ được bắt đầu, thì tan vỡ nhưng thủy tinh rơi vỡ nát, cửa vào lòng trăm vết xót xa.

Miền quê hương tuyệt vời đã mất, nét đặc biệt em giữ lại cũng dần phai. Có lần một người quen hỏi em: «Cố là người Bắc à? Sao nghe giọng nói nửa Bắc nửa Nam vậy?» Em ngờ ngàng khôn xiết, cả đến giọng nói cũng tình cờ thay đổi. Bởi chung em sống đời lạc lõng giữa bạn bè đa số miền Nam. Em làm sao giữ được tiếng nói quê cha ấy, một khi lưỡi đã cứng câu chào, lời nói, môi đã quen tiếng «ạ», tiếng «ừ». Và nhất là em chưa bao giờ thấy mảnh đất quê nhà yêu dấu xa xôi. Lần nào em cũng co người trong ghế khi nghe bài «Giấc mơ hồi hương» của Vũ Thành. Hà Nội thương mến, Hà Đông mịt mù ơ, có biết là em mơ vọng đến bức nào? Và cũng tiếc nuối đến bức nào khi biết thành phố tan biến về thanh lịch thuở trước, chỉ còn lại chẳng là quần đen, áo cánh và xe đạp già nua còm cõi. Lòng người thì khô cứng như sỏi đá. Tuy vậy, em vẫn muốn về dẫm chân trên mảnh đất xưa để được nói rằng: em ở trong quê hương và quê hương ở trong em, mãi mãi.

Oi hồi vùng đất hứa đã nghìn trùng xa cách, có hay chăng em luôn mong mỗi ngày về?

KIỀU GIANG



AN CHÂN LAN NGƯỜI YÊU HÀ NỘI

Tôi quen Phùng vào năm cuối Trung Học. Hai đứa chung nhau một lớp và ở cùng một đường tuy có một khoảng cách. Dù di cư vào Nam đã hơn mười năm. Phùng vẫn còn giữ trọn vẹn những đặc điểm của người con gái Bắc «vì gia đình Phùng muốn thế, gia đình Phùng nghĩ rồi sẽ có một ngày nào đó lại về Hà Nội yêu dấu, trở lại căn nhà cũ đầy ắp kỷ niệm, không phải kỷ niệm của Phùng vì lẽ Phùng chỉ sinh ra và ở đó chỉ được hai ba năm, cũng chẳng phải là kỷ niệm của cả bao nhiêu đời cha ông». Phùng thường nói với tôi như vậy mỗi khi gặp nhau và lúc nào tôi cũng thấy Phùng rung rung nước mắt khi nhắc đến Hà Nội. Chẳng mấy khi Phùng nói với tôi về Hà Nội, chỉ nói «Hà Nội dễ thương không thể nào tả nổi». Tôi thường đùa là «Quê hương tôi đẹp hơn cả» và Phùng thường trả lời bằng quơ «đành vậy nhưng quê hương của người xa xứ bao giờ cũng đẹp nhất».

Tôi quen Phùng trọn một năm học, một năm tròn tria giáp từ con số chín này đến con số chín khác. Ngoài tình bạn chưa có khi nào tôi nói với Phùng một điều gì dù thật tình trong lòng tôi đã đạt được những điều mình ao ước. Mỗi lần gặp Phùng tôi đều ca ngợi Hà Nội. Tôi thuộc những bài thơ nói về Hà Nội của Nguyễn Bính, những đoạn văn viết về sông Hồng của Mai Thảo. Hà Nội ba mươi sáu phố phường, lòng chàng có để một tơ vương. Lòng của tôi cũng là lòng của Nguyễn Bính. Của những bao la mây trời tơ vương Hà Nội. Ba mươi sáu phố phường không mang tên những vị anh hùng dân tộc mà là những cái tên mới nghe thật buồn cười, khó nghe nhưng nghe lâu lại thấy thân mật, gần gũi.

Hà Nội của Phùng còn có lắm thứ, đặc biệt là những thức ăn, những thức ăn quyến rũ, mời mọc, những «Miếng ngon Hà Nội» ngon đáo để đến độ nhà văn Vũ Bằng phải khen:

«Miếng ngon Hà Nội nhiều biết bao nhiêu! Yêu miếng ngon Hà Nội nhiều biết chừng nào! Có ai đã từng yêu tha thiết, yêu mãnh liệt, hẳn đã thấy khi

có ở bên cạnh người yêu ta cảm thấy xa xăm rằng người yêu của ta cũng như một trái cây qui ăn vào vừa ngọt vừa ngon. Ta thèm thường, ao ước nhưng nhiều khi cái ngon ấy đánh lừa ta và đem lại cho ta một dư vị cay cay, đắng đắng... Duy có miếng ngon Hà Nội là không đánh lừa ai cả. Miếng ngon Hà Nội bao giờ cũng trung thành, êm ái; miếng ngon Hà Nội bao giờ cũng chiếm được lòng ta như một người vợ hiền chiếm được lòng chồng. Có thể nói rằng có những buổi mây chiều gió sớm, người đàn ông theo tiếng gọi giang hồ cổ hũu lơ là với mối yêu đương trong một thời gian, nhưng mỗi sa ngã qua đi, quay về với gia đình, người đàn ông chỉ càng thấy mối tình cũ càng thêm qui hóa... Miếng ngon của Hà Nội cũng thế, cũng trầm lặng như vậy và cũng tiết ra một hương thơm như vậy. Hương thơm đó ngào ngạt, quyến luyến như một lời tâm sự của người xưa để lại cho người sau, như một lời ân ái của tình nhân, như một lời tâm sự của một người anh yêu mến gửi cho cô em gái. Bao giờ cho cô em gái. Bao giờ phai lại được những niềm yêu thương ấy?

Phùng xa Hà Nội gần hai mươi năm thì tôi xa Phùng cũng đã quá mười năm. Mười năm của những đổi thay biến chuyển nhưng có một điều tôi biết Phùng luôn luôn giữ lại được cho mình những nét đặc thù của người con gái Hà Nội như ngày nào vừa bỏ quê hương mà đi. Không biết con sông Hồng Hà bây giờ có còn như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng tri nhớ báng khuáng, con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lở, bên kia bãi bồi, tiếng sóng giữa dòng trùng trùng ca hát... như Mai Thảo đã viết trong Chuyến tàu trên sông Hồng? Con đường từ chợ Đồng Xuân đến phố Cầu Gỗ để đến nhà Phùng có còn đẹp như năm xưa hay đã nhạt nhòa theo năm tháng đạn bom?

Phùng,

Phùng xa Huế đã mười năm và chúng mình đã không gặp nhau cũng khoảng thời gian đó. Ở một phương trời nào đó Phùng còn nhớ gì về Hà Nội và còn nhớ gì về những ao ước của ngày xưa chúng mình tâm sự? Hai mươi năm sau ngày chia cắt đất nước, có người đã được may mắn trở về Hà Nội. Họ là những Sĩ quan của Quân lực Việt Nam Cộng hòa nhưng là những người đã sinh ra ở Hà Nội. Họ chỉ «đi qua» Hà Nội trong một vài tiếng đồng hồ. Họ đã nói gì trên báo chí, trên đài phát thanh chắc Phùng cũng đã đọc. Dù không là dân Hà Nội tôi cũng xót xa thương tiếc cho một Hà Nội ngày nào. Có lẽ Phùng đã khóc khi xem những hình ảnh của Hà Nội đăng trên báo. Những đường phố nghèo nàn, hồ Hoàn Kiếm buồn thiu, cửa Ô Quan Chưởng màu sắc tàn tạ lạnh lùng. Những thướt tha của Hà Nội không còn nữa. Những cung cách của đế đô ngàn năm văn vật không còn nữa.

Hưng vong vạn lý hành sầu

Trang ơi đừng bỏ mái lâu nhân gian.

(Đinh Hùng)

Hà Nội của Phùng không còn gì nữa nhưng hồn tôi vẫn luôn luôn còn Phùng của Hà Nội ngày nào. Những ước mơ bây giờ là viễn vông mây khói, là những xót xa một mình. Đời đời tôi vẫn thương nhớ người yêu tâm nín Hà Nội.

AN CHÂU LAN

THANH NAM



QUYÊN

Tấn lại gặp Quyên ở Saigon. Hai người xa nhau đã bảy năm rồi, kể từ ngày Tấn rời Hà Nội vào Nam. Quyên nhận ra Tấn ngay từ lúc chàng vừa bước chân vào tiệm ăn. Nàng gọi thật lớn:

— Anh Tấn!

Mấy người khách ngồi bàn kế bên cùng giật mình quay lại tò mò nhìn Quyên, nàng cười, lấy giọng nói tự nhiên để che ngượng:

— Đây cơ mà, anh Tấn.

Tấn ngơ ngàng nhìn về phía Quyên một chút rồi mạnh bạo bước tới. Quyên đứng dậy vừa cười vừa nói:

— Anh không nhìn ra Quyên à? Chết thật, mới có bảy năm mà trông nhau đã làm ra vẻ lạ lùng!

Tấn ngượng nghịu ngồi xuống ghế đối diện với Quyên rồi ấp úng:

— Có. Tôi có nhận ra Quyên nhưng còn ngờ ngợ chưa dám quyết đoán.

Quyên cười, má lúm đồng tiền tuy đã hơi nhăn nhai bên mép, nhìn Tấn:

— Trông anh vẫn chẳng có gì khác. Anh trông Quyên có gì thay đổi không?

Tấn còn đang lúng túng trong miệng tìm một câu nói xã giao thì Quyên đã tự trả lời:

— Già rồi. Năm nay Quyên đã hai mươi bảy, tuổi thân mà. Có phải không anh?

Quyên vẫn có cái lối nói chuyện ấy. Hỏi rồi tự trả lời ngay, chẳng cần đợi ý kiến người mình hỏi, Tấn chậm rãi:

— Quyên chưa già đâu. Đừng vội lo.

Ngưng một lát, thấy Quyên không nói gì, Tấn lại lần thân tiếp:

— Tôi nói thật đấy. Trông Quyên vẫn như hồi hai mươi tuổi, cái hồi chúng mình mới gặp nhau ở nhà anh Bình ở hàng Trống ấy mà!

Quyên gật đầu, nhắc lại :

— Ở... ở... Cái hồi ở nhà anh Bình... Thấm thoát thế mà chóng thật. Thế từ hồi ấy đến giờ anh làm những công việc gì ? Đã có vợ con chưa ?

Nhưng lần này Quyên cũng lại không để cho Tấn kịp trả lời, nàng nói ngay sang chuyện khác :

— À, anh gọi gì ăn đi đã chứ. Chết thật, mãi nói chuyện mà quên cả ăn. Và Quyên cười :

— Tôi ăn rồi, bây giờ ngồi nhìn anh ăn để sống lại một chút kỷ niệm cũ ở Hà Nội. Anh ăn gì ?

Tấn cúi xuống tấm thực đơn dán trên bàn tìm món ăn. Quyên vẫy tay gọi người hầu bàn lại rồi hỏi Tấn :

— Bánh cuốn nhé ? Bánh cuốn ở đây khá lắm. Hay là phở gà ? Tôi vừa ăn phở gà xong đấy. Không thua gì phở gà Duvigneau ở Hà Nội đâu !

Tấn bật cười lắc đầu nhìn Quyên :

— Ủ thì phở gà.

Quyên cũng cười :

— Ấy, tính tôi vẫn thế. Bị bạn hữu chế diễu bao nhiêu lần rồi mà vẫn không sao đổi được. Có nhiều khi tôi đang nói chuyện này lại đâm ra sự chuyện khác. Thật chẳng ra làm sao cả !

Thật chẳng ra làm sao cả ! Câu nói ấy, bảy năm rồi, bây giờ Tấn được nghe lại ở miệng Quyên. Ngày trước, chàng thích nghe Quyên nói câu ấy lắm. Chàng cho là Quyên đã nói câu ấy bằng một giọng thật là nũng nịu, dễ thương. Thói quen của Quyên là bao giờ cũng kết thúc câu chuyện của mình như vậy. *Thật chẳng ra làm sao cả !* Bảy năm trước, bảy năm sau vẫn câu nói ấy. Không hiểu ngày nay Quyên ra sao ? Tấn định hỏi thì người hầu bàn đã mang phở tới. Quyên tự tay so đĩa đưa cho Tấn. Chàng cảm động vì cái cử chỉ săn sóc ấy lắm. Trong khi Tấn ăn thì Quyên cúi xuống đọc một tờ tuần báo cũ. Tấn chợt ngừng ăn nhìn trộm Quyên. Nàng thật già rồi. Chất phấn hồng nhạt chát trên da mặt bị mờ hơi chảy lan xuống để lộ ra nhiều nét nhăn. Đôi tay nàng gầy ốm và xanh xao khác hẳn ngày trước—đôi tay mà Tấn vẫn thường ví là những bàn tay bày trong tiệm kim hoàn ở phố hàng Bạc. Cặp lông mày Quyên nhú lại. Trán nàng xếp thành từng lớp nếp nhỏ. Tấn khẽ thở dài. Quyên giật mình ngẩng lên. Tấn vội vã cúi xuống bát phở đang ăn. Nàng hỏi :

— Anh sao thế ?

Tấn gượng cười :

— Không, tôi vừa ăn phải miếng ớt cay quá.

Quyên gấp tờ báo lại đặt lên bàn :

— Anh có uống cà phê thì liệu mà kêu trước đi không có ở đây chờ lâu lắm đấy.

Tấn lắc đầu :

— Cà phê ở đây chắc không chuyên môn. Tôi biết một chỗ có cà phê tuyệt lắm. Để ăn xong rồi chúng mình cùng lại đấy. Nhưng mà Quyên không bận việc gì đấy chứ ?

Tấn lại nhìn thấy lúm đồng tiền trên má Quyên :

— Bận việc gì thì cũng phải xếp lại hết đề đi chơi với anh sáng nay.

Ra khỏi tiệm ăn, hai người đón một chiếc taxi đi về phía Tân Định. Ngồi trên xe, Quyên mở ví lấy gương soi mặt và sửa lại những nét phấn bị trên trán. Tấn làm bộ chăm chú nhìn sang bên đường.

Xe dừng lại đầu một con đường nhỏ. Tấn trả tiền xe bước xuống trước.

Quyên ngạc nhiên :

— Tôi rồi à anh ?

Và nàng xếp hộp phấn vào trong ví, sửa vội lại mái tóc rồi bước xuống. Nàng cả phê vắng khách. Tấn chọn một chiếc bàn ở chỗ khuất nhất để tránh sự để ý của mọi người. Vừa ngồi xuống ghế là Quyên đã hỏi ngay :

— Đạo này, anh làm gì ?

Tấn chất lưỡi :

— Làm thật nhiều nghề nhưng không có nghề nào chính cả.

Chàng kêu một ly cà phê phin. Quyên gọi một ly nước cam tươi. Quyên thở dài :

— Anh có hay gặp bọn các anh Bình, anh Hải đâu không ?

Tấn vừa định trả lời thì Quyên đã chép miệng nói tiếp :

— Nghe nói các ông ấy vợ con cả rồi. Thế còn anh ?

Tấn lắc đầu, mỉm cười vờ vờ.

Quyên nheo mắt nhìn Tấn :

— Chắc ông còn kén phải không ? Tam thập nhi lập, ba mươi tuổi rồi anh còn định để đến bao giờ nữa ?

Tấn không đáp. Chàng cúi nhìn ly cà phê. Ở trước mặt chàng bây giờ là người mà ngày xưa chàng đã từng say đắm, ước mơ. Vốn tính nhút nhát, chưa bao giờ Tấn dám nói thẳng với Quyên điều đó. Cho tới ngày nghe tin Quyên sắp sửa lấy một thương gia ở phố hàng Đào thì Tấn mới thấy rằng sự ngờ lơ với Quyên lúc đó đã quá muộn. Bạn bè của hai người, ngoài Bình ra, không một ai biết chuyện đó. Chàng ôm mối thất vọng của mối tình đầu tiên vụng vại ấy đi xa Hà Nội. Hôm Tấn vào Nam, trong số bạn bè ra tiễn ở phi trường, có cả Quyên. Nàng tặng chàng một tấm ảnh, mặt sau có viết mấy chữ : « *Nhớ đừng quên Quyên nhé !* » Ngồi trên máy bay rồi, Tấn còn đọc mãi hàng chữ ấy. Tại sao Quyên lại viết cho chàng như vậy ? Tấn không hiểu. Quyên định nói gì trong những lời đề tặng kia. Rất có thể là những lời dặn dò thiết tha mà kín đáo và cũng rất có thể là một câu nói bằng hữu vô tình. Vào đến Saigon, Tấn vẫn không sao quên được Quyên. Chàng mang tấm ảnh thân yêu đó ở trong ví không lúc nào rời. Bao nhiêu mối tình đã nhạt, bao nhiêu hình ảnh thiếu nữ đã qua, Tấn vẫn chỉ nhớ có một mình Quyên. Giọng nói nũng nịu, cặp mắt đen nhánh với những riềm mi cong vút của nàng là những giấc mơ thường xuyên của Tấn. Những ngày đầu ở Saigon, mỗi một tuần, Tấn lại viết một lá thư cho Bình hỏi thăm về Quyên. Thư Bình trả lời thường thường có những câu :

— « Mỗi lần gặp Quyên, nàng lại nhắc đến cậu. »

Hoặc :

— « Nàng định viết thư cho cậu nhưng sợ không tiện nên chỉ nhờ tôi gửi lời thăm cậu mà thôi. »

Đại khái, bao giờ Bình cũng nói đẹp để cho Quyên. Một năm trời liên như vậy, Tấn đã sống trong tình yêu mộng với Quyên qua những lá thư của Bình. Chẳng bao giờ Tấn dám hỏi Bình rằng những lời lẽ kia có đúng thật là Quyên nói hay không. Chẳng rất sợ giấc mộng của mình bị vỡ. Ít lâu sau, Bình bị gọi động viên khóa đầu Nam Định. Rồi từ đấy chiến trận đã bắt Bình phải xa Hà Nội. Tấn không còn ai cho tin tức về Quyên nữa. Bạn bè mỗi đứa một nơi. Rồi Bình lấy vợ. Hải cũng lấy vợ nốt, Tuấn bỏ ra khu rồi bị chết ở ngoài đó. Mấy cô bạn gái — những nữ diễn viên tương lai của ban kịch do Bình thành lập — cũng ngày một, ngày hai lấy chồng cả. Cái sân khấu bé nhỏ của bọn Tấn ở phố hàng Trống hồi đó tan rã ngay khi Bình tốt nghiệp lớp sĩ quan Nam Định. Giấc mộng của bọn người định «tung hoành» trên sân khấu Nhà Hát Lớn Hà Nội không bao giờ thành nữa. Bình đem vợ con vào Nam. Gặp lại Tấn, Bình đã mỉm cười khi nghe chàng nhắc lại chuyện cũ. Tấn có hỏi thăm Bình về Quyên nhưng Bình cũng chẳng biết gì hơn Tấn, từ sau ngày nhập ngũ. Từ đấy, Tấn yên chí là sẽ không bao giờ còn gặp lại Quyên nữa. Chẳng biết rằng nếu Quyên có mặt trong số những người di cư thì thế nào chàng cũng sẽ được gặp lại ở Sài Gòn. Nhưng trong số những bè bạn cũ ở Hà Nội, Tấn vẫn thấy thiếu Quyên. Cho tới bây giờ, giữa lúc mà Tấn không ngờ đến nhất thì chàng lại gặp lại Quyên. Cuộc gặp gỡ này đã không đến nỗi cảm động như từ lâu Tấn hằng mong ước. Nó giản dị như cuộc gặp gỡ giữa hai người bạn trai. Tấn không tìm thấy ở đấy một chút dư hương nào của mối tình xa xưa,

Tiếng Quyên chợt cất lên :

— Kia, anh ! Nghĩ gì mà quên cả uống cà phê thế ?

Tấn giật mình nhìn xuống mặt bàn. Ly cà phê đã chảy tràn cả ra ngoài. Chàng nhắc chiếc phin ra rồi cho vội mấy thìa đường vào ly, khuấy nhẹ nhẹ.

Quyên cười :

— Trông anh đầy vẻ thi sĩ. Đạo này anh còn làm thơ như hồi còn ở Hà Nội nữa không ?

Tấn lấy thuốc lá ra hút :

— Bây giờ đời nghề rồi. Lâu lắm, tôi không hề cầm đến bút. Chạy ăn một muốn chết, còn giờ đâu nghĩ đến thơ với văn nữa !

— Nhớ cái đạo ở Hà nội—Quyên tiếp—anh vẫn thường viết những bài thơ treo đầy cả tường. Cái đạo ấy sao chúng mình sung sướng thế nhỉ?... Mỗi lần Quyên đến thăm anh với anh Bình là thấy các ông say sưa bàn chuyện nghệ thuật.

Qua làn khói thuốc, Tấn thấy mắt Quyên khẽ chớp. Giọng nàng trầm hẳn xuống :

— Quyên nhớ một lần ở nhà anh Bình, mọi người đang tập vở kịch thơ Phạm-Thái — Quỳnh-Như thì trời đổ mưa. Anh Bình giữ cả bọn ở lại ăn cơm, mãi tới khuya mới về. Hôm ấy về nhà, Quyên bị một trận mắng khá đau. Tình ngay mà lý gian. Giải nghĩa thế nào các cụ cũng không nghe. Sau đó, một tuần lễ liền, Quyên không được bước ra khỏi cửa. Thế là vở kịch của các anh phải thay vai, Quyên không được đóng nữa. Nghĩ tiếc

Rồi về sau cũng chẳng ra làm sao cả. Anh vào Sài Gòn, còn Quyên thì... Nàng không nói hết câu, cúi xuống đưa hai ngón tay lơ đãng về lên mặt Tấn hỏi đề không khi đỡ nặng nề :

— Bây giờ, cuộc sống của Quyên ra sao ?

— Cũng vậy thôi. Chẳng ra làm sao cả ! À, anh đã biết mặt chồng Quyên chưa nhỉ ?

Tấn mỉm cười, lắc đầu. Quyên mở ví tay lấy một tấm hình cỡ nhỏ đưa Tấn. Chàng đỡ lấy xem qua rồi trả lại cho nàng. Quyên lại đưa cho Tấn một tấm hình khác :

— Đây là hai đứa con của Quyên chụp hồi năm ngoái đây. Anh xem, bé Hoa này có giống Quyên không ?

Tấn đưa trả Quyên tấm ảnh :

— Chồng Quyên hiện nay làm gì ?

Quyên cất hai tấm ảnh nào vì rồi đáp :

— Chồng Quyên mất đã hai năm rồi.

Tấn giật mình :

— Thế hiện nay Quyên ở đâu ?

— Ở Nha Trang, anh ạ. Quyên ở đấy với cha mẹ chồng và hai đứa nhỏ này.

Lòng Tấn tự nhiên xót xa. Niềm thương cảm đối với Quyên tưởng đã mất trong lòng Tấn bỗng dạt dào trở lại. Chàng dụi nhanh điệu thuốc vào chiếc đĩa gạt tàn, không hiểu nên nói với Quyên một câu gì trong lúc đó. *Thật chẳng ra làm sao cả !* Câu nói nùng nịu ngày xưa của Quyên giờ nghe mới chua chát làm sao !

Quyên nhìn đồng hồ tay rồi dục Tấn :

— Anh đưa Quyên vào Chợ Lớn mua ít đồ, có lẽ chiều nay Quyên lấy về tàu về Nha Trang. Ở đây buồn quá. Tưởng tượng sáng nay mà không gặp anh thì Quyên cũng chẳng biết làm gì cho hết ngày nữa. Có mỗi một chị bạn thân thì lại về đúng bữa bà ấy đau. Rõ thật chán !

Tấn gọi tính tiền rồi đưa Quyên vào Chợ Lớn. Trọn một ngày hôm đó, Tấn dành cho Quyên. Hai người riu rít đi bên nhau như là hãy còn cái tuổi mười tám, đôi mươi dạo nào. Quyên bắt Tấn đứng hàng giờ để chọn cho nàng một màu áo, một kiểu giày ; luôn luôn nàng hỏi :

— Anh xem Quyên mang cái này có hợp không ?

Bao giờ, Tấn cũng đồng ý với nàng. Sự vui vẻ hồn nhiên, tính hấp tấp dễ dãi của Quyên lây cả sang Tấn. Chàng cũng bắt đầu nói cười luôn miệng. Buổi trưa, hai người vào một hiệu cơm Tàu, uống khá nhiều rượu. Quyên bảo :

— Cái ngày cưới Quyên vui lắm, anh Tấn ạ. Các anh, các chị ấy đều lại đông đủ cả, chỉ thiếu có anh. Hôm ấy, Quyên cũng uống say như bây giờ.

Men rượu làm hồng đôi má Quyên. Mắt nàng sáng lấp lánh.

Khi ở tiệm ăn ra về, Quyên đi như không muốn vững nữa. Nàng phải vịn vào người Tấn mới đi nổi ra taxi. Ngồi trên xe, Quyên ngả hẳn đầu vào vai Tấn, hai mắt nhắm lại, hơi thở mệt nhọc. Bấy giờ, Tấn lại có dịp ngắm kỹ Quyên một lần nữa và chàng chưa xót trở về ý nghĩ lúc đầu khi mới gặp lại nàng trong tiệm ăn buổi sáng. Quyên già thật rồi. Vàng trán xám mốc và lớp phấn đánh mỏng bị mồ hôi làm cho loang lổ, mấy sợi tóc dính lên đó,

kể thành những đường chỉ đen, càng khiến khuôn mặt Quyên trở thành già nua, cần cỗi. Khuôn mặt đó, không nhắc gì cho Tấn nhớ đến khuôn mặt một cô gái Hà Nội bảy năm về trước, trong căn nhà ở phố hàng Trống chừng buổi chiều mưa phùn giá lạnh, say mê với vai trò nàng Trương Quỳnh Như trong vở kịch Phạm Thái. Tấn cố giấu một tiếng thở dài khi bàn tay ướt đẫm mồ hôi của Quyên nắm chặt lấy tay chàng, mười ngón tay cứng ngắt như mười khúc cây khô. Xe ngừng trước con đường hẻm dẫn vào nhà người bạn mà Quyên ở trọ, Tấn mở cửa đưa nàng xuống.

— Chiều nay, anh có ra ga tiễn Quyên không?

Tấn nói :

— Sao lại không ?

Trong khi thật tình chàng chỉ muốn kiếm một cơ nào đó để từ chối mà không nổi. Nét mặt Quyên rực sáng lên khi nghe Tấn trả lời :

— Thật nhé. Anh ra ga với Quyên nhé.

— Thật.

Tấn cố gắng mỉm cười rồi từ biệt Quyên.

Buổi chiều, Tấn giữ lời hứa. Chàng ra ga đưa Quyên, khi chuyển tàu đi Nha Trang chỉ còn năm phút nữa là khởi hành.

Hai người đứng nói chuyện với nhau trên lối cửa đi của toa hành khách hạng nhì, Quyên rủ Tấn nếu có dịp ra Nha Trang chơi ít bữa.

— Mùa này có trăng, biển đẹp lắm anh ạ. Biển đẹp và thơ mộng không thể nào tưởng tượng được. Anh ra, Quyên sẽ dẫn anh đi thăm Tháp Bà...

Tiếng còi ré lên cắt ngang câu nói của Quyên. Tấn nhảy xuống thêm ga. Con tàu chậm chậm chuyển bánh.

Quyên nắm chặt lấy tay Tấn, như không muốn rời ra nữa. Khi buông tay Tấn ra, Quyên quay vội mặt vào trong. Tấn ngậm ngùi nhìn theo. Hình ảnh đôi vai gầy yếu của Quyên nhô lên, nổi bật giữa đám hành khách chen chúc.

Tấn ra về vừa lúc thành phố lên đèn. Chàng chậm rãi đi giữa những bóng cây đang bơi sẫm hai bên hè phố và cảm thấy những bước chân đang đưa chàng trở về con đường kỷ niệm, mùi dạ hương ngậy ngát, cơn gió đầu mùa mơn trớn thịt da, tà áo của Quyên như một cánh bướm đêm to lớn bay múa trước mặt chàng. Con đường ấy, với hình ảnh đầm thắm của buổi đầu tiên khi chàng đưa Quyên về, chàng cố gắng nghĩ rằng sẽ còn đẹp mãi trong ký ức của mình và người thiếu phụ mà chàng vừa đưa tiễn ngoài sân ga không phải là cô gái mang tên Quyên, bảy năm về trước...

THANH NAM

TRẦN VĂN NGHĨA

NGƯỜI YÊU HÀ NỘI



MỘT GIỌT TUỞNG TIẾC HÀ NỘI ● MỘT GIỌT TUỞNG TIẾC HÀ NỘI

người yêu hà nội

gửi Nga Tuyết

Nghe em kể về quê em Hà Nội

Mắt chừng sắp khóc nhớ chuyện xưa

Anh rất buồn lặng thinh đốt thuốc

Nghe hình như đâu đó sắp mưa

Em nói nhớ, nói thương miền quê cũ

Có người cha giờ chết không chừng

Có đàn em giờ đây chắc lớn

Với ngôi nhà rào giậu hoa nhưng

Nhắc tới quê xưa lòng em lỗi lại

Anh rất buồn em có biết không

Dù Hà Nội, tôi chưa hề biết lời

Nhưng tưởng như mặt thiết vô cùng

Gặp nhau ở đâu em cũng sầu ghê
gớm

Em nói nhớ cha, nhớ Hà Nội, ước
ngày về

Phải chi mai này nổi lại đường
xuyên Việt

Có em, anh cùng trên chuyến tàu
khuya

Nghe em kể về quê em Hà Nội

Chừng nghe sầu lên màu mắt thiết
tha

Ôi nhớ làm sao những tháng ngày
xưa ấy

Chẳng phải quê mình anh cũng thấy
xót xa

Anh chẳng biết gì về Hà Nội

Nhưng cố vẽ về hẹn một ngày mai

(Bởi yêu em nên yêu luôn Hà Nội

Yêu những lời than thở đã quen tai)

Anh biết em yêu quê em, Hà Nội

Em biết anh yêu em thật lòng

Cứ xem mỗi tình anh là Hà Nội

Và giữ lòng gần bó thủy chung

rời như màu nắng phai

Em đi áo lụa vàng chiều

Thơ tôi cũng đã ít nhiều nhớ thương

Ngõ xưa hoa nở ven đường

Thoảng nghe chuông vọng giáo

đường xa xa

Tôi về hồn chớm thiết tha

Bâng khuâng nhớ mãi đôi tà áo bay

TRẦN VĂN NGHĨA



MỘT GIỌT TƯƠNG TIẾC HÀ NỘI ● MỘT GIỌT TƯƠNG TIẾC HÀ NỘI ● MỘT GIỌT TƯƠNG TIẾC HÀ NỘI ● MỘT GIỌT TƯƠNG TIẾC HÀ NỘI

nàng thơ hà nội ngày xưa

Nàng thơ Hà Nội ngày xưa
 Có còn áo tím ngồi bờ hồ Gươm
 Có còn vắn tóc soi gương
 Sớm mai mưa bụi phai hương má đào
 Hay em đang học vườn sau
 Vô thơm bóng sừ ướp vào giấc mơ
 Nhớ không nón Huế bài thơ
 Chiếc xe đạp nhỏ đón đưa nhau về
 Nhớ không hồi mái tóc thề
 Trong vườn Bách Thảo lòng dè mê sâu
 Em là cô gái Hàng Cau
 Anh là thi sĩ Hàng Đào lang thang
 Mỗi đêm thơm ánh trăng tàn
 Thu đưa áo tím về ngang bờ hồ...

Bây giờ nằm nhớ cổ đô
 Khóc đêm hải cảng chia bờ vào Nam
 Ước gì có chuyến đò ngang
 Ba mươi sáu phố có nàng với ta
 Chuyện ngày xưa lại nở hoa
 Trong tim Hà Nội, trong nhà Việt Nam
 NGUYỄN NHƯ MÂY

hà nội, ta sẽ đến

Mẹ bảo con ơi nhớ về Hà Nội

Thăm những con đường thuở bé
 Những mùa thu lá đỏ ngập chân
 Dẫm lên đó dấu hài xưa ấm cũng

Lá me vàng trên tóc mây của mẹ
 Lông rất xinh tình duyên thắm đang chờ
 Tay cha ấm gối từng phiên là nhỏ
 Mẹ ngượng ngùng cúi mặt, áo vẫn

Mưa rất nhẹ xuống mặt hồ sương khuya
 Cha đứng chờ mẹ cấp sách đi ngang
 Bạn rộn lắm những ngón tay sắp bắt
 Giữa môi nhau, cau cũng thấm môi nhau

Bờ ngõ lắm mẹ trao tay cha năm
 Một nụ hôn phớt mỏng lớp sương mờ
 Thê Húc vẫn im lìm và lặng tiếng
 Dòng nước xanh thoảng nhẹ bóng người

Vậy đó con ơi nhớ về Hà Nội
 Tìm ngày xưa cha mẹ đã bỏ quên
 Lúc ấy anh dìu em về quê mẹ
 Thơm như nhung tình ái của chúng mình

Hồi Hà Nội, em yêu chiều tan nắng
 Và hoàng hôn càng sưởi ấm lòng, đàn
 Hà Nội ơi, có khi là giấc mộng
 Đường nào giăng ngang tri nhớ

NGUYỄN NHƯ MÂY
 NGUYỄN NHƯ NGÂN
 BỬU KHÁNH HỒ

hạt mưa lặng lẽ rơi trên đầu
 NGUYỄN NHƯ NGÂN
 nội, còn trong mơ

còn những giọt mưa bay bên hồ
 năm tháng
 còn bóng lá ngủ trong trăng
 còn là áo lụa

còn em nét duyên gái Bắc
 đời buồn riêng ngáy ngất
 về Hà Nội viễn mơ
 Nội!

còn là nỗi lòng cô kính
 còn là giọt sương ảo mộng
 còn em gái Bắc dáng ngai ngừng
 còn đôi mắt ướt : dòng sông
 mùa là mây ngang phố
 về khuất... đường ta đi : hoang lộ !
 nào dậy trong tim đau
 Nội !

em man mác ngàn năm
 sông về ngang phố xá
 bay bụi vương tà áo
 xưa xa xăm

em từ lâu lắm
 hồn vẫn lặng cảm
 đường nào giăng ngang tri nhớ

Ta tần ngần bên đời đứng đợi
 Một con tàu về chốn ngàn năm
 Hà Nội !
 Có loài chim ngõ ngang
 Hót xưa nỗi nhớ phiền muộn
 Truông cây đứng thảnh thơi
 Hai vì sao nằm trong đáy nước
 Thành lệ dằng trăn
 Mưa giữa hồn choáng vảng
 Hà Nội !
 Vẫn là áo em bay
 Ta đứng sâu ngày đại
 Chờ còi tàu trút xuống mộng thơ ngáy
 Hà Nội !
 Vẫn còn là viễn xứ
 Vẫn còn trong mơ tưởng xa xôi
 Ta vẫn đứng cả đời mong đợi
 Nhớ em gái Bắc qua đời
 Ta vẫn đứng cả đời trông tiếc
 Hoa môi em rực một nụ cười
 Hà Nội !
 Ôi vẫn còn trong nỗi nhớ
 Hà Nội !
 Ôi vẫn còn trong giấc mơ
 Hà Nội !
 Bao giờ ta tới đó !
 BỬU KHÁNH HỒ

DUY
NGUYỄN



GIẬU BÌM BÌM CŨ

Giậu bìm bìm tím nhạt xiêu đổ ở một góc sân, chập chùng trong tường nhờ do lời kể của bố mẹ, của các anh chị lớn. Những thanh tre dựng sọc sài mục rã bởi các loại mối một côn trùng từ lúc nào không rõ. Bìm bìm với các dây quấn mọc nhanh mãnh liệt, quấn quýt nhau quanh các thanh tre mục, nở ra các đóa hoa. Màu tím nhàn nhạt. Nhụy có màu gần như trắng. Dịu dàng. Mảnh mai. Hoa có hình thề gần giống như hoa rau muống, rau lang tuy màu sắc có phần mềm dịu nên thơ hơn. Bìm bìm hay mọc ở những hàng giậu đồ, bò trên các tường gạch ngồn ngang. Anh yêu nhất dây bìm bìm với các chiếc lá xanh tròn bám trên màu tường vàng ố hay nám đen bởi nắng mưa nhiều mùa quét lên, nở hoa tím ngan ngát ở vách các ngôi nhà xưa trong thị trấn.

Giậu bìm bìm chằng chịt trên các thanh tre mục. Mảnh vườn nhỏ, vài khóm huệ, bụi lài để ngoại ướp trà, cây na cho bọn anh. Một cây soan ở bên phải ngôi nhà cao thẳng tắp. Cây na anh chưa bao giờ nếm thử trái của nó. Cây soan chỉ nghe kể lại với những tình tự quê hương chứ chưa bao giờ trông thấy. Ngôi nhà rộng ba gian, ở đó anh Niệm anh Hoài chị Kim đã nô đùa trưởng giỡn, đã ăn ngủ khôn lớn với bố mẹ và ông ngoại. Người kể là chị Hạc lúc đó còn quá nhỏ. Đề bây giờ, nhắc lại, chị chỉ nhớ mang máng ngôi nhà quá đồi to rộng mà cũng hết sức thân yêu đó.

Và anh thuở đó chỉ vừa biết bò lê la cùng khắp từ trong nhà qua các bậc thềm ra đến sân. Như chị Kim nhắc lại trong những phút bùi ngùi, rằng

anh bé thơ đã té lăn không biết bao lần nơi cái bậc thềm đó. Anh Niệm anh Hoài nhắc khu vườn nhiều cây trái cùng thật nhiều chim chóc rủ nhau về ca hát ăn trái. Chị Hạc nhớ những trái nhãn lồng ngọt lịm. Nhãn đặc biệt miền Bắc. Cơm dày, hạt bé cắn khế vào nước tươm ra ngọt ngào chần rắng. Vào mùa nhãn ăn cứ như thay cơm, bụng no óc ách.

Theo lời mẹ kể: Cái thuở bố mẹ còn ở Hà Nội. Hai người ngày đó rủ nhau đi chơi bờ hồ; cùng nhau ăn kem kẹo dừa, chúng mình là mình sung sướng. Những chuyến xe điện đi về vùng ngoại ô có nắng ấm áp có cây trái hoa lá rộn ràng. Ghế đá dọc hồ, nhìn ngọn tháp Rùa đơn độc giữa mặt nước lạnh tanh. Những cây xanh thả bóng mát lối đi suốt bốn mùa tinh yêu. Lời mẹ kể mang mang ngậm ngùi trong lúc bố lặng lẽ hút thuốc.

Anh Niệm nhắc căn nhà bố mẹ thuê ở Hà Nội. Mái nhà nhỏ gọn với giàn thiên lý đơm hoa diu diu. Nhà chú Bằng ở Hàng Điều, đi chơi vườn Bách Thảo vào một thời nhỏ dại rong chơi. Xe điện chạy vun vút trên phố trong mắt nhìn dại khờ thêm muốn của cậu nhỏ. Hà Nội hồi đó quá rộng lớn đối với bước chân chim của anh Niệm. Sau mấy năm ở Hà Nội bố mẹ dọn về ở vùng ngoại ô, căn nhà to rộng, giậu bìm bìm có từ thời ông ngoại bé tí đến thời ông già yếu vẫn tồn tại.

Đối với anh, trí nhớ thẳng bé mới biết bò, miền Bắc như một bức tranh phong cảnh đặt sau lớp kính mờ dày cộm. Và Hà Nội chỉ là quê hương trong trí nhớ. Mẹ kể anh cũng đã lên thăm Hà Nội, ở nhà chú Bằng mấy ngày. Mẹ đã bế anh đi cùng khắp cái thành phố tinh yêu của mẹ, đi thăm bạn bè cũ. Đôi mắt còn quá bé bỏng chưa thấu thập được chút gì vào trí nhớ của anh, nước hồ Hoàn Kiếm lăn tăn như thế nào, phố Cổ Ngự ra sao. Các con đường của Hà Nội ba mươi sáu phố phường anh đã cùng đi với mẹ, bần bật trí nhớ nhỏ nhoi, không khơi dậy một cảnh tượng nào. Tuy vậy, đã khơi lại một chút gì thương nhớ rất xa xôi, từ trong dòng máu luân lưu. Hà Nội với anh là một thành phố ấu thời quên mất, lặng lẽ không như một chiếc lá nhẹ nhàng rơi làm xao động chút mặt hồ. Hà Nội còn nhớ nơi những tấm ảnh vàng ố từng vệt vàng không nhìn rõ mặt mũi. Tấm ảnh chụp quá lâu nhìn vào tưởng như qua một lớp sương mù. Hình mẹ bế anh đứng bên một gốc cây phố phường nào đó. Hình bố mẹ, anh, anh Niệm, anh Hoài, chị Kim trong Sở Thú.

Anh, như thế đã trải qua bốn mùa Hà Nội. Đã hít thở không khí Hà Nội. Đã sống qua bốn mùa thời tiết đổi thay và ra đi vào một mùa lập lại đầu tiên trong đời. Đất trời không khí bằng bạc buồn bã tầm hương thời vào anh, thẳng bé con con, đến khi chập chững đi cũng là chập chững già từ phố cũ.

Giã từ Hà Nội. Giã từ ba mươi sáu phố phường. Phố nhớ phố trông và phố chờ phố đợi. Gia đình dất diu nhau, lia cuống rún mà đi chỉ còn lại ông ngoại nhất định không rời cái cột nhà đen bóng cùng giậu bìm bìm tím. Bố mẹ bỏ lại khăn dài áo cưới và một thời hẹn hò dưới bóng cây phường phố. Bỏ hết. Tất cả, ngoài gia sản vô giá là mấy anh chị em anh, mang theo vào miền nắng cháy này, và một ít áo quần tiền bạc của một gia đình. Tất cả những áo quần, quần không đây, áo the lần lượt rách bỏ mất đi tất cả. Mẹ chỉ còn lại mảnh vải nhung đen tuyền được dùng để vấn khăn búi đầu. Mảnh

vải nhung óng ánh, mềm mịn trong tay; dài gần thước nhỏ bằng bàn tay vẫn còn mới. Thịnh thoảng đi đâu xa hay hội hè lễ tết mẹ lấy ra vấn. Chị Hạc cười nói, khăn cưới của mẹ đấy hở? Mẹ còn lại chiếc bông tai bằng vàng kỷ niệm ngày vui bố mẹ. Còn lại một ít ảnh vàng nhợt nhạt như bám một lớp phèn. Các anh chị của anh, vui đùa cười cợt khi xem lại những tấm ảnh đó. Trông mẹ xinh ghê đi, chắc bố khổ lắm mới «lỡ» được mẹ, mẹ nhỉ? Anh, anh Hoài, chị Hạc hay đòi bố mẹ kể thời thanh niên thiếu nữ của hai người. Thú vị vô cùng khi được biết mẹ thướt tha đi dạo bờ hồ vào mùa thu Hà Nội. Mẹ thời con gái lãng mạn ra gì. Mẹ kể với giọng rưng rưng đôi lúc khẽ nhìn bố xem ông có phản ứng hoặc có bỏ túc điều gì thiếu không. Bố nhắc các món ăn thú vị như lạc rang nóng hồi trong tay, bánh tôm ngon đặc biệt.

Vẫn theo lời bố mẹ kể, anh biết phần nào về quê nội. Nơi đó là xứ sở của nhãn lồng. Những mảnh vườn rộng mênh mông chạy dài theo dòng sông nước trong xanh, trồng toàn nhãn, mùa hè đi tắm sông và ăn nhãn thật tuyệt vời. Bố nhắc các trò nghịch ngợm thuở bé. Kể ra bố diễm phúc hơn các con, bố tung tăng đùa nghịch chạy nhảy trong thiên nhiên, thở hít không khí quê hương. Các món ăn đặc biệt miền Bắc mà anh không nhớ tên nổi cũng như chưa bao giờ được nếm. Chị Kim kể về mùa hè ở quê nội, tiếng chim ríu rít mỗi sáng thức dậy. Về mùa gặt lúa ra đồng theo các chú ăn xôi gấc thịt gà. Về màu hoa vàng đại rưng rưng buồn mọc ven lối đi. Về màu đỏ hoa gạo tả tơi vương vãi bên đường.

Anh không được cái may mắn có những kỷ niệm về Hà Nội, về miền Bắc như các anh chị. Anh chỉ có tấm lòng thương nhớ, chút lưu luyến qua lời kể bồi ngùi của những người thân.

Anh, đứa con trai thất lạc quê hương. Vào trong này sống chung đụng hòa hợp với dân miền Nam hiền hòa, anh và mấy đứa em nói tiếng Nam hoàn toàn. Giọng nhỏ nhẹ dễ thương tiếng Bắc đã mất tích trong anh. Kỳ lạ, gia đình mà kẻ Nam người Bắc không giống ai. Anh phục bố mẹ và các anh chị vẫn giữ gìn gốc gác, anh như một đám lục bình lơ lững trôi và tấp vào một bến bờ lạ vui mừng, hòa nhập vào làm một với cái bờ bến lạ xa. Và không ngớt mơ ước về những chân trời lạ ở đó có nhiều thung lũng ngợp hoa cũng như nhiều vườn trái độc.

Dầu thối, anh vẫn là một người có quê hương là Hà Nội. Nơi anh đã chào đời tại một phố buồn rầu nào đó, cất lia cuống rún chôn vùi ở một nắm đất nào nơi phố cũ. Nơi thời tiết heo may mưa phùn gió bắc, nắng hạ nồng nàn rữ rượi, phố xuân lá cỏ đâm chồi đã nuôi nấng anh qua một mùa. Đến mùa thu thứ hai, già từ Hà Nội.

Bao nhiêu bóng cây xanh thành phố, hồ nước long lanh ngàn nhũ, ba mươi sáu phố phường biền biệt, những người buồn rầu ở lại; hết thấy lần lượt khép lại, bỏ rớt rơi phía sau chuyến tàu bụi ngùi. Chị Kim, không ngớt nói về tiếng còi tàu nghe rờn rợn trên da, khi nghe đứng trên boong tàu lạnh cả người. Nước mắt ứa ra trông về phố phường nhà cửa cây cối đường xá dần dần xa tầm mắt, những bàn tay vẫy chào, khăn tay trắng xóa. Tiếng nước róc rách buồn bã cùng tiếng máy xịch tiếng còi tàu hú dài chia cách.

Em bây giờ có còn mơ về Hà Nội? Và em đã phiêu dạt đến phương nào đến vùng đất lạ xa nào, chân trời mới nào nhìn ngấm mà liên tưởng Hà Nội qua lời kể ngô nghê của anh. Nhìn màu hoa tím nhạt có còn nhớ lời hứa ngày nào hay bây giờ đã có gia đình êm ấm. Em vui vầy với hạnh phúc vĩnh viễn không có anh, không có chuyến về nào nữa. Con gái mau lớn hơn con trai, bây giờ em mười chín hai mươi có thể quẳng bỏ áo dài trắng đầu mắt, có thể vẫn còn ríu rít học hành và có thể đã khoác lên người áo gấm dịu dàng. Anh phiêu linh lộn độn, ít phân tích tính cảm mình, mang tình cảm vung vãi mọi nơi để giờ đây một mình một bóng. Đã lỡ hẹn chuyến đi, đã thất hứa nhiều lần để rồi ngậm nga «tóc mai sợi vấn sợi dài, lấy nhau chẳng đáng thương hoài ngàn năm». Chúng ta đã không niu áo nhau cũng như không được nắm tay nhau hoài hoài. Hãy cho anh những chờ đợi, giận hờn, niềm vui nhỏ trong đời sống buồn này; đừng đòi hỏi ở anh những lời xác nhận, rằng buộc với nhau bởi chúng ta còn quá đại khờ để có thể tiến tới một cái gì thuộc về pháp lý.

Hôm nọ thời tiết ở thành phố ồn ào này bỗng dưng thay đổi đột ngột. Sau mùa xuân một cơn mưa nhỏ đến vào buổi sáng, mưa nhẹ bằng như sương sa, dịu dàng tằm ướt lá cây. Không khí mát dịu dịu, thứ mưa ngoài đó có vào mùa xuân. Bố mẹ ngùi ngùi tưởng tiếc, chị Kim đòi mẹ nấu bún ăn với cà cuống. Suốt ngày hôm đó bố mẹ buồn buồn làm sao, bữa ăn mẹ nhắc hỏi khi nào được về, ngưng chiến rồi đó. Ngày hôm đó anh nhận được gói củ sắn của chị bạn người Nam gửi cho với mẫu giấy: Hôm nay trời vào thu? Có nhớ Hà Nội không N? Anh cười cười, biết gì mà nhớ. Bất hạnh. Ừ, bất hạnh cho kẻ đánh mất quê cũ, không còn một nơi trở về sau con đường ruối dong lộn độn.

Một thành phố khép lại đời sống Hà Nội. Mười mấy năm qua.

Em, đứa con gái bạn nhỏ từ lúc hai đứa còn ở tiểu học, chơi trò bán hàng, trò cô đầu chú rề. Em, một người miền Nam hoàn toàn từ cha mẹ ông bà đã nhiều đời trôi qua, như một cây mọc rễ chẳng chịt bám chặt mảnh đất thân yêu. Từ nhiều năm. Từ nhiều thế kỷ. Cuộc Nam tiến của tổ tiên, dần dà có một giọng nói đặc biệt. Anh, với hãnh diện là người Hà Nội, người Bắc, địa danh quá xa lạ đối với em trẻ thơ, đã lên giọng kể cả kể cho em nghe về Hà Nội. Về miền Bắc xa xôi mà thật ra anh chỉ lơ mơ. Anh nhớ đã ca tụng hết lời về Hà Nội; rằng ngoài đó đẹp ghê lắm, sống ngoài đó vui lắm. Có nhãn ăn no cả bụng, ăn kem kẹo dừa lạnh mát trong lưỡi. Em bạn nhỏ mở mắt ngơ ngác nhìn thân phục. Anh tiếp tục ba hoa những gì em chưa biết mà anh biết qua lời kể lại do bố mẹ. Hai đứa ngồi trong mảnh vườn cạnh giàn mồng tơi, anh chỉ em giậu bìm bìm bò trên đồng gạch và kể về giậu bìm bìm ngoài đó.

Hoa bìm bìm nở vào buổi sáng. Hoa đại nên thật là nhiều, nở rục rở nhìn thấy toàn một màu tím nhàn nhạt mà ngan ngát mênh mông tâm hồn. Thị trấn có rất nhiều bìm bìm lan tràn ở những nơi hoang vắng.

Em thuở xưa tóc cột đuôi gà, nắn nỉ đòi anh dắt theo về Hà Nội một mai có trở về. Anh làm cao làm bộ không chịu để em nắn nỉ mãi, bằng lòng.

Em ngày thơ đòi niu áo theo về thăm Hà Nội, như đã niu áo anh rình rập bắt chuồn chuồn, niu áo chơi trò thiên đàng địa ngục. Em đòi về Hà Nội, Hưng Yên ăn nhãn lồng ngọt ngất ngây và anh cũng rất hy vọng, rất tin tưởng có ngày trở về với em. Em bé Đồng Nai thuở nhỏ.

Ừ, thì em về nhé. Anh mơ ước đôi ta vợ chồng dắt em về xem thu Hà Nội, lụa là khăn cưới hai đứa cùng về bằng chuyến tàu hỏa đến quê hương vào sáng tinh mơ, nhìn bím bím nở trụng búng.

Và một người thơ người Bắc còn giữ giọng nói dễ yêu, Th. có mong ngày về? Miền Nam được xem là quê hương thứ hai, Th. mong được biết đến vùng sâu riêng chôm chôm, nhưng tận cùng trong tâm thức vẫn hoài mơ nơi đầu tiên mắt nhìn cảnh vật thân mến. Dù sao đi nữa, như một người viết đã nói, quê hương buộc sợi chỉ vào chân ta, sợi chỉ mong manh như tơ trời nhưng ràng buộc không bao giờ đứt rời. Một bài tập đọc trong Quốc văn Giáo khoa thư, kể đi xa nhiều bờ bãi lạ vui buồn đã nói không đâu đẹp bằng quê hương. Đúng thế. Những người lần lượt rời bỏ phố quê hương đều mơ về như lá rụng về nguồn cội, chim chóc bay lũ lượt về vào mùa, như mọi nhánh sông đều đổ ra biển sau quãng đường ngược xuôi các vùng đất lạ.

Sau ngày ngưng tiếng súng, trên các mặt báo xuất hiện hình ảnh về Hà Nội. Ngày xưa và bây giờ. So sánh. Được dịp nhìn kỹ thành phố vào thời kỳ đẹp nhất, hồ Hoàn Kiếm mệnh mang chung quanh con đường cây xanh, êm đềm, các ngôi nhà bình lặng. Phố xá mát mẻ đầy rẫy các cặp nhân tình diu nhau vào thuở lãng mạn vàng son. Và nghe nói, bằng nỗi buồn rầu, ngày nay chỉ còn những chiếc xe buýt đậu âm thầm bên vệ đường gốc cây xơ xác.

Em con gái đa sầu, chắc rằng em cũng mơ chuyến tàu hỏa đi thẳng từ đây về Hà Nội. Ghé qua các ga địa phương, nhìn những nhà ga rêu mốc bưng bưng thức giấc, hoạt động. Những nhà ga nhỏ thôi nỗi buồn. Gặp gỡ lại con tàu, đường sắt nằm ngủ mười mấy năm thôi chẳng còn tương tư. Ghé ga Tháp Chàm, ga Lăng Cô, ga nhỏ ga lớn buồn vui thăm từng địa phương trong đất nước. Bây giờ các đường rầy đã tái thiết lại, tiếng máy chạy, tiếng nói chào vui làm sao. Ở thành phố này anh có thể đi lên một tỉnh lỵ gần đó, ba mươi cây số xe lửa không đủ thỏa niềm mơ. Phải một chuyến về xa hơn, đi mấy ngày trời, chiều về ngồi hút thuốc đốt khói như đốt ngăn niềm mong đợi. Ơi, em yêu có cùng về với anh?

Về, nhìn lại giậu bím bím, chắc giờ đã xiêu vẹo quá sức hay là không còn nữa. Chẳng biết. Và ngôi nhà ba gian sừng sững vững chãi liệu có còn? Ông ngoại, ông bà nội ra sao nhỉ? Không rõ. Những tấm bru thiếp gởi về địa chỉ chú Bằng ở Hàng Điều, từ lâu lắm không còn liên lạc, chẳng thể nào biết được tin tức gì. Hoàn toàn. Quê hương khép kín bưng bít cơ hồ nhìn qua một lớp sương dày đặc chẳng bao giờ soi rõ mắt nhìn. Về hân hoan. Về rạo rờ môi cười. Sẽ gầy lại giậu bím bím. Cát lại ngôi nhà hương hỏa. Sẽ bồi hồi trùng trùng gặp lại, nhớ hết to lên mừng rỡ, hay những giọt lệ hoan hỉ nghe nhỏ.

DUY NGUYỄN
(Saigon 3-73)



CHUYỆN MỘT CÔ BÉ TÊN HÀ NỘI

nguyễn thiếu nhãn

«... Tôi bước và quán, gọi một tô phở, vừa ngồi ăn vừa đọc báo ra chiều thích thú. Ớt cay làm tôi xuyết xoa. Cô bé ngồi sau quầy hàng ngược đôi mắt đen to nhìn lên. Cô bé có nhớ gì về những ngày thơ ấu nơi căn gác phố hàng Bông, nhớ gì những mưa phùn đất Bắc. Có phải ai cũng có một ấu thơ êm đềm trong một ngôi nhà êm ấm với tiếng võng đưa lời mẹ ru ngọt ngào. Sao tôi không có?...»

Trong những trang bản thảo của cái truyện ngắn viết dở dang lúc còn lang thang ở Saigon (có phải suốt đời tôi chỉ là một kẻ lang thang? Nếu lang tử chưa có một ngày trở về? «Ở Saigon uống coca cola hoài cũng còn khát, hãy trở về uống lại nước sông quê nhà một lần» với tôi mãi mãi vẫn là một điều khó hiểu. Kẻ lang tử đã trở về nhưng sa mạc vẫn ngàn đời chiếu nắng và ốc đảo đã chẳng còn giọt nước nào) khoảng năm ấy, đâu có đoạn như trên. Cái truyện ngắn này, đã qua bao nhiêu nơi trú ngụ: gác trọ, khách sạn, Cần Thơ, Saigon, trại lính. Và bây giờ lại đang nằm trong một ngăn kéo của một cái bàn ở một trại lính cách xa Saigon khoảng năm, sáu cây số. Với tôi, đó là cái còn lại, sau khi cái truyện được luôn luôn mang theo bên mình cho tới bây giờ cũng vẫn còn dở dang: một dự định không bao giờ được thực hiện, một thai nhi đã chết ngay từ trong trứng nước. Có phải những ước muốn, những dự định nào rồi ra cũng tan biến như tuyết giá trước ngọn tây phong?

Có một điều đã làm tôi ngạc nhiên không tìm được nguyên do là tại sao tôi lại đi viết về cô gái có đôi mắt đen to, về những ngày thần thánh của cô bé nơi căn gác phố hàng Bông một trong trăm sáu phố của Hà Nội. Sao không viết về cô gái Huế học trường Đồng Khánh, áo lụa tóc thề che nghiêng chiếc

nón bài thơ qua cầu Trường Tiền vào những chiều tan học. Sao không viết về cô nữ sinh Saigon với cặp me chua, ôi xá lị đựng trong ngăn cặp, với những ly đậu đỏ bánh lọt ngọt ngào môi đỏ lạnh lạnh chân rắng trong giờ ra chơi, với quần áo thời trang, với xe gắn máy Nhật Bản vượt qua ngã tư đèn xanh đèn đỏ trong giờ tan học. Sao không viết về Huế với những cơn mưa dầm dề khi mùa trở lại. Sao không viết về những cơn mưa đột nhiên của miền Nam mưa nắng hai mùa.

Sao tôi lại đi viết về Hà Nội với những cơn mưa phùn trong những bước chập chững, trong vở cánh thư nhất đề bay về trời giông bão đó?

Chiều nào cũng như chiều nào (dĩ nhiên là trừ những ngày chúa nhật và những ngày lễ học trò không đi học) cứ vào khoảng sáu giờ mười lăm hoặc sáu giờ hai mươi phút trên con đường dẫn vào trại-bông-quỳnh (cái tên tôi đặt cho trại lính mà tôi đang làm việc, trại lính cách Saigon khoảng năm, sáu cây số. Cái trại lính mà vừa trải qua chín tháng quân trường Thủ Đức và ba tháng ở một quân trường khác tôi đã được đưa về đây để làm chim thành phố, nói theo cách nói của một thi sĩ. Để được ngày hai buổi đến sở làm nhìn hoài những chồng hồ sơ cao ngất, nghe hoài những tiếng rói buồn bã của những trái bã đậu khô trồng quanh trại lính. Sao trại lính nào cũng trồng toàn ba thứ cây buồn bã ấy nhỉ?) mọi người đều nhìn thấy hai cô bé chở nhau trên chiếc xe gắn máy Nhật Bản hiệu Honda PC 50 màu xanh trắng chạy ngang qua. Tôi dám đoán chắc với mọi người cô bé ngồi sau xe là Hà Nội. Họa hoằn lắm tôi mới thấy cô bé ngồi cầm ghi đông xe. Sau này cô bé có cho tôi biết là cô bé chỉ thích được ngồi ở phía sau để người khác chở mình đi. Hà Nội năm nay vừa mười tám tuổi, học lớp mười hai ở một trường Trung Học. Tôi vẫn trêu cô bé hoài về cái phù hiệu lon bia Mỹ của cô bé (lý do là trường học cô bé có cái phù hiệu chiếc lá đỏ giông giống với cái nhãn hiệu lon bia Mỹ). Cô bé tức giận tôi vì chuyện này ghê lắm. Và cô bé nhất định bảo chữa cho cái phù hiệu của trường mình tới cùng: «Bác là vua... chề, cái phù hiệu đẹp làm vậy mà bác dám nói là lon bia Mỹ? Bác mà gặp Cha Hiệu Trưởng là Cha sẽ rầy bác ghê lắm đó». Những lời hăm dọa không ăn thua gì đến tôi, bởi vì tôi đâu có gặp Cha Hiệu Trưởng mà làm gì. Và tôi vẫn tiếp tục trêu cô bé về cái phù hiệu của nhà trường. Mãi cho đến một hôm tôi đành phải hứa là không dám ghẹo cô bé về cái phù hiệu nữa khi cô bé nhất định «suyt» tôi ra, không thêm nói năng, nhìn ngó gì đến tôi suốt một tháng trời. Cô bé bắt buộc tôi là không được gọi cái phù hiệu là phù hiệu lon bia nữa cô bé mới cho tôi làm quen trở lại. Dĩ nhiên là tôi bằng lòng liền tuyệt suýt. Sở dĩ tôi biết rõ cô bé Hà Nội năm nay mười tám tuổi là vì tôi là bạn vong niên của ông thân sinh của cô bé. Người bạn vong niên sinh trưởng tại Hà Nội đã giả từ Hà Nội vào ngày đất nước chia đôi năm 1954 đó đã biểu lộ lòng nhớ thương Hà Nội của mình bằng cách đặt ngay cho đứa con gái đầu lòng cái tên Hà Nội.

Lúc tôi mới quen với người bạn, cô bé Hà Nội mới vừa được 15 tuổi. Buổi chiều hôm đó cô bé vừa đi học về, cô bé đã lúng túng ngượng ngập lúc ra cúi đầu chào tôi, miệng lí nhí: «Bác ạ».

Sau này lúc quen nhau tôi có hỏi cô bé Hà Nội tại sao không gọi tôi bằng «chú» mà lại «bác ạ», cô bé mỉm cười nói đó là tại vì thói quen của người Bắc, khi chào hỏi một người nào đó cũng đều «bác ạ».

Cô bé còn nhìn tôi cười cười:

— Bây giờ thì «bác ạ» cũng còn có nghĩa là... «anh ạ».

Tôi ngạc nhiên quá đôi khi nghe cô bé nói. Tôi nhìn mặt nhíu mày:

— Ghê nhỉ, bây giờ người ta đã dám gọi tôi bằng anh, ghê nhỉ.

Cô bé chịu người trên một chân, xoay người đi một vòng:

— Hà Nội đã mười tám tuổi rồi chứ bộ.

Sau này, khi quen nhau, cô bé vẫn đem nói với tôi cái ước muốn được trở về thăm Hà Thành, về thăm nơi mà một người cha đã nặng tình đến nỗi mang ra mà đặt tên cho con mình. Cô bé đã hỏi tôi, nghe nói Hà Nội đẹp lắm phải không, nghe ba nói Hà Nội đẹp lắm, nào là Hồ Gươm với đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc. Hà Nội với ông tàu già bán lạc rang, với những trái sầu rụng đầy đường vào những năm ba còn là một cậu học trò. Và thôi thì đủ thứ chuyện về Hà Nội. Và sau mỗi lần nói về Hà Nội cô bé vẫn kết luận bằng câu: vẫn mong được về Hà Nội để ăn món... chè trân châu lát-sê vào những buổi hè oi ực rất ư là tuyệt cú mèo theo như lời mô tả của Ba.

Tôi cũng có đem nói với cô bé về những dòng chữ định mệnh thành phố Hà Nội trong một cái truyện mà tôi viết dở dang từ nhiều năm nay. Khi nghe tôi nói cô bé đã reo lên:

— Đó thấy chưa, tôi đã nói Hà Nội là... nhất mà.

Tôi như vui lây với nỗi hân hoan của Hà Nội.

Từ trên phi cơ nhìn xuống, thành phố tổ chố những dấu bom như một tổ ong. Phi trường Gia Lâm có vẻ tiêu điều. Chiếc xe nhà binh đưa chúng tôi chạy nhanh qua cầu Long Biên. Công cuộc sửa chữa chiếc cầu đã được hoàn tất từ tuần trước lễ khánh thành đang được cử hành khi chúng tôi đi ngang qua đó. Trời đang mưa lúc chúng tôi qua cầu. Tôi nhìn lại thành phố Hà Nội sau 19 năm xa cách. Hà Nội không còn tấp nập bầm sáu phố phường như ngày xưa nữa. Tất cả chỉ là những cửa hàng của công ty mậu dịch quốc doanh không thấy người mua bán. Thật đã hết. Đã không còn hình ảnh của Hà Nội mà tôi đã mang theo trong lòng cách đây 19 năm. Nếu biết Hà Nội đã thay đổi... khủng khiếp như vậy tôi đã không tìm cách trở về trong chuyến đi đó.»

Giọng nói của người bạn vong niên như chùng hẫng xuống, tôi nhìn thấy khuôn mặt của anh tối sầm lại.

Tôi bỗng buồn lây với cái buồn của người bạn.

Cô bé Hà Nội vừa đi đâu về, chưa kịp dựng chiếc xe cô bé đã la chơi chói lúc nhìn thấy tôi:

— Hứa với người ta đi coi «Long hồ quần anh hội» mà bây giờ mới tới phải không? Trễ hẹn như vậy đó phải không?

Tôi đưa tay, cười với cô bé và nói với người bạn:

— Hà Nội trong mộng tưởng đã mất nhưng dù sao anh cũng còn có... Hà Nội.

Tôi nhìn thấy gương mặt của người bạn giống như khuôn mặt của tài tử Anthony Quinn trong phim «Giờ thứ hăm lăm».

NGUYỄN THIẾU NHẪN

(tiếp theo trang 20)

trung bình. Hai chiếc que cao su gạt nước ngoài cửa kính đều đặn bị che mờ và gạt sạch. Chúng tôi chạy thẳng qua cổng Viên, rẽ trái và ngừng ở gần khu cư xá nữ. Xuyên đã đợi chúng tôi ở hành lang phòng khách nên khi Thư vừa bước ra tôi đã nhìn thấy nàng tươi cười dơ tay chào Xuyên mặc một bộ đồ quần áo thật đẹp.

— Thung lũng đẹp quá anh. Châu nói với tôi. Tôi nắm chặt tay Châu, gật đầu. Chúng tôi là bạn bè và tình nhân hôm nay dự vào một cuộc pique-nique thân thiết. Tôi mở cửa cho Châu xuống đón Xuyên. Tôi mê man với cảnh những cây hoa đứng im lặng trong sương mù. Thành phố bên kia bây giờ tràn tặc quá, chỉ còn ở đây, tôi đã nói như thế với Châu. Tôi còn lòng ước mong của mình có một căn nhà tại khu đồi này. Thư cũng ao ước như tôi.

Xuyên chào tôi. Châu và Xuyên nắm lấy tay nhau. Tình bạn của chúng tôi thật thân thiết. Thư quay đầu xe. Rời Viện Đại Học chúng tôi ghé một quán điếm tâm bên phố. Những tô phở Bắc lại là một dịp để nói về miền quê hương cũ của Thư và tôi. Châu giải thích cho Xuyên, kể lại với Xuyên những điều chúng tôi — Thư, Châu và tôi — đã nói với nhau trước khi gặp Xuyên. Xuyên cười cười :

— Châu biết rồi mà : Hồi đầu chỉ vì mình ưng cái giọng nói của anh Thư. Thành thử..

Xuyên liếc Thư. Hai người cười với nhau. Xuyên nói tiếp :

— Đến bây giờ mà Xuyên vẫn còn thích nghe anh Thư kể về Hà Nội. Xuyên có cảm tưởng như ngày xưa được nghe chuyện cổ tích...

— Xuyên đã đọc quyển sách anh Thư sắp cho in chưa ?

— Xuyên bằng lòng lắm.

Tôi gạt đầu một mình. Quyền sách của Thư chắc sẽ được đón nhận bằng những tình cảm đẹp nhất. Châu hỏi tôi :

— Anh gạt đầu gì một mình vậy ?

— Anh đồng ý với Xuyên về cuốn sách của anh Thư.

— Như vậy chỉ có là thiệt thòi, em chưa biết gì về Hà Nội, lại chưa được đọc cuốn sách của anh Thư.

Thư cười :

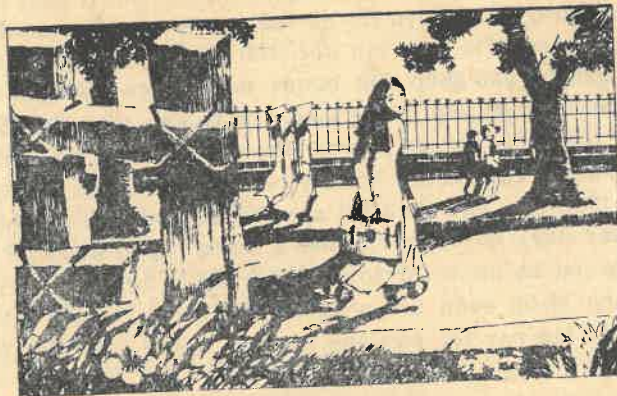
— Châu sẽ có một bản đặc biệt mà.

Lúc chúng tôi ra khỏi quán, câu chuyện về Hà Nội vẫn còn được nói tới bởi hai thiếu nữ sinh trưởng tại cái thành phố dốc đồi và sương mù này.

Tôi không ngờ chỉ vì giọng Hà Nội A.N. hát một bài ca viết về Hà Nội mà câu chuyện đã kéo dài từ hồi sáng sớm cho đến lúc này. Chỉ cần một cơ hội bất chợt nào đó là Hà Nội tưởng như những đám tro than lại rực cháy trong trí nhớ.

Tôi nghĩ thế nào tôi cũng phải đưa Châu về thành phố ấy khi chúng tôi có được cơ hội. Không biết đến bao giờ nhưng chúng tôi còn mãi mãi hi vọng.

NGUYỄN MAI



PHẠM NHỤY NHƯỢNG

Bây giờ trời đã vào mùa mưa, tháng sáu, mùa thu đã kề sát bên cửa sổ, âm hưởng của những cơn mưa phùn, đi qua thành phố. Ngọn đèn vàng ở bên kia đường đã cháy bóng vì không có đĩa che, cũng như mặt trời, đã cháy bóng trong suốt cả mùa hè, tờ lịch đã rơi lăm lăm, thời gian chắc đã mòn dây thêu rồi.

Nhưng thời gian không có lăm lăm mùa thu và mùa xuân, mùa thu, mưa phùn bay qua.

Những thoáng mưa phùn bây giờ đang rơi trong thành phố. Đóng cửa và nhắm mắt, tôi cũng vẫn tưởng tượng được tiếng mưa, mưa rơi trong vườn nhẹ tênh, hư không; nhưng mưa trong thời quá khứ thì không nhẹ nhàng như hoa rụng trong sân, nhất là quá khứ hải hùng, mặc dù đã hai mươi mấy năm, chiêm bao mộng mị, và thực, vẫn còn ở ngoài giấc mơ. Đừng bảo sao phải giải thích rõ ràng : Quá khứ đôi khi còn gọi là giấc mộng, và giấc mộng nào cũng là quá khứ của hôm sau.

Tôi phải biết nói làm sao hơn, hai mươi mấy mùa trăng đã qua đời. Bây giờ đã già, còn gì ngượng nghịu, bên kia đất nước, bên kia thế giới, có ai còn nhớ ai không, phong lưu thảo rạn nhiều hay ít ?

Tháng sáu mùa mưa phùn, nhưng tháng tám lại là mùa trăng. Mùa trăng ở Hà Nội ngày đó, chưa có ánh điện nê-ông sáng choang, chưa có giấy điện giăng ngang dọc, chưa có tiếng đại bác đêm ngày.

Ngày đó, đèn dầu không hề tranh ánh sáng trăng, ban đêm, rằm tháng tám, kéo nhau ra ngoài giếng khơi, múc nước (hay múc trăng) lên tắm. Cái thú tắm như thế này : Tắm xong cả bọn kéo nhau đến mấy gốc cây, mình vẫn đề trần truồng, nằm phơi trăng, nỏ giỡn tới khuya, ra tắm lần nữa rồi mới về.

Và cũng như bao bạn khác, đêm trăng nằm đó, mặc dù đã mười chín tuổi, tôi vẫn rủ mấy ông anh họ và bạn cùng xóm ra ngoài giếng khơi.

Chúng tôi vẫn như bao bạn khác, cởi trần trường ra đùa giỡn, chia phe đánh giặc.

Đến độ chừng nửa khuya thì đã thấm mệt, nằm lăn ra đất phơi trần, chúng tôi nói xàm, đếm sao, tán dóc. Mỗi một chốc thì chúng tôi bàn về chuyện trai gái, họ gán ghép mỗi người mỗi cô, có anh giỡn quá gán cho bạn một người con gái xấu trong làng, thế là anh này cãi. Cãi qua cãi lại, cuộc vui lại thêm hào hứng. Nhưng đâu đến khoảng một hai giờ thì trời sương, mấy anh đổ nhau ai trở lại tắm (vì thường thì đến khuya lúc có sương là nước rét lắm, hơn nữa theo lời xưa thì hay có ma quỷ hiện lên ghẹo người vào lúc này). Mấy anh cãi nhau, chạm tự ái nhau để chọc. Có anh làm bộ bước hai ba bước thì lo chạy trở lại le lười cười cười. Mỗi một chập tôi cũng bị lôi cuốn vào vòng chơi. Tôi đồng ý trở lại tắm. Thế là tôi đi. Mặc dù lâu nay tôi có tiếng bạo gan, nhưng tôi vẫn thấy ngái ngái sao ấy, như ai nhét gió sương khuya vào lòng.

Lần thứ nhất bỏ gàu xuống giếng, tôi chỉ nghe tiếng gàu lạt xạt trên đá, trăng thu dưới sương trắng lạnh như mặt sông. Lần thứ nhì lại bỏ gàu xuống, chỉ nghe lá rơi nhẹ như gió thoảng. Lần thứ ba, thứ tư vẫn chẳng sao, tôi đã hết lo ngại, muốn quay lại chọc quê mấy anh bạn, nhưng đúng lúc đó...

Khi tôi thả gàu xuống giếng, thì chợt nghe tiếng chân ai bước nhẹ, nhẹ lắm, đến nỗi tôi cũng sợ lắm với tiếng lá, nhưng liền sau đó có tiếng thở dài lẫn trong câu nói.

— Phong lũ thảo rụng nhiều hay ít.

Tiếng nói cho tôi nhận ra là của người con gái. Nhưng nàng là ma hay người hay thánh? Tiếng nói của nàng lại vang lên lần nữa.

— Cỏ đã úa rồi, một kiếp sao chóng thế nhỉ — ngừng giây lát — Có lẽ mai sẽ đến ta, thời gian ơi!

Trời đất, nàng là giống cỏ, mà cỏ nói được, nàng là ma, ma cỏ. Ma Phong Lũ Thảo.

Tôi nghe tiếng gió thổi dưới đất, tôi nghe tiếng nói nàng xào xạc bên tai tôi, nghe tiếng hoa rụng, hoa phong lũ thảo? Thiếu nữ ma cỏ?

Không, nàng không là ma, nàng chỉ là cỏ. Hôm sau tôi cố tình gặp cô, nàng mỏng manh như bóng sương.

Nàng bảo tôi:

— Phong lũ thảo rụng nhiều hay ít?

Tôi lặng yên không đáp, chỉ nhìn nàng. Nàng nói bằng quơ:

— Phong lũ thảo chỉ sống trong mùa trăng và gió.

— Sao cô biết?

— Cỏ sẽ chết hết, màu vàng sẽ tràn ngập cánh đồng hôm nay và ngày mai, anh ạ.

Tôi cố gắng tìm một câu nói cho hợp cảnh hợp tình nhưng không có, tôi chửi tôi.

Nàng hỏi tiếp:

— Anh có sợ ma không nhỉ?

— Không, nhất là như đêm nay.

— Nếu như...

— Cô còn sống trong cuộc đời, nếu cô cứ «nếu như» thì cô sẽ bị nó sát.

hại.

— Nhưng tôi là ma, là người chết.

Tôi hơi giật mình:

— Cô là ma.

Nàng cười:

— Vâng, tôi là ma.

— Không, cô chỉ dọa, tôi biết.

— Anh không tin?

— Tin sao được, cô dễ thương quá kia mà.

Nàng lúng túng thấy rõ. Tôi hỏi:

— Bộ không đúng à?

— Không, bộ anh tưởng người chết không đẹp à, bộ anh không biết hồng nhan bạc mệnh à? Người đẹp mau chết yểu lắm.

— Tôi không tin.

— Anh không tin, rồi cũng tin, bởi vì ngày mai, tôi sẽ chết, tôi sẽ theo đám Phong Lũ Thảo, sẽ theo đám cỏ, theo bóng chiều bay qua đời ngoài đồng.

— Cô đùa dai quá.

— Thật mà.

— Nhưng...

— Và nếu như...

Nàng ranh mãnh, tôi ngấm nàng say sưa.

— Tên cô là gì?

— Sợ cỏ ngoài đồng.

— Cỏ lạc loài?

— Vâng!

— Cỏ ma hay người?

— Cỏ ma và cỏ sắp chết nữa.

— Ma chết thành gì?

— Thành quỷ, anh sợ chưa.

— Nhưng ngày mai cô mới là quỷ, còn ma, còn dễ thương lắm, nếu ai hỏi tôi, tôi sẽ đáp như thế.

— Nhưng thành quỷ thì còn xấu xí hơn nữa kia, mắt ốc nhồi, tóc đỏ, răng nanh, và chuyên đi...

— Ăn cỏ?

Nàng cúi đầu:

— Vâng ăn cỏ.

— Quỷ mà ăn cỏ thì quỷ hiền như cỏ, có gì đâu mà sợ.

— Nhưng quỷ xấu xí lắm.

— Tôi sẽ mang theo bình nước suối, tưới vào thì quỷ sẽ đẹp trở lại.

Nàng im thoi không nói nữa, tôi nhìn nàng dò xét. Nàng đẹp thật lạ kỳ, tôi không biết phải diễn tả ra sao. Phong lũ thảo rụng nhiều nay ít? Chắc nó đẹp như nàng.

Sau đêm hôm đó, tôi mấy lần tìm nàng nhưng chỉ nghe tiếng bước chân bơ vơ lạc lõng quanh mình, và xào xạc lời phong lữ thảo rụng nhiều hay ít. Phong lữ thảo chắc như môi nàng.

Từ đó, đêm đêm, tôi hay vào rừng, bên giếng khơi để tìm nàng, tìm hoa phong lữ thảo, tìm cỏ ngoài đồng lạc loài.

Mãi đến hôm gần đôi và Nam, bố tôi mới để ý đến tôi, ông ngạc nhiên:

— Nhưng, sao bây giờ con vàng vồ thế.

Bỗng nhiên tôi thốt:

— Phong lữ thảo rụng nhiều hay ít?

Bố tôi ngạc nhiên, mẹ tôi khóc than.

— Giời ôi, chắc nó bị ma ám rồi, tôi biết mà, đã bảo đừng ra ngoài giếng khơi...

Tôi không nghe hết câu nói, tôi úp mặt vào gối, tai tôi nổ lùng bùng, ma cỏ, quỷ cỏ, anh yêu em, anh thương em, con ma mộng ời.

Mấy ngày nằm trên giường bệnh, tôi chợt hiểu câu nói của nàng. Sợi cỏ phiêu bạt như làn gió đã rụng nhiều quá, đầy hồn tôi.

Bây giờ đã hai mươi mấy năm qua, rừng xưa đã khép, Hà Nội và miền Nam đã xa nhau cách nhau đôi bờ, đêm đêm nhìn sông nước Tiền Giang, tôi vẫn ngỡ là sông Đáy của Quang Dũng.

Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ

Thoáng hiện em về trong đáy cốc

Nói cười như chuyện một đêm mơ.

Vâng, câu chuyện một đêm mơ, mơ cả một đời người.

Em đi áo mỏng buông hồn tũ.

Em có bao giờ nhớ ai, bên này và bên kia, ma mộng của anh ời, cuộc đời của chúng ta, cuộc tình của chúng ta, bắt đầu ở mùa trăng, trăng bây giờ đã hết mùa rồi...

Và bây giờ, trăng đã thôi đẹp, trăng bị vướng mắc trong dây điện đường, trăng đã bị bóng đèn nê-ông đè bẹp, trăng đã mất hết thời xa xưa, như tôi đã mất hết cơn mộng, dù là cơn mộng dữ. Có phải nỗi sợ, cái đau là thứ giờ riêng của đời người.

Thương nhớ ơ hồ thương nhớ ai.

Mùa mưa phùn đã ngưng rồi.

Nhưng thời gian không có lầm lộn mùa thu và mùa xuân, mùa thu mưa phùn bay qua.

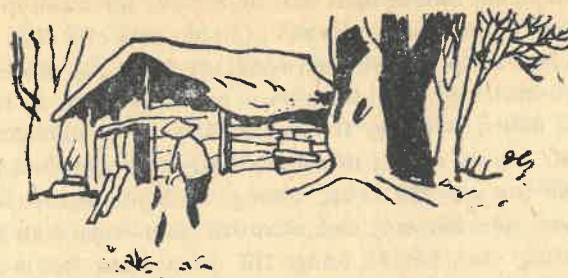
Những thoáng mưa phùn bây giờ đang rơi trong thành phố. Đóng cửa và nhắm mắt, tôi cũng vẫn tưởng tượng được tiếng mưa, mưa rơi trong vườn nhẹ tênh, hư không; nhưng mưa trong thời quá khứ thì không nhẹ nhàng như hoa rụng trong sân, nhất là quá khứ hải hùng, mặc dù đã hai mươi mấy năm, chiêm bao, mộng mị và thực vẫn còn ở ngoài giấc mơ. Đừng bảo sao phải giải thích rõ ràng. Quá khứ đôi khi còn gọi là giấc mộng, và giấc mộng nào cũng là quá khứ của hôm sau.

— Hoa Phong Lữ Thảo rụng nhiều hay ít nhỉ?

— Hoa đã rụng đầy cả hồn tôi...

PHẠM NGUYỄN NHƯỠNG

TRẦN LÊ



TUỞNG TIẾC MỘT THỜI

Năm 1940, tôi vừa được hai mươi tuổi. Vì hoàn cảnh gia đình, tôi phải thôi học và kiếm việc làm. Lần đầu tiên trong đời, đi làm, làm sao tôi quên được.

Tôi còn nhớ, hôm đó, ông chú họ tôi ở Hải Phòng về Hải Dương thưa với gia đình tôi, cho tôi được đi làm với ông. Nơi sở ông làm công việc bề bộn, ông đang cần một người thân tín để giúp ông trong nhiệm vụ khá nặng nề. Thế nên tôi được theo ông. Và đó là lần đi làm đầu tiên trong đời tôi.

Chú tôi còn trẻ lắm, khoảng gần ba mươi, thông cảm cho tuổi mới lớn của tôi, lại sẵn nét hào phóng, nên ngay lúc chân ướt chân ráo, ông đã cho tôi được hưởng những giờ phút sung sướng khó quên.

Tới Hải Phòng trời đã xế chiều, hai chú cháu tới nhà một người bạn thì đã có thêm vài ông bạn nữa đang đợi. Tắm rửa giải lao xong, tất cả kéo nhau đi. Nhớ lại năm nào khi được 17 tuổi, tôi đương sống với ba tôi ở Đáp Cầu, những đêm mà anh tôi và các bạn kéo nhau sang hát ở xóm cô đầu Nam Ngạn, bắt tôi đi theo và ghép tôi các cô em bé tí teo, và các anh tôi gọi chúng tôi là cặp chanh cốm. Tôi đã thẹn thùng ngượng chín người trong những đêm đó. Nhưng cũng nhờ vậy, mà đêm nay, ở hơi Hải Phòng nào nhiệt này, tôi đã dạn dĩ hưởng ứng.

Sáng hôm sau, chú cháu tôi và mấy ông bạn của chú ra bến tàu «Tây Cao» để đi Hongay; và cũng từ sáng hôm đó một chân trời mới đã mở ra trước mắt tôi. Thật thế, từ nhỏ tới lớn, tôi chỉ sống loanh quanh trong tỉnh Hải Dương bé nhỏ của tôi, thẳng hoặc đôi khi được theo ông nội hay cô bác tôi đi chơi Hà Nội hay Hải Phòng, thì những cảnh nhộn nhịp, những ánh đèn màu, những đường phố lớn, nhà cửa đồ sộ, đã làm tôi chóa mắt ngộp thở, không cho tôi có dịp nhận xét thêm nữa. Hôm nay, tôi mới đủ bình tĩnh để quan sát cái chân trời mới đang mở rộng trước mắt tôi. Tàu chạy tới gần Hongay những cảnh trải ra trước mắt càng làm tôi ngạc nhiên đến độ ngẩn ngơ. Người ngoại quốc đi đã nhiều, vậy mà khi đến vịnh Hạ Long, họ còn trầm trồ chắc lưỡi trước cảnh đẹp như tranh vẽ đó; huống chi là tôi, một cậu bé ở một tỉnh nhỏ, có đi xa lắm thì cũng chỉ đến cầu Phú Lương của tỉnh Hải Dương. Thật thế, trước cảnh đẹp, nhiều khi đứng ngẩn người ngắm cảnh, tôi đã quên cả trả lời chú tôi khi người hỏi. Cả cho tới khi đến Hongay, đứng

trước nhà bưu điện, ngắm cảnh núi non nhấp nhô trước mặt, nghe sóng vỗ rì rào vào chân ghềnh đá, thoảng ngửi mùi biển mặn, tôi muốn quên hẳn tiếng chú tôi gọi sang bên Bãi Cháy, giang sơn chính của ông chủ Tây già Lapique. Ngồi trên ca nô chậm chạp qua eo biển rộng, tôi đã có dịp nhìn cái cơ nghiệp đồ sộ của ông chủ mới. Chỉ nội chừng hơn năm chục vừa xà lúp vừa ca nô lớn nhỏ bập bênh đậu ở bãi biển trước Bãi Cháy đã là một gia tài to lớn. Đến bờ, vào trụ sở chính, những dãy nhà đồ sộ chạy dài theo bãi biển, đến văn phòng làm thủ tục giấy tờ xong, chúng tôi kéo nhau đi lấy một chiếc xà lúp, làm phương tiện đến nơi chú cháu tôi làm việc. Vân Hải, một mỏ cát trắng ở sâu trong vịnh Bái Tử Long. Tôi quên chưa nói là ông chủ của chú cháu tôi là chủ nhân của nhiều mỏ cát trắng, mà một trong số mỏ đó ở Vân Hải. Chúng tôi trở qua Hongay mua đồ ăn. Hongay chỉ có khu phố chợ là vui nhất với ngọn núi Bài Thơ đầy khỉ suốt ngày chi chóc. Chúng tôi vào chợ mua đủ thứ gạo rau đồ gia vị, xong xuôi, lại kéo xuống xà lúp ngủ qua đêm.

Hôm sau, trời chưa sáng hẳn, tàu đã nhổ neo. Sương mai lành lạnh che phủ khắp nơi. Tàu chạy chậm chạp qua khu núi rồi bắt đầu tăng tốc độ. Núi và núi như từ dưới nước đột ngột đứng lên in những hình dáng lạ lùng lên nền trời ngày một sáng. Theo chương trình, chúng tôi sẽ đi qua vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, rồi mới đến khu quần đảo Ile de la Table. Nơi chúng tôi làm việc được đặt ở trên đảo.

Tàu chạy đã lâu, máy nổ nhẹ nhàng đều đều, như đưa hồn tôi vào cõi mộng, mặc dầu hai mắt tôi mở thật lớn như muốn thu hút cảnh vật vào trong tâm hồn. Tiếng còi tàu chợt nhẹ hú lên làm tôi chợt tỉnh, tôi ngồi xuống ghé nơi mũi tàu, gió mát vẫn phàn phật trượt qua hai mang tai làm át cả tiếng cười nói lao xao nơi cuối tàu. Lúc bấy giờ, trời đã sáng hẳn, mặt trời chưa lên nhưng mọi vật đã hiện rõ. Tôi dụi mắt, tưởng mình mơ. Chung quanh tôi tất cả mọi phía, từ gần tới xa và tới xa tít nữa, toàn núi là núi, thiên hình vạn trạng, sừng sững cứ như từ dưới biển chợt mọc lên cao ngệu, hình thù như con chim, như cây dừa, như con voi, đương nằm, đương đi, đương vỗ cánh sửa soạn bay. Con tàu vẫn lướt nhẹ trên mặt nước, sóng dợn đập vào mạn tàu chòng chành. Sóng nước menh mông bát ngát tít tắp mù khơi, không biết đâu là bờ bến, màu sắc lung linh phớt hồng phớt đỏ lấp loáng chiếu sáng cùng khắp mọi nơi pha trộn với màu xanh sậm của núi non cây cỏ. Chợt đâu vàng thối dương từ dưới biển menh mông, vụt kéo lên, sáng chói góc trời đông. Gió thổi vù vù, không khí trong lành như có vị ngọt đường; tôi nghe như mình thở dài, thở thật dài để rồi hít vào cũng thật sâu, và rồi hình như sắp sửa bước vào tình trạng mê tỉnh lúc trước. Có cần gì phải là hai chàng Lưu Nguyễn lạc vào cửa biển Thần Phù để rồi gặp Tiên và rồi lạc vào chốn thiên thai. Như tôi bây giờ. Vàng, như tôi thôi, mà lúc này nếu có cô em gái Nghĩa bé nhỏ của tôi ở bên, và rồi chúng tôi cùng lạc vào một hòn đảo xa vắng nào của vịnh Hạ Long này, xa lánh tất cả mọi phiền lụy của cuộc đời, để chung sống với nhau, thì cần gì phải mất công đi tìm thiên thai đâu nữa, vì chính thiên thai đã ở đây rồi.

Tàu đương chạy gần sát chân một ngọn núi thấp và theo sau một chiếc thuyền chạy trước. Đó là một thuyền chài bán cá tươi. Và chúng tôi gọi lại mua cá. Rồi cho tàu đi kiếm một ngọn núi nào có nước để lấy nước ngọt. Đứng ra thì núi nào trên ngọn có những vũng nước mưa đọng lại. Các ông bọm rượu tỉnh nết lại hơi khó khăn, ở Hongay thiếu gì nước ngọt, nhưng các ông lại bảo cá song tươi của vịnh Hạ Long phải được nấu nướng bằng nước mưa của núi vịnh Hạ Long thì mới ngon ngọt, nhậu mới say thú vị. Ấy thế rồi sau đó, một bữa tiệc với đủ món cá được rón ra. Chỉ chú tôi và các ông bạn ăn uống; còn tôi vì là dân ở đất liền, lần đầu tiên đi biển, nên người hơi ngày ngật, đành xin phép đi nằm cho đỡ say sóng. Lúc này là hai giờ chiều, tôi đương thiu thiu và tiếng máy chạy đều đều như ru giấc ngủ, chợt nghe tiếng rào rào, ngó ra biển nước mới hay trời mưa. Mưa rào thật lớn. Mưa cứ như trời trút nước thêm xuống mặt biển vốn đã menh mông. Cả bầu trời đen xám với cảnh núi biển bị mưa che lấp, thấp thoáng xa gần ẩn hiện, cảm thấy một cái gì như bao la, làm mình nín e sợ, nửa buồn nửa vui nhưng cũng thấy đẹp lắm thay.

Tối hôm đó, chúng tôi đến chỗ làm. Trời tối đen mù mịt; mệt mỏi, tôi chỉ mong đến nơi đến chốn để được ngủ một giấc trên đất liền, vì tôi vẫn còn e ngại cái cảm giác ngày ngật nôn nao chòng chành đu đưa khi còn ở trên tàu. Nhưng ngay khi đặt chân xuống đất, tôi tỉnh ngủ hẳn. Đặt chân tới đâu, như đập vào đường cát trắng và có ánh sáng mờ mờ theo vết chân như ánh sáng đom đóm; thì ra tôi đã đến mỏ cát trắng rồi. Một đêm ngủ đã làm bớt mệt. Sáng hôm sau, tôi dậy thật sớm để đi quan sát nơi mình sắp sửa làm việc. Đúng như tên gọi: Ile de la Tortue (đảo rùa). Thật giống một con rùa. Và nơi tôi làm việc là mấy dãy nhà làm trên đầu rùa. Sau này, mỗi khi đi thuyền từ ngoài biển nhìn vào thấy đảo như một con rùa đang nằm phủ phục trên biển, bao quanh lấy mấy đảo là núi và núi. Về phía tây, nếu đi bằng qua những bãi cát trắng menh mông, khi thủy triều lên, tràn ngập tất cả, ta sẽ đến mấy làng lân cận, dân chúng hầu hết sống bằng nghề đánh cá. Chính ở trong một làng lân cận đó, tôi đã quen một cô gái đẹp, sau này trở nên người yêu tôi.

Thời gian trôi qua đi, tôi đã quen công việc, quen cảnh quen người, đời sống dễ chịu, nhất là khi tôi được trả lương cũng khá cao. Nơi tôi làm chia làm hai phần, các văn phòng đều đặt trên đầu con rùa (miếng đất rộng, thật cao). Trước mặt văn phòng xa xa mé dưới thấp, trên khoảng cát trắng rộng là những dãy nhà của các dân phu đẩy xe goòng, tất cả tọa lạc trên một cái bến, được nối liền với mỏ cát trắng, cách đấy ba cây số, bằng một con đê trên có đường goòng. Hàng ngày, các lao công đẩy xe goòng trống vào đảo phía trong lấy đầy cát trắng đem ra đổ chứa tại bên ngoài này. Sau đó, cát được bán cho tàu ngoại quốc, nhất là Nhật Bản, để nấu thủy tinh. Công việc chính hàng ngày của chúng tôi, từ thầy thợ tới dân phu đều quanh công tác đem cát trắng từ mỏ ra tới bến, để chờ tàu ngoại quốc tới mua.

Đời sống mọi người đều đặn trôi qua đi với công việc hàng ngày; không

khí chỉ được khuấy động là hôm nào mọi người tổ chức đi bắt dê về làm món nhậu. Nơi chúng tôi ở là một hòn đảo nhỏ, chung quanh toàn biển, lúc đầu mọi người nuôi thử một cặp dê, rồi trở thành một đàn nhỏ. Rồi một bầy lớn, thật nhiều. Và đến một lúc hừng nào đó, mọi người rủ nhau đi bắt dê làm thịt. Với gậy gộc dao búa, như đi đánh giặc, mọi người xúm lại rượt bầy dê và chắc chắn ít nhất cũng sẽ hạ được một con. Một bữa vui vẻ say sưa. Nhưng không khí chỉ thật sự được khuấy động ồn ào nhất là khi nào có tàu ngoại quốc đến chở cát. Tất cả mọi người trên bến, cộng thêm dân phu dưới thuyền, đều bận rộn.

Mấy tháng trời sống trong không khí, trong bầu trời thơ mộng tuyệt vời của vịnh Hạ Long, tôi không bao giờ có thể quên được những kỷ niệm vui buồn của nó.

Nhớ những buổi lấy ca nô đi sâu vào các đảo lân cận tìm đến nhà bạn bè ăn nhậu say sưa. Nhớ những ngày đi vào làng bên thăm người yêu, vai kề má dựa, trước bao cảnh đẹp, thề hẹn với nhau đủ điều âu yếm. Nhớ những buổi chiều tắt nắng, những đám mây thiên hình vạn trạng phủ đầy trời, hòa hợp với cảnh núi non đủ dáng hình cùng với sông nước mênh mông, ngồi một mình trên bến, nhìn thẳng tắp ra phía chân trời mây biển, thấp thoáng những cánh buồm không biết đi về đâu, lúc hoàng hôn đỏ, lòng chợt buồn rười rượi nhớ tới người yêu bé bỏng nơi đất liền.

Tâm hồn nhiều mộng mơ lại có số đào hoa, đi đến đâu dào bông đến đó, thêm thương thêm nhớ, lại sống giữa cảnh đẹp thần tiên, đối cảnh sinh tình, tôi nào có bao giờ quên được Vịnh Hạ Long.

TRẦN LÊ

Trung tâm Âm Thanh và Ánh Sáng
Phát hành một loạt hai cuốn băng từ 14-4-1973

ATAS 2 : DÂN MỚI

ATAS 3 : HƯƠNG LẠ

Băng Thánh ca DÂN MỚI gồm 20 bài hát trình bày đơn ca, đồng ca tới hợp ca bốn phần, của các nhạc sĩ công nổi danh KIM LONG, VINH HẠNH, NGÔ DUY LINH, HOÀNG DIỆP... Ca đoàn TINH THẦN trình bày.

Băng HƯƠNG LẠ giới thiệu những bài ca tôn giáo bằng tiếng Pháp, do danh ca JOHN LITTLETON hát với các ban YVES AROZZI, FRANCIS LE MAGUER và JITI.



phạm chu sa thơ tặng nhỏ sóc nâu

1.
Em yêu dấu của lòng mong đợi
Mai anh về kéo hết ngày xanh
Ngày của anh là nỗi nhớ khôn cùng
Ôi mộng nhỏ thừa vàng trắng mười bảy
Em má đỏ, môi hồng, tóc xỏa
Bữa chiêm bao khơi dựng lại dòng đời
Về Bắc phương miền quê nhà tri tưởng
Thành niềm tin rực sáng ngày mai
Anh lắng tử nửa đời phiêu bạt
Dừng nơi đây bến lạnh sương mờ
Em kịp đến tuổi dậy thì thơm ngát
Chút tình nồng nghĩa mặn đơn sơ
Đã nghe thấy trong màu xanh lá mới
Mùi quê hương thơm nắng hòa bình
Ngày mới dựng niềm tin thứ nhất
Chảy xôn xao trong mạch máu buồn tim
Sẽ cùng em trên chuyến tàu thân ái
Về quê hương của quá khứ xa mờ
Và, dĩ nhiên, đời nhịp nhàng ca khúc
Mở thành thang những lối rộng đường xa
Ta nắm tay hát khúc bình ca
Đi cho thỏa những ngày qua tâm tối

2.

Đường chiều nay anh còn đứng đợi
Một chút gì như có như không
Ở đâu đây thoang thoảng chút hương nồng

Tình rạn vỡ nụ hòa bình, nhỏ a.

PHẠM CHU SA

nguyễn tất nhiên

cô bắc kỳ nho nhỏ

Đôi mắt tròn, đen, như búp bẽ
Cô đã nhìn anh rất... Bắc kỳ
Anh vái trời cho cô dễ dạy
Đề anh đừng uông mở tình si !
Anh vái trời cho cô thích mộng
Đề anh ngồi kể chuyện nằm mơ :
« Đêm qua có một chàng bướm bướm
Nguyễn chết khô trên giấy học trò... »
Anh chắc rằng cô sinh trong Nam
Cảnh tượng di cư chắc lạ lùng ?
Khi nghe ai luyến thương Hà Nội
Chắc cô nghe bằng tim đứng dưng !
Anh vái trời, cho cô đừng dưng
Coi như Hà Nội : xir hoang đường
Đề anh còn dắt cô đi dạo
Còn rủ cô vào rạp cải lương !
Anh vái trời, cô thích cải lương
Thích « kẻ hùng anh diệt bạo tàn »
Mai mốt, chạy vui quanh đời sống
Cô sẽ còn đôi chút lạc quan
Đôi mắt tròn, đen, như búp bẽ
Cô chớ nhìn thiên hạ lặn lừng
Mà, hãy nhìn anh cay lăm chuyện
Nhưng còn con trẻ chuyện yêu đương !
NGUYỄN TẤT NHIÊN

thương nhớ tháng tư ● vũ bằng

(tiếp theo trang 24)

Không một ngày nào, tôi không bị mẹ đánh và giam như tên tử tù trong nhà. Những ngày như thế, tôi thường hay mắc võng vào hai cây nhãn ở sau vườn nằm ngủ, mơ những cuộc giang hồ vật ở con đường Hàng Vôi sau nhà. Máy Đèn chỉ chít những cây nhội để bắn sáo sậu và chim khuyển; mơ những buổi lãng du trên cầu Bồ Đề sang bên Gia Lâm, Gia Quất; và mơ những buổi sáng đi tha thần lên Cột cờ, gần trại lính, cầm một cái đinh chọc vào cây đa lấy nhựa để sang ngồi ở đài Chiến Sĩ Trần Vong về lại thành quả bóng. Cứ mơ như thế rồi thiu thiu ngủ đến lúc nào không biết để đến khi thức dậy thì nghe tiếng ve sầu kêu rền rền ở chung quanh nhà.

Tôi không hiểu tại sao có người không chịu được tiếng ve kêu và cho là đình tai nhức óc. Riêng tôi cứ đến đầu mùa hạ, thấy tiếng ve kêu rền rền trên các cây me, cây sấu, cây soan, cây gạo, tôi cảm thấy cái thú khác thường của một người nằm mơ mơ màng màng sắp ngủ mà có một giàn nhạc tuyệt vời từ trên trời tấu cho mình nghe một bản nhạc kỳ diệu không thể được thưởng thức hai lần trong một năm.

Nắng mới tháng tư thường làm cho người ta mỗi mệt vào buổi trưa. Thành phố Hà Nội im ắng tiếng người, tiếng xe: anh chầm một điệu thuốc lá; cầm tờ báo đọc và thiu thiu sắp ngủ... thì đột nhiên có tiếng ve kêu, mau mau, rồi cứ kêu như thế rền rền, không ngớt, lớp này vừa nghỉ thì lại có lớp kia thay, đều đều mà liên tục đến nỗi nghe tiếng ve, anh cảm thấy đất trời im lặng lạ lùng, nếu ve ngưng bản nhạc một giây thì y như thể có ai phá sự im lặng thần tiên đó lại.

Tôi yêu tiếng ve kêu và tôi lại yêu cả cái kiếp ve ve nghệ sĩ. Cái kiếp gì quái gở! Từ lúc còn trứng mển đến lúc thành nguyên hình ve ve, vỗ đôi cánh huỳnh kim ca hát cho thiên hạ nghe khúc nhạc mê ly, tỉnh ra phải bốn năm dòng tu tuyện, lúc ở dưới đất đen, lúc đào lỗ chun lên, lúc đối phó với loài người chỉ rình bắt đem về chiên mỡ hay loài chim loài kiến tha về ổ để cho vào tồn kho, ấy thế mà đến lúc mạnh chân khỏe tay mùa may, ca hát được thì chỉ sống nhiều lắm ba mươi ngày! Cái kiếp con ở đâu cũng thế. Nhưng mà ở đời có mấy ai thấu tâm của sự ve? Đông đảo thay là những người chê trách ve chỉ biết ca hát mùa may rồi đến khi mùa đông tháng giá thì tiền hết gạo không phải đến vay ả kiến! Khốn nạn, ve có bao giờ sống được đến khi gió bắc thổi đầu. Thường khi chưa tới giữa mùa hạ ve đã «từ bỏ cái nghiệp du ca», buông chân bám vào cành cây rút xuống đất «kim thiên thoát xác» giúp cho con sâu cái kiến có một thực phẩm tích trữ ăn dần trong mùa đông tháng giá.

Tôi chưa ăn sùng ve chiên mỡ bao giờ, nhưng bây giờ nghe thấy tiếng ve kêu ở trong rừng, trên núi hay giữa đô thành ngọc ngà này, bất cứ lúc nào, tôi cũng nhớ lại cái tiếng ve kêu rền rền đặc biệt ở Hà Nội ngày xưa.

VŨ BẰNG



P. AN

HÀ NỘI,
HẸN SẼ ĐẾN

Biết phải viết gì đây cho quê hương, cho một thành phố mà em chỉ được thấy trong mộng và chỉ được nghe qua lời tả lại của mẹ, của bà ngoại, của các chú các cô. Em không dám viết để tả lại quê hương miền Bắc hay thành phố Hà Nội với ba mươi sáu phố phường vì ngày rời xa nó em còn bé quá — mới chỉ được năm tuổi. Cái tuổi mà lúc ngồi trên tàu vào Nam em còn khóc đòi mẹ mua quà.

Nói xa xôi mặc dù trên thực tế nó chỉ cách xa em có ba giờ bay, nói xa xôi mặc dù lúc nào nó cũng còn đầy trong tâm tưởng em, nói xa xôi mặc dù trong từng lời nói, từng phần thịt da của mình em thấy nó vẫn hiện diện thật rõ ràng, nói xa xôi dù em thấy nó gần gũi và muôn đời còn trong em, còn của em và những người đã sinh ra nơi đó, cất tiếng khóc chào đời nơi đó, đã thở hít cái không khí nơi đó trong một phần đời của mình. Em phải nói xa xôi là vì biết còn bao giờ được trở lại trên phần đất quê hương ấy nữa. Hà Nội ơi, miền Bắc thân yêu của em ơi, giờ đang ra sao nơi đó?

Em đã được nghe những người lớn trong gia đình nói về miền Bắc với tất cả thương yêu và say mê. Mẹ vẫn ngắm nhìn qua song cửa các hạt mưa hay ở miền Nam mà chép miệng thở dài: ngoài Bắc tháng này cũng có mưa phùn như thế. Bà vẫn mắng yêu mỗi lần em co ro trong áo ấm: Thế này nhờ mai sau về Bắc làm sao cháu chịu được cái lạnh cắt da. Các chú vẫn nhìn cô bảo: Thấy con An mặc áo dài nhưng mà lại nhớ đến Hà Nội ba mươi sáu phố phường. Đây, ai cũng nhớ đến Hà Nội thân yêu đến miền Bắc nghèo nàn, để rồi trong những ngày gần đây tất cả phải gục mặt khóc thầm khi thấy Hà Nội bây giờ qua các bức ảnh, qua các bài báo của những người đã được may mắn trở về thăm lại đất Bắc. Em cũng đã khóc vì xót thương cho Hà Nội, xót thương cho cái nghèo nàn, cái lạnh lùng bây giờ của nó và hy vọng sao ngày được trở về, để được cùng các bạn nơi đây bây giờ mang thương yêu về cho Hà Nội, cho Hà Nội và cả miền quê hương nơi đó được sống lại trong tình thương và nụ cười ròn rã. Em đã được lớn lên trong cái tiếc nuối của gia đình cho phần đất xa xôi đó nên bao giờ em cũng thấy mình như mang nặng trong lòng một nỗi ước mong được một lần trở về nơi cũ, để

được khóc trên mảnh đất nơi mình đã chôn nhau cắt rún, và để so sánh xem suốt bao năm ở đây em đã có tưởng tượng đúng không mỗi lần phải vận dụng đầu óc để nhớ hồi còn năm tuổi ra mà nghĩ về Hà Nội, về Hải Phòng. Chú vẫn mắng em : ngày vào đây còn bắt chú cõng trên lưng, còn khóc ỉ ôi đòi quà thì biết gì mà nhớ với nhưng. Chú đã làm rồi. Có thể là cái đầu óc non nớt lúc năm tuổi đó đã không giúp em nhớ được tất cả, nhưng em cũng thấy hình như trong cái óc bé xiu của mình có một ngăn tủ nhỏ cất đầy hình ảnh những ngày còn nơi xứ Bắc.

Em thấy hình như còn nhớ căn nhà em ở đường Cao Thắng, Hải Phòng, nhớ những lần bố dắt đi Hà Nội bằng tàu điện, nhớ ngôi chợ nhỏ trước cửa nhà, mà mỗi lần mẹ ốm em thường bê một chiếc rổ con ra chợ mua giầu cau cho mẹ. Bà hàng giầu cau ngày đó vẫn thường hay bèo má em khen : gớm con bé mới lên năm mà đã biết chợ búa rồi. Em nhớ con đường từ Hải Phòng về làng Mỹ Tranh, quê nội. Em nhớ được cả ngôi nhà ba gian và chiếc sân lát gạch tàu thật rộng và đằng trước là ngôi vườn trồng cau, trồng hoa mầu đơn và có thật nhiều cây na với những quả thật ngon mà bà luôn luôn dành cho em mỗi lần theo bố về thăm. Em cũng nhớ đến đồng rơm đằng sau nhà bà nội mà mỗi lần về thăm quê em thường chui vào nghịch ngợm với các chú và những đứa trẻ gần bên, nhớ những ổ rơm của chú Bơ, những ổ rơm thật êm, và em nhất định đòi nằm cho được mỗi lần về quê và những lần đó bà cũng phải bỏ giường để xuống nằm ổ rơm ngủ cùng với cháu. Em cũng nhớ cây táo trĩu đầy quả ở quê ngoại và cây ổi sè xanh đầy quả ở bờ sông gần ngay bên nhà bà nội, những quả ổi và quả táo bé xiu, nhưng giòn tan và ngọt lịm, bây giờ nghĩ đến cũng còn thêm. Em cũng chẳng làm sao quên được những lần sau cùng bố chở về thăm bà. Những tối đó bà thường hay ngồi im lặng vuốt tóc em và thỉnh thoảng một hai giọt nước mắt bà rơi xuống làm ướt tóc, nhưng ngày ấy còn ngây thơ quá em chẳng biết được sao mà bà khóc, cũng như những lần theo bà ra đình hội họp, em còn nắm ruột tượng, che vạt áo dài từ thân của bà lên đầu vừa đi vừa ca hát. Đó là những lần cuối cùng em còn được gặp bà và sau đó không lâu, đêm cuối cùng em ngủ lại nhà cậu Hạ Lý, sáng hôm sau lúc trời còn tinh mơ, mẹ đã thức em dậy, nhét vào tay gói bánh để em đừng khóc và mẹ cùng bà ngoại, cùng mẹ tay xách nách mang thuê xe chở hết xuống bến tàu. Và thế là xong. Từ đó em già từ miền Bắc, thân yêu, nơi có nhiều kỷ niệm của mẹ và bố, già từ tình thương yêu của bà nội. Bà không chịu vào dù bố đã hết sức dỗ dành, bà tiếc mảnh vườn, tiếc từng tấc đất, để bây giờ ngàn đời vĩnh viễn xa nhau.

Bây giờ bà còn hay mất em cũng không biết, và chắc bà cũng chẳng tưởng tượng nổi cô cháu bé tí ngày đó bây giờ lớn được như thế này đâu. Bao nhiêu năm xa cách, em mong mỗi biết bao, thế mà bây giờ qua báo chí, thủ đô của ngàn năm vẫn vật sao mà buồn thăm. Hà Nội ơi, những người thân của em ơi trong niềm xa cách đó, có biết chăng em và những người bên này vẫn còn nhớ mong, và vẫn ước mong được chia sẻ cái đón đầu, cái buồn thăm và vẫn ước mong cho một ngày trở về, trở về trong vinh quang, đoàn tụ.

P. AN

MỘT CHÚT MƯA THƠM



truyện dài MÙNG MÁN

Tôi ngưng chín người :

— Mô có. Em đoán rứa. Thi sĩ thường có đôi mắt mơ mộng, ngơ ngác...

Chị Hải Cát tiếp :

— Như nai vàng đi lang thang ba năm chưa « chộ » mùa thu, vì ngơ ngác quá nên không « chộ » chỉ được hết. Thu về thu đi khi mô không hay.

Tôi cười :

— Em nói chuyện đừng dẫn mà chị cứ đùa.

— Bộ mi từng thấy đôi mắt của một đấng thi sĩ rồi há ?

— Rồi.

— Mô ?

— Trên bìa một tờ báo. Đôi mắt thi sĩ Bích Khê đẹp tuyệt vời. Tiếc rằng đôi mắt nó chữ đã khép.

— Cho biết cảm tưởng ?

— Nhìn đôi mắt Bích Khê em muốn khóc và tiếc...

Tôi bỏ lửng câu nói, thoáng xúc động xưa cũ bỗng chớm lùa về. Đường như nghe giọng tôi hơi khác lạ, chị Hải Cát hỏi dồn :

— Tiếc rằng ?

Tôi đánh bạo thốt điều tôi nghĩ ra môi :

— Tiếc đã không sinh cùng thời ông ta.

— Đề chi ?

— Đề được làm nàng thơ của ông ta.

Không ngờ tôi bạo miệng đến thế. Chị Hải Cát nhìn tôi bằng ánh mắt vừa ngạc nhiên lạ lẫm vừa âu yếm. Hẳn chị cũng nhận rằng em gái chị đã lớn, nó đã biết yêu và buồn và bạc mệnh trong mắt một thi sĩ rất đáng yêu. Nhưng không phải đến bây giờ tôi mới thấy thương đôi mắt Bích Khê, từ lâu rồi, từ cuối năm mười lăm tuổi, một chiều đi học về, đứng trú mưa

dưới hiên một quán sách, giữa hàng chục tờ báo màu sắc sỡ, đôi mắt lạnh buồn của Bích Khê in trên một tờ bán nguyệt san đã thu hút ngay khi tôi vừa lướt nhìn tới. Tôi ẩm tờ tạp chí về nhà. Đêm ấy, tôi say mê đọc thơ Bích Khê, ngắm không biết chán tấm ảnh bán thân của « chàng » in ngoài bìa. Tấm ảnh chụp ngày « chàng » còn thơ bé: đôi mắt mở lớn, thâm thẳm trăm ngàn tia nhìn nhung nai, thâm lặng, phóng thẳng tới những mùa đông dài hút phía trước, vạn mùa thu nguội kín phía sau (?) Tôi mơ hồ cảm thấy giá lạnh những đông thu đó phút chốc mang mang thối về. Trùng trùng điệp điệp những trời mây non yêu. Ngày ấy, cuối năm mười lăm tuổi, đêm ấy, mưa buốt thình không, có ai tưởng tượng nổi, tôi, một cô bé chưa đầy mười sáu tuổi, đã đọc thơ Bích Khê, thương đôi mắt hương trầm của « chàng » và bật khóc không?

Từ đó, tôi thường nghĩ thi sĩ hết thấy đều có những đôi mắt tương tự Bích Khê. Những đôi mắt rất giống mắt tôi, trong chiếc ảnh chụp năm lên ba, trần truồng, thánh thiện, không qua lớp kính bọc màu nào cả.

Liệu anh-chàng-chuội-bụi, nhà đại-thi-sĩ-của-óc-tưởng-tượng-tôi, có được một phần trăm tia nhìn choáng ngợp men thơ của Bích Khê không? Ai biết!

Hạt Tiêu. Hãy thu nhỏ trí tưởng tượng lại bằng một phần tư... hạt tiêu ngay tức khắc. Tưởng tượng phóng đại tô màu một chập, tất cả nhân loại trước mắt mi đều trở thành thi sĩ, tiêu-thi-sĩ, choai-choai-thi-sĩ và đại-thi-sĩ hết.

Lỡ đọc phịa cho chị Hải Cát nghe cái thư tưởng tượng của anh-chàng-chuội-bụi rồi, tôi giấu, không nói với chị chuyện Thiên linh chuỗi. Giữ riêng mình một chuyện bí mật, kể ra cũng thích thú lắm chứ.

Đã qua thời hạn ấn định 24 giờ, tôi cứng đầu không chịu chép 1973 bản như lời đe dọa, tôi soi gương và cảm động thấy đôi tai không dài thêm ly tắc nào.

Thiên linh chuỗi chỉ là trò đùa do bộ óc siêu tưởng tượng nào đó bày đặt ra. Tôi tin thế. Nhưng kẻ nào đã gửi tôi cái Thiên linh chuỗi lạc tặc kia? Tôi suy đoán tới độ nhức đầu, phải tọng vào cổ họng 2 viên A.P.C.

Và, lần nữa, 2 viên A.P.C lại gọi hừng cho tôi viết nhật ký:

Chẳng biết gió heo may, nồm nam hay gió Lào, gió mọi gì đã thổi cái gọi là Thiên linh chuỗi phiêu bạt vào nhà tôi, làm tôi bối rối vô hạn. Từ độ năm nói đến nay, có ai gửi thư cho tôi đâu, không đừng nhận thư người xa lạ thấy tên mình báng khuáng mềm mại trên nền giấy trắng, hồng, mất, tay chân tôi luống cuống ngơ ngác. Bớt thủ, càng ngơ ngác hơn. Phản ứng tự nhiên là tôi muốn thu nhỏ mình lại bằng con kiến, một con kiến cận thị 10, 15 độ càng tốt, để khỏi đọc thấy những lời tà ma quỷ mị của người. Nhưng tôi có phép lạ chi đâu để biến hình đổi dạng? Dù tôi mang tên là Hạnh Tiên, nàng tiên đức hạnh. Một nàng tiên không biết rời bỏ thiên đường từ lúc nào, xuống trần gian làm con của ba, và được ba thân ái dấu yêu gọi bằng cái tên không ghi trong thẻ kiểm tra: Hạt Tiêu cưng quý.

Tác giả Thiên linh chuỗi là ai? Làm ơn lên tiếng cho biết tí đi! Làm ơn hiện ra cho chiêm ngưỡng nhan sắc tí đi!

Tôi, Hạnh Tiên tự Hạt Tiêu xin hứa: dù khuôn mặt của người có xấu xí đến đâu, tôi cũng không thêm ghét xấu, tôi sẽ dẫn người tới tiệm chụp ảnh ngoài phố, chụp cái ảnh căn cước để dán vào cuốn sổ nhật ký tôi lưu niệm chơi.

Thiên linh chuỗi gồm những ảnh hình huyền hoặc, không có thật, nhưng ra người cũng gọi dậy trong tôi những tiếng gọi của ước mơ. Tôi lỡ thu vào rồi, khó lòng quên được.

Làm sao tôi quên nổi hình ảnh yêu đời của cụ già râu dài phơ phất, khăn đóng, áo gấm, lê gậy trúc qua khắp trăm miền lục địa hoang vu, trút hết tâm lực qua một nghìn chín trăm bảy mươi ba tiếng ho để nâng dậy hòa bình. Có lẽ cụ già nhân từ không được khoẻ phải không? Bởi cụ đã gánh nặng trên vai cả mấy thế hệ cháu con xấp bắp xang bang vì chiến tranh, mù lòa, đốt nát. Ấy, óc tôi chỉ bé bằng hạt tiêu, nghĩ dài được rứa này thôi, không thể vượt thoát hơn, xin nghiêng mình trước cụ già nhân từ đáng yêu và đáng kính.

Làm sao tôi lại không thêm ăn những miếng mơ ước người đưa mời:

Hòa bình cưỡi xe đạp
Chiều lượn quanh hồ thu
Hòa bình nắm tay nhau
Kênh kênh đi dạo phố
Hòa bình viết thư tình
Tay chuyền tay nhau đọc
Hòa bình ngồi quán cà phê
Rao giảng kinh kệ mới:
Tình yêu ơi tình yêu
Lồng lộng đường bay bằng nghìn thế giới
Hòa bình lúm đồng tiền
Cười đủ một nghìn chín trăm bảy mươi ba nụ

Vâng, những miếng ước mơ người đưa mời ngon ghê lắm. Những miếng làm thường hàng ngày bọn trẻ cỡ tôi hằng được hưởng, nhưng trong thứ thời tiết khác, khi hậu khác của Hòa bình, hẳn phải ngon hơn gấp triệu triệu lần, Hòa bình thôi sẽ không còn những mắt người lo âu, sẽ mệnh mông những mắt nhìn bao la hương mật của những Bích Khê, Nguyễn Bình, Nguyễn Nhược Pháp. Trông đợi thay bằng gập gờ; tàu nổi dài toa chở mưa Huế, Quảng Trị tương phùng mưa Hà Nội, chở cát Nha Trang về hòa chung cát Sầm Sơn, chở nắng ngát Sài Gòn về cho nắng lụa Hà Đông, chở những miếng Việt Nam miền Nam ráp nối những miếng Việt Nam miền Bắc và, sung sướng biết mấy nếu có giao thừa nào đó, tôi được hái một cành lộc bên hồ Trúc Bạch mang về cắm chung cùng cành lộc khác tôi đã hái, cất giữ bấy lâu nay.

Hòa bình không thể quên, phải nhớ rõ Hòa bình như nhớ tên tuổi mình. Chiến tranh, quên càng chóng càng mau càng nhanh càng tốt. Không có tri nhớ nào dùng để cất giữ chiến tranh cả.

Tôi thử làm thầy bói đoán rằng: Người kìn đáo dùng hình thức Thiên linh chuỗi, để những miếng ước mơ người đưa mời sẽ được nhiều người cùng ăn?

Tôi sẽ vâng ý người, nhưng người là ai? Làm ơn lên tiếng cho biết tí đi!

Không dừng, tôi nhớ đôi mắt Bích Khê vô cùng. Tôi đỗ tôi ngủ: Hạt Tiên, Hạt Tiên, thôi đừng khóc!

Cuốn sổ nhật ký nhét dưới gối, trên đầu giường và, tôi mang Thiên Linh chuỗi đến lớp học.

Giờ ra chơi. Bọn nhỏ bạn chuyền tay nhau Thiên Linh chuỗi để đọc, mắt chớp chớp, môi thì thầm, tóc nghiêng cúi, đứa nào trông cũng thiết tha ghê lắm. A! Té ra đứa mô cũng thêm ăn ước mơ! Chúng bu quanh tôi hỏi quẩn quít:

— Bài thần chú ni mi lấy mô ra?

— Ai cho mi bài văn ma thơ quỷ ni?... .

Tôi vui vẻ phịa:

— Đêm qua, tau mơ một giấc mơ kinh dị. Mơ thấy tau cãi nhau với chị Hải Cát, việc vặt vãnh chi đó, mà lại bênh chị, mắng tau tưới hột sen. Tau bèn giận dữ, quyết chí khăn gói ra đi, phiêu lãng giang hồ. Lang thang ham bắt bướm bẻ hoa, lạc vào khu rừng không tên. Một con cạp không biết núp chờ tau từ mấy kiếp rồi, bỗng nhảy xổ ra, dĩ nhiên lão định mời tau vào « Bộ tiêu hóa » của lão ở chơi. Run bắn người, nhưng tau vẫn đủ can đảm cưỡi một nụ thật duyên dáng trước khi chết. Tau cười duyên quá, lão cạp bèn ngắt xỉu chừng 12 phút rồi tỉnh dậy và, thật là ngạc nhiên kinh khủng, trước mặt tau không phải là lão cạp già hom hem nữa, mà là một nàng tiên xinh đẹp. Đến lượt tau suýt xỉu vì nụ cười hàm tiếu của nàng. Nàng thổ lộ: em có nụ cười duyên gấp mười chị, hãy giữ nụ cười ấy mãi mãi, em sẽ vượt qua mọi sự nghèo đói và bệnh tật, nụ cười chính là kho tàng vô giá của con người, xài hoài không hết. Tau cười liên tiếp luôn mười nụ một lúc. Nàng tiên xinh đẹp hỏi: chừ em muốn chi không, chị sẽ chiều ý em. Lúc nớ tau đang đói bụng chết cha, tau bảo tau đói bụng. Ngờ là nàng sẽ dắt tau đi ăn bún bò, nhưng không, nàng chỉ dụ dàng vỗ lên vai tau hai cái, tức khắc đôi cánh vùn vụt mọc ra, nàng khẽ bảo hãy theo chị. Lạ lùng ghê, tau bay được liền à. Như chim. Tau thích quá, cười dài dài hơn mấy nghìn chuỗi. Tau và nàng tiên xinh đẹp bay liên cánh nhau in chim uyển ương, tau van xin nàng biến thành hoàng tử, nhưng nàng không chịu, sợ nàng giận nên tau không kéo nài làm chi. Lúc bay ngang qua nhà tụi bây, tau đều đáp xuống đứng ngoài cửa sổ dòm vô, thấy con Việt Nữ đang cạp bắp nướng, con Thu Thu đang chải đầu, con Ngọc Quý đang làm nũng với mẹ, con Cẩm Anh đang học bài... .

Quỳnh Thu, Cát Tiên, Cẩm Lai nguyệt tôi:

— Mi ghé nhà mấy đứa tề, không thêm ghé nhà tụi tau à?

Tôi cười:

— Có chứ, tau muốn ghé hết thấy mọi nhà, rình coi tụi bây đang làm chi, nhưng nàng tiên nhằn nhó: coi tề, coi tề, đã nói đói bụng mà cà kê ghé nhà ni nhà tề hoài, bắt ta chờ rục xương...

Cả bọn cùng cười ồ. Tôi tiếp:

— Tau ứa nước mắt nghe lời nàng. Rồi tụi bây biết tau bay về mô không? Trước hết là Saigon. Nàng tiên dẫn tau đi ăn phở, hủ tiếu, xiu mại no kênh rồi vô sở thú coi khỉ, cạp, chồn cáo diễn trò; về Lái Thiêu, Bình Dương ăn trái cây,

trở về vào phòng trà nghe Khánh Ly, Thái Thanh... hát tình ca, rồi cất cánh nhấm Thăng Long thành hoài cồ thẳng tiến. Đường bay hơi dài nên tau đói bụng liền tù tì. Tới Hà Nội, nàng tiên lại dẫn tau đi ăn bánh cuốn, bánh tôm, bún thang... Rồi tha thần buồn theo liễu rủ bên hồ Hoàn Kiếm, Trúc Bạch, nhặt lá vàng rơi dọc đường Cổ Ngự, đứng trên cầu Thê Húc trông vời cánh nhạn lưng trời, tau bỗng chạnh lòng sầu xứ, nhớ Huế quay quắt. Tau nũng nịu nói với nàng tiên: em ăn chán chê những món ăn Saigon, Hà Nội, coi chán mắt phong cảnh hữu tình của Hà Nội, Saigon rồi, chừ em bắt đầu thèm dấm nuốt, bánh bèo, bánh nậm, bánh khoai của Huế, nhớ cây cầu Trường Tiền, trường Đồng Khánh và lũ bạn của em quá, chị đưa em về Huế gấp gấp. Nàng tiên cười: coi tề, mới đi Saigon, Hà Nội chơi có tí ti đã nhớ mạ đòi về rồi, ở chơi tí nữa, đợi sương mù xuống ta còn lên thăm chùa Một Cột, coi ngôi chùa bồng bềnh giữa biển sương tuyết ghê lắm. Nghe nàng tiên nhắc tới mạ, tau chợt nhớ mạ ghé góm, tau dậm chân tưởng chừng muốn sập cầu Thê Húc: Không, không, một về, hai về em không thể nán lại thêm, dù chỉ một phần mười giây. Tau làm dữ, hàm hồ hàm chứa quá, nàng tiên hoảng vía cất cánh lướt gió mây... hồi hương. Về tới Huế, tau đáp ngay xuống, cúi hôn đất liền 15 miếng vẫn chưa đã nư. Rồi về Vĩ Dạ ăn dấm nuốt, bánh bèo, về Gia Hội ăn bánh khoai... và, cuối cùng nàng tiên dẫn tau bay về thăm nhà nàng. Tại đây biết nhà nàng ở mô không? Trên chót chót vót đỉnh tháp chùa Linh Mụ. Chính trên đỉnh cao thật cao này, tau đọc thấy Thiên linh chuỗi khắc ghi trên một tấm bia đá xanh. Nàng tiên dụ dàng bảo tau: em đã ăn đủ món ăn của Huế, Saigon, Hà Nội, nhưng chị biết em vẫn còn đói, đói và khát hòa bình. Ta chép tặng em món ăn ước mơ ấy, giữ lấy và mang về. Vậy, Thiên linh chuỗi đã từ giấc mơ tau «bước» ra.

Biết tôi nói phịa chơi cho vui, nhưng các nhỏ bạn đưa nào cũng nói giấc mơ tôi thật đẹp. Chúng đều ao ước có lần được mơ như thế và, tôi chủ quan nghĩ rằng, đó là giấc mơ chung của mọi cô bé học trò chúng tôi.

Không còn thắc mắc xuất xứ nữa, có vài đứa hân hoan lấy giấy bút ra chép Thiên linh chuỗi, nhiều đứa khác bắt chước theo. Phút chốc cả lớp xôn xao thành một «hiện tượng» Thiên linh chuỗi.

«Bạn hãy chép đúng 1973 bản, gửi cho 1973 người bạn quen biết. Không sai một dấu chấm, dấu phẩy. Bằng không, tại bạn sẽ dài thành tại lừ trong vòng 24 giờ». Câu này bị ném vào vòng luân hồi, biến đổi tùy theo khả năng sáng tạo và óc hài hước của các nữ sĩ học trò.

Con Lan Khuê hoa tay múa chân:

— Bạn hãy chép đúng 19.973 bản, qua tận xứ Công-gô trao tận tay cho 19.973 ông Hynos. Bằng không, bạn sẽ biến thành bà Hynos đen in cục than.

Trận cười mở màn làm chim chết trên mái ngói, ong bướm ngoài các đình cây giật mình bay tán loạn, lời theo một lũ những đứa ở lớp khác tới dự thính.

(còn nữa)

anh chỉ yêu dấu



truyện dài ĐÌNH TIẾN LUYỆN

Câu nói với mắt nhìn của người nữ tu hướng về tôi, làm tôi tái mặt. Có thể họ bắt đầu nghi ngờ về sự hiện diện của tôi bên Anh Chi và rồi sắp khám phá ra rằng tôi không phải là anh ruột của Anh Chi, như tôi đã dối họ. Những buổi sáng chủ nhật tới đón Chi đi chơi rồi sẽ không còn, khi mẹ Chi đã biết tôi có mặt ở thành phố này, nơi mà bà tưởng là sẽ giữ được tôi xa Chi. Thật là một sự kinh hãi. Rồi bà sẽ đưa Chi đi một nơi khác, thật xa xôi nào đó. Nơi đó, hẳn sẽ nằm ngoài bước chân của tôi. Tôi mơ hồ rồi tôi sẽ mất Chi.

Từ buổi chiều ấy ở nội trú về, tôi mơ hồ rồi mình sẽ mất Chi, vĩnh viễn. Tôi buông tay Chi, lặng câm run sợ, không dám ngược nhìn người nữ tu có bốn phen phải chăm sóc cho em. Tôi quên cúi xuống trán em ở hành lang tối và chúng tôi quên dặn nhau như những lần trước. *Anh về ngủ ngon. Em về ngủ mơ.*

Bởi thế tôi về ngủ chẳng ngon. Khi tôi trêu Chi, làm Chi dỗi, rồi hết lời dỗ Chi, có một lần em nói với tôi, *anh ưa trêu em rồi anh về anh ngủ mơ thấy cây xương rồng cho mà xem.* Những cây xương rồng đang mọc đầy trong đầu tôi thành vườn. Những nhánh ngang nhánh dọc, những gai nhọn những mấu mủ đang đâm kín tâm hồn bệnh hoạn của tôi. Tôi về chẳng ngủ được và hút thuốc lá liên miên. Những đêm thật khuya, tôi bỏ sách vở ra ngoài hiên ngồi đốt thuốc, co mình trong cái lạnh. Cho đến khi mềm người, cái đầu ồm lên vì khói thuốc như muốn nứt ra, tôi nằm ứa nước mắt nhớ tới Chi. Giờ này biết đâu em cũng chẳng ngủ được như tôi, nằm vùi mặt trên gối mà khóc vu vơ. Bởi một lần em ngả trên vai tôi nói, *từ nay anh nghĩ gì em cũng biết hết cho mà xem.* Anh không ngủ được và đang nghĩ tới bé, Chi ạ. Anh đã quyết định rồi, từ tuần tới anh sẽ chẳng tới đón bé. Và những tuần tới nữa anh cũng chẳng tới thường với bé. Có thể chúng ta chỉ gặp nhau hoặc nhìn nhau mà thôi. Vì anh muốn nâng niu những ngày này. Không biết bởi linh tính nào đã khiến anh nghĩ thế, rồi những chuyện tình cảm của chúng ta vỡ ra. Chúng ta sẽ không còn được ở bên nhau mãi đâu.

Phần đêm còn lại tôi ngủ mơ thấy mình là anh chàng phi công mất trí trong phim, bị bắn những phát đạn nơi ngực, nằm chết trong sân nội trú trường Chi, mắt mở trừng trừng. Tôi mơ thấy tôi, thấy lẫn lộn tất cả. Khi thấy mẹ Chi với đôi mắt đỏ hoe. Khi thấy cũng là đôi mắt nhưng là sợ giám thị, bà nhìn tôi thật dữ tợn sau lớp kính sáng quắc. Và tôi thấy cả đôi mắt của người đàn ông đã làm tôi khó chịu trong buổi sáng chủ nhật đi chơi với anh em Trường nữa. Kỳ lạ. Tôi thấy ông ta cười với Chi, nắm tay Chi và ẵm Chi lên ngựa. Tôi thấy Chi ngồi sau lưng ông trên con ngựa trắng phi như bay trên ngọn đồi cỏ mượt. Tỉnh dậy tôi còn nghẹn nghẹn ở cổ và miệng khan, một nước đắng ngắt.

Bỏ học liên tiếp mấy ngày, người tôi lao đao trong cơn đau. Cơn đau như thời tiết đang thay đổi ở ngoài, mưa từng chiều dài tê tê, lạnh ngắt từng những bậc cửa, những đồ dùng. Tôi muốn đau vùi qua ngày chủ nhật, để tôi quên sẽ đến đón Chi. Và tôi đau thực sự, buổi sáng lúc đội mưa từ bưu điện về.

Cô Ngân đã đặt tay lên trán tôi, lo ngại :

— Cháu sốt to rồi.

— Vâng, có lẽ thế. Sao miệng cháu đắng ngắt à.

— Tại cơn mưa đó. Mưa đầu mùa bao giờ cũng độc.

Tôi nhớ tới cái thư, nhớ tới chị Hà và thành phố mà những người thân tôi đang sống. Có lẽ cũng đang vận mình trong cơn đau của mùa mới. Chỉ vào những tháng này người ta mới biết có thời tiết đang thay đổi chung quanh, suốt một năm. Và những ngày lạnh rơi rớt vào những cuối năm hoa hiếm đề người ta biết có những ngày tết sắp đến. Thành phố mà lúc nào cũng đầy khói, bụi bặm và những tiếng động mệt mỏi. Tôi thích được nói, cái thư có gói một chút thời tiết của nơi gửi. Trong thư tôi cũng kể cho chị là nghe, nơi đây cũng đang bắt đầu mưa.

Tôi co quắp người trong chăn với cơn ho dài. Cô Ngân đi lấy thêm cho tôi chiếc chăn dày đắp phủ gần kín cả chiếc giường. Cô bóc một tờ lịch treo trong phòng xong đến ngồi bên tôi. Hôm nay thứ bảy rồi.

Cô nói :

— Mai chắc cháu không đi đón em Chi được nhỉ?

Tôi quay sang nhìn cô, bặm chặt môi, không nói gì. Cô đặt bàn tay lên bờ vai tôi, cười nhẹ. Cô đùa, anh Huy đau không tính toán gì cả, nhầm đúng ngày tới đón người ta thì đau. Cô cố vui cho tôi vui được :

— Cô đang định nấu một bữa bún mọc để đãi hai người, rán khối tuần tới còn đón em Chi về chứ anh Huy.

Tôi vẫn không cười được, hàm răng vẫn ngậm chặt lấy môi. Tuần này và tuần tới, biết rồi tôi có còn dám tới nội trú đón Chi. Biết rồi chúng tôi có còn vui vẻ đề gặp nhau.

Cô Ngân lay vai tôi :

— Kia, anh Huy. Hẹn tới đón em Chi đi chứ.

Tôi nhìn chăm chăm vào cô Ngân, nghe cô nói. Em Chi dễ thương ghê đi ấy. Và tôi ứa nước mắt.

— Đừng chứ, anh Huy.

Cô làm tôi òa lên khóc. Chưa bao giờ tôi lại thấy mình trẻ dại như thế. Cô Ngân cuống lên. Cô thôi gọi tôi như Chi đã gọi tôi.

— Đùa tí vậy mà, cháu.

Cô bỏ chỗ ngồi bên đầu giường tôi, xuống bếp. Một lát sau cô trở lại với ly sữa và tiếng muống khua vào bờ thủy tinh, cô nói :

— Cháu uống ly sữa cho khỏe.

Tôi ôm bàn tay mình vào bờ thủy tinh, tìm một chút ấm tỏa ra. Tôi nhớ Chi và những giọt nước mắt đã khô một cách vội vàng. Không biết giờ này ở trường em Chi đang làm gì. Đang huyền thuyên bên bạn bè, đang cầm cúi trên cuốn vở hay đang đứng cúi mặt trước sư Giám thị nghe hạch hỏi. Trời ơi, có thể lắm, nếu sư Giám thị gạn hỏi mọi chuyện thì Chi biết những gì phải trả lời, biết những gì phải dấu diếm. Nhất định rồi mọi chuyện sẽ vỡ lở, hỏng hết. Tôi nắm chắc ly sữa tưởng như có thể bóp nát thủy tinh được. Trời ơi. Tôi cảm hận người nữ tu cận thị, cảm hận nội trú trường Chi, cả hai là một bức tường đá nặng nề quây kín lấy Chi và sữa soạn ngăn cấm tôi tới với em.

Nhưng, có lẽ giờ này em đang ở nhà nguyện.

Buổi sáng chủ nhật tôi nằm nghe tiếng chuông lễ đầu vang từ ngọn đồi Nhà thờ Chính tòa, đồ từng hồi rộn rã, ngân nga. Lòng bỗng nôn nao quá đổi. Tôi thêm được khỏe khoắn để bỏ dậy khoác áo đi đến đón Chi. Như mọi sớm chủ nhật khác, khi tiếng chuông lễ đầu chưa dứt tiếng ngân là tôi đã ra khỏi nhà, chui trong sương mù ẩm ướt mà cảm thấy hạnh phúc bé mọn đó tôi nhận ra bước chân mình rất ngậy ngô, khờ khạo bước lên những con dốc, ngửa mặt lên nhìn trời. Tôi cảm thấy bất ổn. Tôi y hệt hình ảnh một người chẳng lấy gì gọi là giàu có nọ, có một chút của cải đem chôn giữ nhưng lúc nào cũng nơm nớp lo lắng là sẽ bị đào mất. Hạnh phúc của tôi bên Anh Chi mỏng manh, bé mọn và thật buồn. Hạnh phúc mà mỗi chiều chủ nhật tôi đưa em trở lại nội trú để nghe bước chân mình nhẹ tênh, vui đập trong bóng tối, đi về một mình một đường. Hạnh phúc đó bây giờ đây đang ngân nga trong tiếng chuông. Tiếng chuông dứt tôi vui người trong nỗi nhớ Chi. Giờ này chắc em đang ở nhà nguyện.

Tôi tưởng tượng Chi đang quỳ ngoan ngoãn trong nhà nguyện, mắt ngược lên. Và khi mọi người dự lễ về hết, chỉ còn một vệt nắng chiếu qua khe kính vỡ nào đó của khung cửa vòng cung và em nhỏ bé bên những hàng ghế nguyện lạnh tanh. Rồi lời nguyện nở trên cánh môi hồng của người con gái nhỏ, đôi mắt long lanh. Em là một thiên thần dễ thương nhất còn quên lại trên trần thế này. *Lạy Chúa, xin thương mẹ con, thương anh Huy con và con nhỏ bé, yếu đuối của Chúa.* Mấy lần tôi đã đòi Chi dạy tôi cầu nguyện và đòi Chi kể lại cho tôi nghe là em đã cầu nguyện như thế nào, chẳng hạn như mỗi tối trước đầu giường khi em đặt mình xuống ngủ. Có bao giờ Chi nhớ tới anh trong những lời nguyện ấy. Chi nói, em vẫn thường cầu nguyện cho anh.

— Chi cầu nguyện cho anh làm sao ?

Tôi hỏi thế, Chi giương mắt nhìn tôi mọng thương yêu. Chi nói khẽ :

— Chi cầu nguyện xin Chúa thương anh.

— Nhớ chúa chẳng thêm thương anh thì sao.

— Anh nhảm. Chúa bao giờ cũng thương hết mọi người.

— Nhưng Chúa thương Chi hơn.

— Sao anh biết ?

— Biết chứ, anh còn biết hơn thế nữa kia.

— Anh biết làm sao ạ ?

— Biết có người còn thương Chi hơn Chúa nữa cơ.

Chi « la » tôi :

— Anh lại nhảm nữa, không được đem Chúa ra so sánh với bất cứ ai.

Tôi ngoan ngoãn khoanh tay lại đứng trước mặt Chi :

— Vâng ạ, thưa em Chi. Ai dạy em Chi mà em Chi... khôn thế ạ.

Chi phì cười, chồm lên ôm cánh tay tôi :

— Anh Huy đừng nói nhảm vậy nữa, Chi phạt đó nha.

Tôi vẫn khoanh tay, nhìn ngược lên trời :

— Nhưng Chi có biết « một người » anh nói đó là ai không nhỉ.

Chi buông cánh tay tôi ra, sững sờ. Người tôi co lại như cây tùng khô bị đứng giữa trời chờ vợ, run rẩy chờ đợi. Buổi chiều chủ nhật gió chạy đuổi với những xương lá khô dưới chân chúng tôi, gió đưa mái tóc mềm ngã vào vai tôi, gió thổi tung tâm hồn chúng tôi lên cao, hòa nhập vào nhau. Chúng tôi là những người có bước chân đi đứng không chạm mặt đất, hàng hơi thở của nhau. Bé yêu dấu, bé có biết, anh thương bé nhất đời. Tôi bỗng xuôi tay xuống, cất tiếng nói lớn để chặn hạt nước mắt nặng nề nằm trong khoe có thể ứa ra, là hơi thở nóng hừng hực trên mái tóc Chi :

— Anh muốn được sống bé mọn như thế này hoài hoài, Chi ạ.

Tôi bế bổng Chi lên, xoay một vòng qua thân cây thông nằm ngang và hai đứa bước ra đường rời khỏi *quê hương nhỏ bé* của chúng tôi thường *lập nghiệp* trên đường đi đường về. Vào buổi sáng lúc ngồi gặm bánh mì với nhau và buổi chiều khi cầu nguyện bên nhau, bên những thân thông già trụi lá cao vút của những chủ nhật êm đềm. Đó là một khu rừng thưa ở lưng chừng con dốc nằm bên đường, trước khi hai đứa chui vào cái hầm là những cành cây dày đan kín vòm trời trên đầu, rẽ tới khu vực của Marie. Thế là buổi chiều tắt trong đôi mắt của hai đứa nhìn nhau. Anh về ngủ ngoan. Em về ngủ mơ. Ngủ trong suốt một tuần để đợi một ngày chủ nhật. Anh muốn được sống bé mọn như thế này hoài hoài Chi ạ.

Giờ này nếu tôi được quỳ cầu nguyện bên Chi thì có lẽ lời nguyện sẽ chất ra từ hơi thở nóng mê man hơn lúc nào hết của tôi. Lạy chúa, con chỉ có một trái tim nhỏ nhoi tội nghiệp và những giọt máu vui buồn, đã lẫn vào với nỗi vui buồn của em Chi. Xin thương giữ cho con, chứng giám cho con với tình yêu đơn sơ, chân thành này. Con như người mù, con sẽ nhắm tịt mắt và không còn thiết, còn biết gì nữa hết, ngoài em của con ra...

Tôi rũ người trong cơn ho dài. Tiếng chuông tan lễ bắt đầu đồ từng tiếng chậm, ngân nga rồi đồ dồn lan rộng. Tôi nằm bất động lắng nghe, cố dằn cơn ho cho đến khi dứt hồi chuông, dứt hẳn tiếng ngân nga, vang vọng từ những thung lũng chung quanh đưa về. Ở một góc nào trong ngực tôi đau nhói. Tôi bắt đầu sợ tiếng chuông. Rồi sẽ nằm đây im nghe những tiếng

ngân nga, vang vọng kể tiếp vào lúc ngọ, vào lúc chiều. Tôi nghiêng người nhìn chiếc đồng hồ trên bàn, hai chiếc kim và những con số. Trong cơn đau này và những tiếng chuông. Tôi nhớ em Chi. Chắc giờ này em đang mong tôi lắm.

Cô Ngân mang cả tô cơm lớn cô đang ăn vào phòng tôi. Cô hỏi :

— Thêm cơm không ?

Tôi lắc đầu. Cô Ngân ngồi xuống mép giường.

— Cháu ăn cháo nhé.

Tôi lại lắc đầu. Cô cười cười :

— Bây giờ thêm cái gì nào ?

Tôi xoay người, kê hai bàn tay dưới má :

— Cháu chả thêm cái gì cả. Cháu chỉ thêm chết.

— Đại đột chưa, cô Ngân vẫn cười cười, thế còn em Chi để đâu.

Tôi lặng thinh, nước bọt trong miệng đắng ngắt. Tôi không dám nhìn cô. Nhìn ra phía cửa sổ, cô nói :

— Sáng nay chắc người ta mong lắm đấy. Đáng lẽ phải nhờ người nhân giùm cháu không tới được.

Xoay người lại ngay ngắn, tôi nhìn ngược lên trên nhà :

— Chả cần cô ạ.

— Sao vậy ?

— Cháu không thích.

— Không sợ em ấy mong sao.

Tôi lặng thinh vẫn nhìn vào khoảng không mơ hồ. Trong mắt, hình như hạt nước nặng nề nào lại tìm về. Cô Ngân lặp lại câu nói, không sợ cô ấy mong sao, và sửa lại mép chần xô lệch trên ngực tôi. Tôi muốn được có một người để kể và hiểu chuyện của tôi quá.

— Có thể tuần tới cháu cũng không tới đón em ấy nữa cô ạ.

Cô Ngân nhồm lên :

— Sao vậy ?

— ...

— Có chuyện giận em ấy hả ?

Nếu để giận được em. Tôi xoay mặt vào trong để dấu giọt nước mắt ứa ra. Làm sao có thể kể cho ai hiểu được nỗi lo sợ sắp mất Chi của tôi.

(Còn tiếp)

XIN ĐỌC LẠI :

Vì sơ xuất của thầy cô hiệp với ấn công nên trong Anh Chi yêu dấu kỷ trước bỏ mất phần ngắt đoạn. Vậy xin bạn ngọc đọc lại giùm ở đầu trang 55 TN số 98 có hàng chữ lớn : MÙA HẠ — Chương bảy.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

từ bạn ngọc

VĂN

Yên Thủy, Phan Nguyễn Ô Mai, Nguyễn Thị Trường Phố, Hồng Oanh, Hoài Đơn Phương, Trần Hương, Hương Mai, Nguyễn, Hạ Đoan, Nguyễn Thị Hiver, Ưu Thảo, Sợi Tóc Dài, Giang Hải Linh Hà, Mỹ Trang, Hoàng Tử, Nguyễn Thiện Hồng Ý, Trần Chung Thanh, Ngô Lan Nhung, Đông TV, Trần Du Tâm Vông, Nguyễn Xinh Xinh, Vũ Sơn Tùng, Th. Du, Thúy Mỹ, Phan Thị Đoan Ca, Hồng Oanh, Nguyễn Hồng Hạ, Châu Thị Kim Ngân, Trương Chính, Đinh Thị Tường Hạ, LỖN, Trầm Thị Dề Thương, Nhật Lệ Nguyễn Thị, Trần Văn Già, Nguyễn Lê Yên, Ngô Mộng Quyền, Bảo Lễ, Sa Quỳnh, Thư Duy, Trần Đình Sơn Cúc, Phan Thị An Khanh, Vũ Hồng Thắng, Hạnh Phương, Hồng Trần, Thanh Giang, Lâm Ai, Chu Ru, Đinh Huyền, Phi Man, Thụy Thụy, Lê Khai Nguyên, NGĐ, Thục Thục, Nhã Lan, Nguyễn Hoài, Nguyễn Kim Đan, Hoàng Văn Tuy Hòa, Nguyễn Hải Loan, Sa Quỳnh, Nguyễn Nguyễn, Luyện Ngạc, Dư Âm LHN, Thùy Anh, Trung Vương, Hồ an Du, Đăng Ca, Linh Hà.

THƠ

Ty Ca, Ngô Lan Nhung, Mực Tử Ca, Thúy Minh, Mã Hoài Nguyệt, Hoàng Miên, Vũ Trúc, Hạ Miên, Trần Du Tâm Vông, Phạm Quang Ngũ Hoài, Dạ Quê, Tôn Nữ Thu Dung, Phan Anh Tuấn, Phạm Nguyên Khôi Bá, Nguyễn Hữu Nam, Đan Vân, Nguyễn Thương Hoài, Vang Kha, Đinh Vô Danh, Thị Huyền Êm, Thoại Kha Tú, Vương Thy, Nguyễn Nguyễn, Ô Dy, Đinh Thị Tường Hạ, Thanh Lăng Tử, Từ Hạ, Nguyễn Duy Khoái, Hạ Đoan, Phạm Duy Dy, Huỳnh Chiêu Vọng, Sơ Hạ, Nguyễn T, Bửu Hội, Phạm Thiên Phú, Đào Duy Thy, Tóc Mây Xanh, Hồng Yến, Phan Nhật Chiêu, Văn Hoàng Phi, Hoàng Thủy Nhơn, Trần Thành Thạch, Phùng Miên Thoại, Phạm Thị Đoan Ca, Nguyễn Hồng Giang, Đan Khánh Hương Rừng, Yên Chu, Đan Hoàng, Hồng Hạnh, Nguyễn Duy Ai, Lũy Đức Nghiễm, Nga Nguyễn, Ngô Mộng Quyền, Tê Đê, Bảo Lễ, Vương Trầm Ngân, Phụng Du, Nguyễn Vũ Hoàng, Nguyễn An Sơn, Dương Cười Tum, Sa Quỳnh, Trần Đình Sơn Cúc, Nguyễn Lâm Hoàng, Hải Âu, Lê Thị Mỹ Hoa, Phan tất Loan, Lê Hoa Trang, Nguyễn quý Trượng, TH Danh Phôt, Liên Lan, Nguyễn trần Cúc Nhân, Nguyễn tổng Ngọc, Jalau, Nguyễn thái Huy, Nguyễn Lâm Hoàng, Lê Khai Nguyên, Thục Thục, Hộ Vũ, Đoàn Khánh, Nguyễn Hải Loan, Chính Thùy Trang, Y Giao, Nguyễn Tế Khuyền, Nguyễn Hoài Mỹ, Nguyễn Miên Tịnh, Yên Chu, Nguyễn trường Anh, Trà Bắc, Dương Hoàng Long, Phạm Văn Tuấn, Nhuệ Phát, Trầm Thụy Hải Yên, Bửu Khánh Hồ, Nguyễn thị Ô Mai, Nguyễn Vũ Lam Uyên.

CÁO LỖI

Vì tác giả Duyên Anh bệnh nặng nên truyện dài Tuổi Bướm Sầu phải gác lại một kỳ. Xin cáo lỗi cùng bạn ngọc.

UNIVERSITY
AUG 30 1973

LIBRARY

Sữa MONT BLANC

tuổi trắng



MONT BLANC

*của xứ non cao
dồi dào sinh tố cần thiết cho
trẻ con và người có tuổi.*

